

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	8
1. Xuất xứ của Dự án.....	8
1.1. Xuất xứ, hoàn cảnh ra đời Dự án.....	8
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo, tài liệu liên quan	8
1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	9
2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM	9
2.1. Các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường	9
a. Các văn bản pháp luật.....	9
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.....	12
2.3. Các nguồn tài liệu, dữ liệu liên quan.....	12
3. Tổ chức thực hiện ĐTM	12
4. Phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM	15
5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM	15
Chương 1	16
MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN.....	16
1. Tóm tắt về dự án	16
1.1. Thông tin chung về dự án	16
1.1.1. Tên dự án	16
1.1.2. Chủ Dự án.....	16
1.1.3. Tiến độ thực hiện dự án	16
1.1.4. Tổng mức đầu tư.....	16
1.1.5. Vị trí địa lý.....	16
1.1.6. Mục tiêu, quy mô, công suất Dự án.....	19
1.2. Các hạng mục Dự án	20
1.2.1. Các hạng mục chính	20
A. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật.....	20
1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ	24
1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	24
1.2.4. Bãi đổ vật liệu không thích hợp.....	25
1.2.5. Sự phù hợp của Dự án với các chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.....	26
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án	26
1.3.1. Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu	26
1.3.3. Sản phẩm của dự án.....	29
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành	29
1.5. Biện pháp tổ chức thi công	29

1.5.1. Công tác chuẩn bị trước khi thi công	29
1.5.2. San nền	29
1.5.3. Hệ thống giao thông	30
1.5.4. Hệ thống cấp, thoát nước	30
1.5.5. Thi công các hạng mục dự án	30
1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án	31
1.6.1 Tiến độ dự án	32
1.6.2. Tổng mức đầu tư	32
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án	32
Chương 2	34
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN	34
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	34
2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất	34
2.1.2. Điều kiện khí hậu, khí tượng	35
2.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng khu vực dự án	39
2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án	44
2.2.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	44
2.2.2. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí	44
2.2.3. Hiện trạng tài nguyên sinh vật	46
Chương 3	48
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	48
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai dự án	48
3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn chuyển đổi mục đích sử dụng đất	48
a. Tác động đến kinh tế - xã hội do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đền bù GPMB	48
b. Tác động về mục đích sử dụng đất	48
3.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình giải phóng mặt bằng	48
3.2. Đánh giá dự báo tác động trong giai đoạn tiến hành thi công xây dựng	49
3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động	49
3.2.1.1 Nguồn tác động đến môi trường không khí	50
3.2.1.2. Nguồn gây tác động đến môi trường nước	65
3.2.1.3. Tác động do chất thải rắn	69
3.2.1.4. Tác động do tiếng ồn, độ rung	71
3.2.1.5. Tác động đến kinh tế - xã hội	75
3.2.1.6. Tác động đến hoạt động giao thông, canh tác nội đồng	75
3.2.1.7. Tác động đến hệ sinh thái và môi trường tự nhiên	76
3.2.1.8. Tác động cộng hưởng đối với các dự án xung quanh	76

3.2.1.9. Các sự cố liên quan đến hoạt động của dự án	77
3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	78
3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải	78
3.2.2.2. Về công trình xử lý nước thải.....	81
3.2.2.3. Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	83
3.2.2.4. Đối với chất thải nguy hại	85
3.2.2.5. Biện pháp giảm thiểu đến giao thông khu vực	86
3.2.2.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác	87
3.2.2.7. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tại bãi đỗ đất	90
3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động.....	91
3.3.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	91
3.3.1.1. Tác động do bụi, khí thải và mùi hôi.....	91
3.3.1.2. Tác động do nước thải và nước mưa chảy tràn	92
3.3.1.3. Tác động do chất thải rắn	94
3.3.1.4. Tiếng ồn, độ rung	96
3.3.1.5. Tác động đến kinh tế - xã hội	96
3.3.1.6. Tác động do các rủi ro và sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động	97
3.3.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	98
3.3.2.1. Giảm thiểu tác động đến môi trường không khí.....	98
3.3.2.2. Giảm thiểu tác động do nước thải, nước mưa chảy tràn và nước tưới cây	99
3.3.2.3. Giảm thiểu tác động do chất thải rắn.....	106
3.3.2.4. Giảm thiểu tác động của tiếng ồn.....	107
3.3.2.5. Hạn chế tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội	107
3.3.2.6. Thực hiện tiết kiệm điện, nước.....	107
3.3.2.7. Giảm thiểu rủi ro, sự cố trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động.....	108
3.4. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	111
3.5. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	111
Chương 4	113
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG.....	113
4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án	113
4.2. Chương trình giám sát môi trường	119
4.2.1. Chương trình giám sát trong giai đoạn thi công.....	119
4.2.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.....	120
4.2.3. Chương trình giám sát trong quá trình hoạt động	120
Chương 5	121
KẾT QUẢ THAM VẤN	122
1. Kết luận.....	123
2. Kiến nghị	123
3. Cam kết.....	123

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất	Error! Bookmark not defined.
Bảng 1.2. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất.....	17
Bảng 1.3. Ước tính tổng hợp khối lượng thi công các hạng mục của dự án	26
Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị	31
Bảng 2.1. Nhiệt độ trung bình tháng (Trạm đo Đồng Hới).....	36
Bảng 2.2. Độ ẩm tương đối trung bình tháng (Trạm đo Đồng Hới)	37
Bảng 2.3. Lượng mưa trung bình tháng tại Trạm đo Đồng Hới.....	37
Bảng 2.4. Số giờ nắng tại Trạm đo Đồng Hới.....	37
Bảng 2.5. Vận tốc gió theo các hướng tại Trạm đo Đồng Hới.....	37
Bảng 2.6. Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp vào các khu vực	38
Bảng 2.7. Tần suất bão, lũ lụt ở Quảng Bình từ năm 2016 đến năm 2020	38
Bảng 2.10. Chất lượng môi trường không khí, độ ồn.....	45
Bảng 2.13. Chất lượng môi trường nước mặt ngày 29/6/2023.....	45
Bảng 3.1. Tóm tắt các nguồn gây tác động trong giai đoạn thi công.....	49
Bảng 3.2. Bảng khối lượng bóc hữu cơ san nền.....	50
Bảng 3.5. Ước tính tổng hợp khối lượng thi công các hạng mục của dự án	53
Bảng 3.6: Nồng độ bụi trong không khí	54
Bảng 3.7. Tải lượng các chất ô nhiễm không khí sinh ra từ hoạt động vận tải phục vụ thi công xây dựng Dự án.....	56
Bảng 3.8. Nồng độ khí thải ở các khoảng cách khác nhau trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công từ một điểm phát sinh trên tuyến	56
Bảng 3.10. Hệ số phát thải của máy tham gia thi công sử dụng dầu diesel	60
Bảng 3.11. Tải lượng khí thải trên khu vực có tập trung thiết bị thi công	60
Bảng 3.12. Nồng độ các chất ô nhiễm do máy thi công tại khu vực công trường	60
Bảng 3.14. Tác động của các chất gây ô nhiễm không khí	64
Bảng 3.15. Thành phần và khối lượng chất ô nhiễm do công nhân thải ra.....	66
Bảng 3.16. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	66
Bảng 3.17. Hệ số dòng chảy theo đặc điểm mặt phủ	68
Bảng 3.18. Bảng tính lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất ngày.....	68
Bảng 3.19. Mức áp âm từ các phương tiện giao thông và máy xây dựng	72
Bảng 3.20. Mức ồn tối đa từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thiết bị cơ giới.....	73
Bảng 3.21. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn	74
Bảng 3.22. Mức rung của một số loại máy móc, thiết bị thi công	74
Bảng 3.23: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	92
Bảng 3.24: Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải nhà bếp.....	93
Bảng 3.25. Hệ số dòng chảy theo đặc điểm mặt phủ	94

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Sơ đồ vị trí khu vực dự án	17
Hình 1.2: Tổng mặt bằng bố trí các hạng mục dự án	18
Hình 1.3. Đường Nguyễn Trãi.....	19
Hình 1.4. Đường Nguyễn Chí Diểu.....	19
Hình 1.5. Sơ đồ dự kiến bố trí các hạng mục phụ trợ	24
Hình 3.1. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải	103

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATLĐ	: An toàn lao động
BOD	: Nhu cầu oxy sinh hoá
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	: Bộ Y Tế
BTN	: Bê tông nhựa
BVMT	: Bảo vệ môi trường
COD	: Nhu cầu oxy hoá học
CTR	: Chất thải rắn
CTNH	: Chất thải nguy hại
DO	: Diesel oil (dầu diesel)
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
KHCN	: Khoa học Công nghệ
KS	: Kỹ sư
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
LĐTĐ&XH	: Lao động thương binh và xã hội
GPMB	: Giải phóng mặt bằng
GTVT	: Giao thông Vận tải
HDPE	: High Density Poli Etilen
NĐ – CP	: Nghị định – Chính phủ
NXB	: Nhà xuất bản
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QL	: Quốc lộ
QĐ	: Quyết định
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	: Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam
STNMT	: Sở Tài nguyên Môi trường
TT	: Thông tư
TNMT	: Tài nguyên môi trường
TS	: Tiến sĩ
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	: Ủy ban nhân dân
UBMTTQVN	: Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam
VLXD	: Vật liệu xây dựng
XLNT	: Xử lý nước thải
WHO	: Tổ chức Y tế thế giới

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của Dự án

1.1. Xuất xứ, hoàn cảnh ra đời Dự án

Huyện Lệ Thủy có diện tích tự nhiên 141.611,41ha với quy mô dân số trên 145.000 người với 24 xã và 02 thị trấn. Lệ Thủy nằm trong vùng tác động của các Khu kinh tế đang trong quá trình phát triển sôi động ở miền Trung như Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, Khu kinh tế cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị), Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo, Khu kinh tế Hòn La (Quảng Bình) có đường Quốc Lộ 1A, đường Hồ Chí Minh (nhánh Đông và Tây), đường sắt Bắc Nam chạy qua nên có điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng liên kết, giao thương và hợp tác phát triển với các địa phương trong tỉnh, vùng duyên hải miền Trung và với cả nước.

Thị trấn Kiến Giang trong những năm gần đây đang phát triển, nhất là lĩnh vực du lịch, dịch vụ... Với lợi thế nằm ở vùng trung tâm của huyện Lệ Thủy, những năm trở lại đây, người dân thị trấn Kiến Giang đã biết tận dụng lợi thế này để tập trung đẩy mạnh phát triển các ngành nghề du lịch, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp... nhằm ổn định cuộc sống và vươn lên làm giàu chính đáng. Đây cũng là mũi nhọn mà chính quyền thị trấn Kiến Giang đã xác định, lựa chọn để đưa vào nghị quyết nhằm tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế – xã hội những năm vừa qua.

Trong những năm gần đây, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện Lệ Thủy nói chung và thị trấn Kiến Giang nói riêng có những chuyển biến mạnh mẽ, mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tăng lên đáng kể.

Nhờ hoạt động thương mại, dịch vụ, các ngành dịch vụ trên địa bàn thị trấn Kiến Giang được mở rộng và phát triển nên cơ cấu kinh tế của xã nhà đã từng bước chuyển biến, đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh dịch vụ tổng hợp và phục vụ đời sống nhân dân.

Nhận thấy tiềm năng phát triển của thị trấn Kiến Giang nói chung và vị trí thuận lợi của khu vực, Công ty chúng tôi quyết định đầu tư xây dựng Dự án Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh của Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ tổng hợp Hưng Thịnh.

Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường (BVMT) theo các quy định hiện hành của Luật BVMT Việt Nam, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ tổng hợp Hưng Thịnh. đã phối hợp với Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng là đơn vị tư vấn tổ chức thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án “Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh” nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững cho dự án trong giai đoạn xây dựng cũng như khi đi vào hoạt động. Báo cáo sẽ giúp cho Chủ đầu tư có những thông tin cần thiết để lựa chọn những giải pháp tối ưu nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường trong khu vực. Đồng thời, đây là cơ sở khoa học cho các cơ quan quản lý về môi trường trong việc thẩm định, giám sát và quản lý các hoạt động của Dự án một cách bền vững.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo, tài liệu liên quan

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án là Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/2023/QĐ-TTg ngày 12/4/2023.

Phù hợp với Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Kiến Giang mở rộng, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035;

Dự án Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh của Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ tổng hợp Hưng Thịnh được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương tại quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023.

Dự án được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 tại quyết định số 3254/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Việc thực hiện dự án Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh sẽ góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa của thị trấn Kiến Giang, nâng cao chất lượng phục vụ cho nhu cầu của người dân và du khách đến tham quan.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường

a. Các văn bản pháp luật

*** Văn bản pháp luật về môi trường**

- Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

- Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 140/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển;

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 7/7/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ tài nguyên và Môi trường về việc quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường.

*** Văn bản pháp luật về xây dựng, đất đai**

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013, có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của BTNMT quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 20/7/2018 của Bộ Xây dựng: Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng Công bố định mức chi phí Quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

- Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 06/02/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phân cấp phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình) các công trình xây dựng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Quyết định 3587/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về ban hành kế hoạch thực hiện chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Quyết định số 377/QĐ-TTG ngày 12/4/2023 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

*** Văn bản pháp luật về quản lý sử dụng đất lúa, trồng trọt**

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 29/11/2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2014;

- Luật Trồng trọt 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội khóa 14;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của BTNMT quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 30/2013/TT-BNNPTNT ngày 11/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xây dựng phương án sử dụng lớp đất mặt và bù bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển mục đích sử dụng đất;

- Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 11/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân tỉnh quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020-2024;

- Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân tỉnh quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020-2024;

b. Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng

- QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dưới đất;

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- Quyết định số 3733/2002/QĐ - BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;

- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

- QCVN 7:2016/BXD - Quy chuẩn quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng;

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn nhà nước Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác.

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án

- Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh;

- Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh, tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 14/11/2023.

2.3. Các nguồn tài liệu, dữ liệu liên quan

a. Nguồn tài liệu, dữ liệu do chủ dự án lập

- Thuyết minh thiết kế cơ sở dự án: Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh;

- Hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở dự án: Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh;

- Các tài liệu, bản vẽ khác liên quan đến Dự án.

b. Nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo khác

- Số liệu quan trắc môi trường của Công ty TNHH TN&MT Minh Hoàng tại khu vực Dự án;

- Số liệu khí hậu và thủy văn trạm đo Lê Thủy năm 2022;

- Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2022;

- Quản lý chất thải rắn, GS.TS. Trần Hiếu Nhuệ, TS. Ứng Quốc Dũng, TS. Nguyễn Thị Kim Thái, NXB Xây Dựng, Hà Nội - 2001;

- Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ và vừa, TS. Trần Đức Hạ, NXB KH&KT, Hà Nội 2002;

- Một số báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư tương tự đã được thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

3. Tổ chức thực hiện ĐTM

Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ tổng hợp Hưng Thịnh, Chủ đầu tư dự án phối hợp với Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng là đơn vị tư vấn tổ chức thực hiện báo cáo ĐTM dự án: “Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh”.

- Chủ Dự án: **Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ tổng hợp Hưng Thịnh.**

Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện: Ông **Hoàng Quảng Hoàn**

Chức vụ: **Giám Đốc**

Điện thoại:

- Cơ quan tư vấn và thực hiện lập báo cáo ĐTM:

Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng

Đại diện: Bà **Trần Thị Ngọc Bé**

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Điện thoại: 0917722332

TT	Họ và tên	Chuyên ngành đào tạo	Tham gia thực hiện	Nội dung phụ trách	Chữ ký
I	THÀNH VIÊN CƠ QUAN CHỦ DỰ ÁN				
1	Hoàng Quảng Hoàn		Chủ dự án	Quản lý giám sát chung toàn bộ quá trình thực hiện dự án	
II	THÀNH VIÊN ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BÁO CÁO				
1	Trần Thị Ngọc Bé	Cử nhân Khoa học môi trường - Luật	Chủ nhiệm	Nghiên cứu, tổng hợp chỉnh sửa báo cáo	
2	Đoàn Minh Tuấn	Cử nhân môi trường	Thành viên	Nghiên cứu, thực địa, tham vấn cộng đồng, đánh giá hiện trạng, điều kiện tự nhiên KT - XH dự án	
3	Trương Văn Dũng	Kỹ sư môi trường	Thành viên	Nghiên cứu, đánh giá tác động trong giai đoạn chuẩn bị, xây dựng dự án và biện pháp giảm thiểu	
4	Lê Trọng Bình	Kỹ sư môi trường	Thành viên	Nghiên cứu, đánh giá tác động trong giai đoạn vận hành dự án và biện pháp giảm thiểu	
5	Lê Anh Tuấn	Kỹ sư môi trường	Thành viên	Xây dựng chương trình quản lý, giám sát, kết luận, hoàn thiện báo cáo	
6	Trần Thị Thanh Hằng	Cử nhân kế toán	Thành viên	Phụ trách phần Tài chính	

4. Phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM

TT	Phương pháp	Mục đích áp dụng	Nội dung áp dụng trong ĐTM
I. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường			
1	Phương pháp lập bảng liệt kê	Phân tích quá trình thực hiện dự án, quá trình thi công, biện pháp thi công và phương tiện sử dụng... Phương pháp này được sử dụng để lập mối quan hệ giữa các hoạt động của dự án và các tác động môi trường.	Chương 1 Chương 3 Chương 4
2	Phương pháp ma trận	Dùng để liệt kê, nhận dạng tất cả các tác động môi trường mà dự án có thể gây ra đối với môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội dưới dạng bảng biểu. Điều này sẽ giúp cho người đánh giá có một cái nhìn trực quan và hiểu được các mối quan hệ giữa các tác động đó.	Chương 3
II. Các phương pháp khác			
1	Phương pháp khảo sát thực địa	Quan sát, đánh giá hiện trường (kết hợp với sự hướng dẫn của cán bộ thông thạo địa hình).	Chương 1
2	Phương pháp thu thập thông tin	Sưu tầm các nguồn tài liệu liên quan phục vụ quá trình ĐTM; thu thập các số liệu về điều kiện kinh tế - xã hội và khí tượng thủy văn khu vực; tham khảo các tài liệu ĐTM.	Mở đầu Chương 1 Chương 2
3	Phương pháp đo đạc	Đo đạc các chỉ số môi trường bằng các thiết bị đo đạc có độ chính xác cao.	Chương 2
4	Phương pháp so sánh	Tính toán nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải, khí thải và so sánh với các chỉ tiêu trong tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam.	Chương 3
5	Phương pháp dự báo	Dựa trên số liệu nền, nội dung dự án để dự báo nguồn phát sinh, tải lượng, nồng độ và mức độ tác động do quá trình thực hiện công trình đến các yếu tố tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội.	Chương 3

5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

Chương 1

MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1. Tóm tắt về dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

1.1.1. Tên dự án

Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh

1.1.2. Chủ Dự án

Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ tổng hợp Hưng Thịnh

Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện: Ông **Hoàng Quảng Hoàn**

Chức vụ: **Giám Đốc**

Điện thoại: 0917501501

1.1.3. Tiến độ thực hiện dự án

Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong vòng 12 tháng kể từ ngày có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; Hoàn thành, đưa dự án vào hoạt động trong vòng 24 tháng kể từ ngày khởi công.

1.1.4. Tổng mức đầu tư

- Tổng mức đầu tư: 30.000.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng chẵn./.)

- Nguồn vốn gồm: Vốn tự có là 6 tỷ đồng (chiếm 20%); vốn vay ngân hàng 24 tỷ đồng (chiếm 80%).

1.1.5. Vị trí địa lý

1.1.5.1. Vị trí địa lý của dự án

Ranh giới khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa bàn TDP Thượng Giang, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông Bắc: Giáp đất I-TMDV6 (hiện là ruộng lúa).

- Phía Đông Nam: Giáp đất I-CC15 (hiện là ruộng lúa).

- Phía Tây Nam: Giáp đường Nguyễn Chí Diểu.

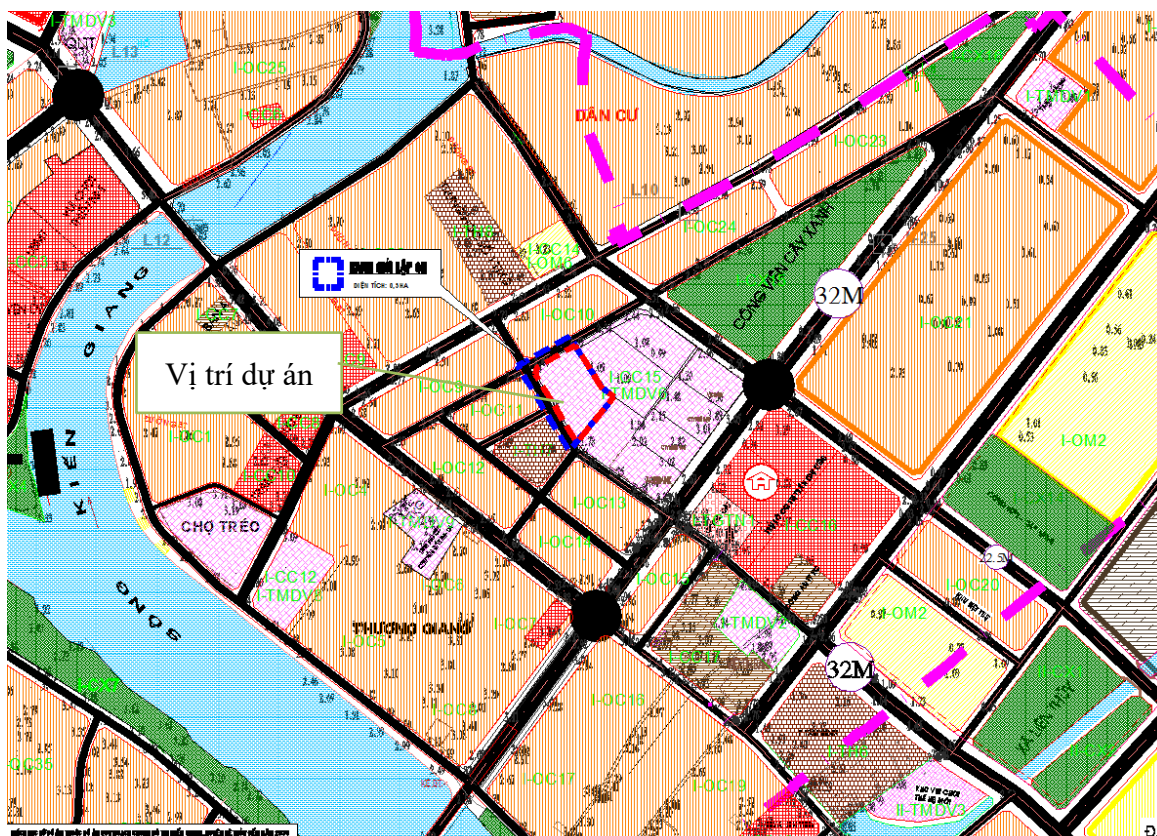
- Phía Tây Bắc: Giáp đường Nguyễn Trãi.

Khu vực thực hiện dự án có diện tích khoảng 3.162,4m².

Ranh giới khu đất thực hiện dự án được giới hạn bởi 6 điểm, có tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 106⁰, múi chiếu 3⁰ như sau:

Điểm	X (m)	Y (m)
1	1905189,73	584092,71
2	1905196,47	584094,67
3	1905214,48	584128,03
4	1905176,00	584152,55
5	1905167,41	584164,18
6	1905125,04	584128,91

Vị trí khu vực dự án được định vị như sau:



Hình 1.1: Sơ đồ vị trí khu vực dự án

1.1.5.2. Hiện trạng sử dụng đất

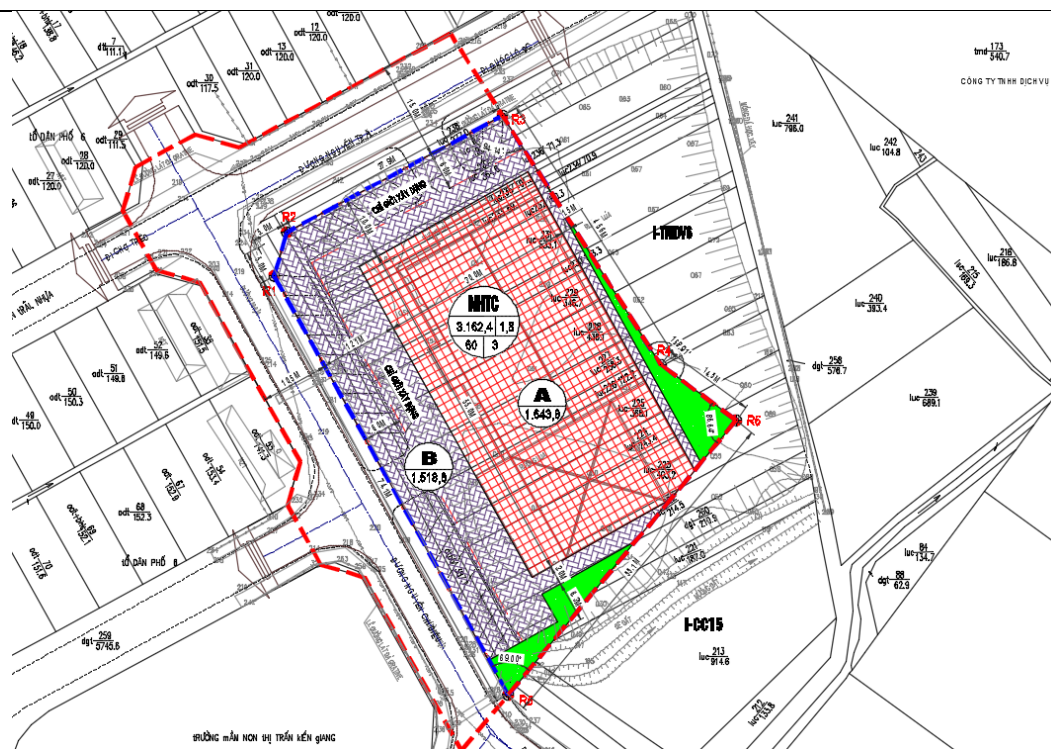
Theo khảo sát thực tế và tổng hợp hiện trạng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch dự án, hiện trạng sử dụng đất của khu vực lập quy hoạch là đất ruộng lúa, đất sản xuất phi nông nghiệp, đất thủy lợi, đất giao thông. Đã được quy hoạch đất thương mại dịch vụ.

- Quy hoạch sử dụng đất theo hồ sơ thiết kế dự án thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.2. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

TT	Hạng mục	Diện tích	Tầng tối đa
1	Đất xây dựng công trình	1.643,8 m ²	3
3	Đất sân đường nội bộ + cây xanh	1.518,6m ²	-
	Tổng cộng	3.162,4 m²	

Nguồn: Bản vẽ quy hoạch sử dụng đất



Hình 1.2: Tổng mặt bằng bố trí các hạng mục dự án

1.1.5.3. Hiện trạng địa hình khu vực dự án

* **Khu vực dự án:** Khu vực thực hiện dự án hiện trạng chủ yếu là đất ruộng lúa

* **Khu vực xung quanh**

- Tiếp giáp phía Đông, phía Nam là phần ruộng lúa có địa hình tương đồng với khu vực dự án.

- Phía Bắc và phía Tây tiếp giáp tuyến đường hiện trạng.

1.1.5.4. Hiện trạng khu dân cư và các đối tượng có khả năng bị tác động bởi Dự án trong quá trình hoạt động của dự án

* **Khu dân cư**

Trong phạm vi thực hiện dự án không có nhà dân hiện hữu thuộc diện di dời, tái định cư. Xung quanh khu vực dự án chủ yếu là đất ruộng lúa.

Dân cư khu vực thường tập trung ở phía Bắc dự án dọc theo dòng sông Kiến Giang và tuyến Quốc lộ 9C. Các khu vực dân cư này có mật độ đông đúc, nhà ở hiện đại, kiên cố từ 1 – 4 tầng, điều kiện cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân. Các khu dân cư này cách dự án tối thiểu khoảng 250m.

Nhà dân gần nhất cách dự án khoảng 250m nằm về phía Bắc khu vực dự án trên tuyến Quốc lộ 9C thuộc tổ dân phố Thượng Giang, thị trấn Kiến Giang.

* **Hiện trạng các đối tượng, công trình khác**

+ Khu vực Dự án không có các hoạt động sản xuất mang tính chất công nghiệp mà chủ yếu là hoạt động nông nghiệp trồng lúa,... Dọc trên tuyến Quốc lộ 9C có các cơ sở hoạt động kinh doanh ăn uống, quán cafe, phòng khám, dịch vụ sửa chữa xe,... của cộng đồng dân cư.

+ Cách dự án khoảng 450m về phía Tây Bắc là Trường THPT Nguyễn Chí Thanh cơ sở 1. Bệnh viện Đa khoa huyện Lệ Thủy cách dự án khoảng 600m về phía Bắc.

+ Các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp gồm có: các tuyến đường đất nội đồng, các đê đất, tuyến mương chính bê tông B700 x 750mm và các tuyến mương đất đi ngang qua khu vực dự án dẫn nước tưới tiêu nội đồng.

+ Thực vật: do hiện trạng là ruộng lúa nên thảm thực vật khu vực này chủ yếu là lúa, cây cỏ dại mọc theo các đường đê, bờ ruộng.

+ Trong phạm vi 1km không có di tích lịch sử, văn hóa, quân sự, khu bảo tồn thiên nhiên,....

** Hiện trạng tuyến đường giao thông*

+ Phía Tây Bắc giáp đường Nguyễn Trãi đầu nối tuyến đường Quốc lộ 9C đi các vùng lân cận, hiện đã được đầu tư bê tông láng nhựa, mặt đường rộng 5,5m.

+ Phía Tây Nam giáp đường Nguyễn Chí Diểu, hiện đã được đầu tư bê tông láng nhựa, mặt đường rộng 5,5m.



Hình 1.3. Đường Nguyễn Trãi



Hình 1.4. Đường Nguyễn Chí Diểu

** Hiện trạng cấp nước:*

- Xung quanh khu vực quy hoạch đã có hệ thống cấp nước sạch chung của thị trấn Kiến Giang.

** Hiện trạng cấp điện:*

- Đã có đường dây trung thế 22kV chạy dọc đường Nguyễn Chí Diểu cấp điện cho khu dân cư và các vùng lân cận.

** Hiện trạng sông, suối và các dòng chảy bề mặt*

- Khu vực quy hoạch hiện chủ yếu là ruộng lúa, toàn bộ nước mưa chảy ra hói sau đó đổ ra sông Kiến Giang.

+ Sông Kiến Giang cách dự án khoảng 700m về phía Đông Bắc, một trong hai phụ lưu lớn của sông Nhật Lệ. Hằng năm, vào mùa mưa lũ, khu vực thường xuyên xảy ra ngập lụt, mức lụt tùy thuộc vào lượng mưa mỗi năm. Theo khảo sát người dân tại địa phương, ghi nhận đỉnh lũ lịch sử ở mức cao trên sông Kiến Giang gây ngập lụt cho thị trấn xảy ra năm 2020, mức lũ tại khu vực cao khoảng 2m. Năm 2021 thì thị trấn xảy ra hiện tượng ngập lụt ở mức thấp, mức lũ tại khu vực dự án khoảng 0,5m so với mặt đường Nguyễn Trãi .

1.1.6. Mục tiêu, quy mô, công suất Dự án

1.1.6.1. Mục tiêu Dự án

Đầu tư xây dựng dự án nhằm phục vụ nhu cầu của người dân trên địa bàn và du khách về ẩm thực, giải trí; góp phần trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển các công trình dịch vụ, đóng góp chung vào sự phát triển của thị trấn Kiến Giang.

1.1.6.2. Quy mô, công suất Dự án

a. Quy mô dự án: Dự án được quy hoạch đầu tư xây dựng với tổng diện tích quy hoạch khoảng 3.162,4 m². Các hạng mục dự kiến thực hiện:

- Khu vực xây dựng công trình: Được bố trí tại trung tâm của khu đất, với diện tích 1.643,8m², chiều cao xây dựng công trình không quá 3 tầng.

- Sân đường nội bộ + cây xanh: Được bố trí ở mặt tiền đường Nguyễn Chí Diểu và đường Nguyễn Trãi với diện tích 1.518,6m².

- Quy mô phục vụ: ước tính phục vụ lên tới khoảng 1.000 lượt khách/ngày trong thời điểm cao nhất.

1.1.6.3. Loại hình dự án

* **Cấp công trình:** Công trình nhóm C, hạ tầng kỹ thuật.

* **Hình thức đầu tư:** Dự án đầu tư theo hình thức xây dựng mới.

1.2. Các hạng mục Dự án

1.2.1. Các hạng mục chính

A. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

1.2.1.1. San nền

a. Quy mô: Khu đất hiện tại có địa hình thấp trũng, hiện trạng trồng lúa, cao độ hiện trạng từ 0,39 – 0,47m, vì vậy trước khi thi công cần tổ chức thu dọn lớp đất hữu cơ khoảng 0,2 – 0,25m.

- Nguyên tắc thiết kế

+ Hướng thoát nước về phía các trục đường và hệ thống mương thoát nước dọc đường theo định hướng quy hoạch chung.

+ Cao độ thiết kế san nền phù hợp với các tuyến đường, theo định hướng của cao độ đường giao thông.

+ Độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tự chảy.

- Giải pháp thiết kế

+ Giữ nguyên cao độ các khu dân cư và các công trình hiện có. Tuân thủ cao độ khống chế của các tuyến đường quy hoạch. Độ dốc khống chế đảm bảo theo tiêu chuẩn cho phép.

+ Cao độ nền ô đất được thiết kế phù hợp cao độ tim đường, đảm bảo thiết kế kỹ thuật của đường, cao độ san nền từ +2.60m đến +2.63m.

+ Ranh giới bao quanh khu vực dự án: Sử dụng kè đá học để hạn chế sự cố sạt lở.

b. Khối lượng san nền được tổng hợp ở bảng sau:

Tổng hợp khối lượng đào đắp				
STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Tổng diện tích san nền	m ²	1.973,9	
2	Bóc lớp hữu cơ	m ³	310,8	
3	Đắp cát nền K90	m ³	2.839,95	

Tổng hợp khối lượng đào đắp				
STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
4	Đắp đất K98	m ³	466,2	

Nguồn: Hồ sơ thiết kế cơ sở Dự án

1.2.1.2. Đường giao thông nội bộ

* Nguyên tắc:

- Trên cơ sở mạng lưới giao thông đã được thiết kế ở Quy hoạch chung đô thị Kiên Giang đến năm 2035 và các quy hoạch chi tiết các khu vực lân cận.

- Mạng lưới giao thông cần đơn giản, đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam, các tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật.

* Tổ chức mạng lưới đường giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Trên cơ sở Quy hoạch chung đô thị Kiên Giang đến năm 2035 đã định hướng trục đường Nguyễn Chí Diểu rộng 10,5m, trục đường Nguyễn Trãi rộng 15m. Dự án xây dựng Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh sẽ đầu nối vào các trục đường này theo kiểu hình thức giản đơn; bố trí đầy đủ vạch sơn, biển báo phù hợp theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Giao thông nội bộ: được thiết kế theo nguyên tắc mạng lưới ô cờ, linh hoạt tạo điều kiện sử dụng các khu chức năng được hiệu quả nhất và bám sát địa hình tự nhiên.

* Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính:

+ Độ dốc: Để đảm bảo cho việc thoát nước được nhanh chóng, độ dốc ngang mặt sân thiết kế là 2,0%, độ dốc ngang hè là 1,0%.

* Lựa chọn kết cấu mặt sân đường:

+ Kết cấu mặt sân đường: Tùy vào nguồn vốn, địa hình, địa chất và kết quả đấu giá quyền sử dụng đất trong khu vực để sử dụng các loại kết cấu mặt đường phù hợp.

+ Via hè đường phố và đường dạo đi bộ lát gạch block, bó vỉa bằng đá tự nhiên hoặc bằng bê tông đúc sẵn. Riêng trục đường chính rộng 15,0m bố trí trồng cây hai bên tuyến, mật độ 10m/cây có đường kính $D \geq 10\text{cm}$.

* Công tác cắm mốc chỉ giới đường đỏ:

- Cắm mốc toạ độ:

+ Hệ thống các mốc đường thiết kế cắm theo tim tuyến của các trục đường tại các ngã giao nhau.

+ Toạ độ X và Y của các mốc được tính toán trên lưới toạ độ của bản đồ đo đạc tỷ lệ 1/500 theo hệ toạ độ quốc gia VN-2000.

Bảng 1.3. Bảng tổng hợp khối lượng giao thông

Bề rộng (m)	Chiều dài (m)	Mặt đường	Vĩa hè	Dải phân cách	Tổng (m ²)
		Bề rộng (m)	Bề rộng (m)	Bề rộng (m)	
15,0m	47,70	7,0	2x40	-	705,0
10,5m	111,91	5,5	2x2,5		1.175,1
Tổng	159,61				1.880,1

1.2.1.3. Thoát nước

* Giải pháp thiết kế quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

+ Nước thải trong khu vực quy hoạch được thu gom riêng dẫn về khu Hạ tầng kỹ thuật, tại khu vực này bố trí các công trình xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học với công nghệ khép kín đảm bảo vệ sinh môi trường cho các khu vực lân cận.

+ Cụm bồn COMPOSITE xử lý nước thải sinh hoạt được đặt ngầm trong khu HTKT, hệ thống bồn bao gồm các bể như bể điều hòa, bể thiếu khí, bể Aerotank, bể lắng, bể chứa bùn, bể chứa nước thải đã xử lý,...

* Vệ sinh môi trường:

+ Khối lượng rác thải được tính toán theo số lượng khách của dự án. Tỷ lệ thu gom từ 1-1,3 (kg/người-ngày) tương ứng với 80-90% đảm bảo vệ sinh môi trường

+ Để thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển và tái sử dụng cần tiến hành phân loại rác tại nguồn.

+ Trong các khu chức năng, khu cây xanh đặt các thùng rác nhỏ có nắp đậy kín đảm bảo vệ sinh môi trường, khoảng cách 100m/1 thùng. Rác thải được thu gom và vận chuyển bằng xe ép rác đến khu xử lý chung của khu vực.

Bảng 1.5. Bảng thống kê khối lượng thoát nước thải

TT	Tên vật tư - quy cách	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống thoát nước thải HDPE D250	m	70
2	Ống thoát nước thải HDPE D300	m	50
3	Hố ga	cái	2
4	Bồn xử lý nước thải	Bồn	1

1.2.1.4. Cấp nước

* Nguồn nước:

- Nguồn cấp: đầu nối vào đường ống cấp nước D63 đi trên vỉa hè đường Nguyễn Trãi để kinh doanh, sử dụng.

* Mạng lưới cấp nước:

- Mạng lưới đường ống dịch vụ: là các tuyến ống cấp nước từ các tuyến ống chính đến từng công trình, có đường kính $\phi 63$ (mm). Vật liệu dùng ống HDPE. Được thiết kế theo nguyên tắc mạng cụt.

* Chữa cháy:

- Hệ thống cấp nước cứu hỏa cho khu dự án là hệ thống cấp nước cứu hỏa áp lực thấp, áp lực tối thiểu tại trụ cứu hỏa là 10m.

- Bố trí họng cứu hỏa trên đường ống cấp nước $\phi 110$ mm, tại các ngã ba, ngã tư... để thuận tiện cho xe vào lấy nước chữa cháy.

Bảng 1.4. Bảng thống kê hệ thống cấp nước

TT	Hạng mục - vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Điểm khởi thủy	Điểm	01
2	Đường ống nhựa HDPE D110	m	70
3	Đường ống nhựa HDPE D63	m	60
4	Họng cứu hỏa	họng	01
5	Bể nước sinh hoạt + PCCC	Bể	02

1.2.1.5. Cấp điện, chiếu sáng

a. Nguồn điện:

- Để cấp điện cho khu vực lập quy hoạch, dự kiến 01 điểm đầu nối từ TBA Thượng Giang, xây dựng đường dây trung thế 22KV đi dọc trên tuyến đường Nguyễn Trãi cấp điện cho khu vực quy hoạch.

b. Nhu cầu phụ tải:

- Khu vực Quy hoạch dự kiến bố trí 01 trạm biến áp có công suất 75KVA để phục vụ cho các hoạt động của dự án.

c. Giải pháp cấp điện:

* Lưới điện trung thế 22KV và trạm biến áp:

- Quy hoạch 01 trạm biến áp 22/0,4KV có công suất 75KVA để cấp điện cho khu vực lập Quy hoạch.

* Lưới điện hạ áp 0,4KV:

- Khuôn viên Công ty được lấy nguồn từ TBA bố trí mới để cấp điện. Xây dựng hệ thống đường dây đi nối 0,4kV dọc theo các tuyến đường nội bộ để cấp điện cho các hạng mục công trình.

Bảng 1.6. Bảng tổng hợp khối lượng cấp điện

TT	Hạng mục - vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Trạm biến áp 75KVA	Trạm	1
2	Đường dây trung thế 22KV	m	300
3	Đường dây hạ thế 0,4KV + Cấp thông tin	m	50
4	Cột điện hạ thế 0,4KV	Cột	2
5	Tủ điện	Tủ	2

1.2.1.6. Khuôn viên

- Cây xanh tại các ô đất bố trí cây xanh cảnh quan được lựa chọn phù hợp với cảnh quan và vi khí hậu của đô thị. Các loại cây tạo bóng mát được chọn là: cây Nhạc Ngựa, cây xoài, cây Sang, Cây Lộc Vừng, cây sưa đỏ, Cây Vạn Tuế. Các cây tạo nền, tạo thảm được chọn là các loại như: cỏ 3 lá, cỏ lạc (lạc tiên), cỏ lá tre, cỏ cảnh.

- Cây xanh tạo thảm được trồng chủ yếu bằng cỏ 3 lá, là loại cây dễ thích nghi và dễ chăm. Ngoài ra, để tạo sự sinh động cho các không gian xanh, thiết kế các đường dạo tạo thành các bồn hoa. Các bồn này được nhấn nổi bật bằng cách trồng các loại cây, hoa có màu sắc rực rỡ như: cỏ lạc, mắt nai trồng tạo thảm hoặc viền theo bồn, đan xen thay đổi theo từng lô đất. Cỏ cảnh cũng được trồng cách khoảng, tùy theo từng vị trí để làm sinh động thêm cho các mảng xanh. Một số bồn hoa được xây cao hơn, chiều cao đủ theo tiêu chuẩn của ghé ngồi để làm điểm dừng chân của người đi dạo trong công viên. Các bồn cây cao này được xây bằng gạch, ốp đá granite mặt ngồi và mặt dựng tạo sự sạch sẽ cũng như tăng tính thẩm mỹ cho các bồn hoa này.

- Gạch lát sân nội bộ bằng gạch Terrazzo KT: 400x400mm.

B. Hạng mục khu chức năng phục vụ

1.2.1.7. Khu nhà hàng tiệc cưới

- Khu đất xây dựng công trình với diện tích: 1.643,8 m².

1.2.1.8. Khu sân vườn

- Sân đường nội bộ + cây xanh với diện tích: 1.518,6m².

1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Xây dựng khu vực phụ trợ phục vụ công tác thi công dự án với diện tích khoảng 165m² bao gồm các hạng mục: Văn phòng công trường, khu vệ sinh, bãi tập kết xe, thiết bị.

* Lán trại: khoảng 15m².

* Khu nhà vệ sinh: khoảng 10m². Lắp đặt 01 nhà vệ sinh lưu động gần khu vực lán trại để phục vụ nhu cầu của công nhân.

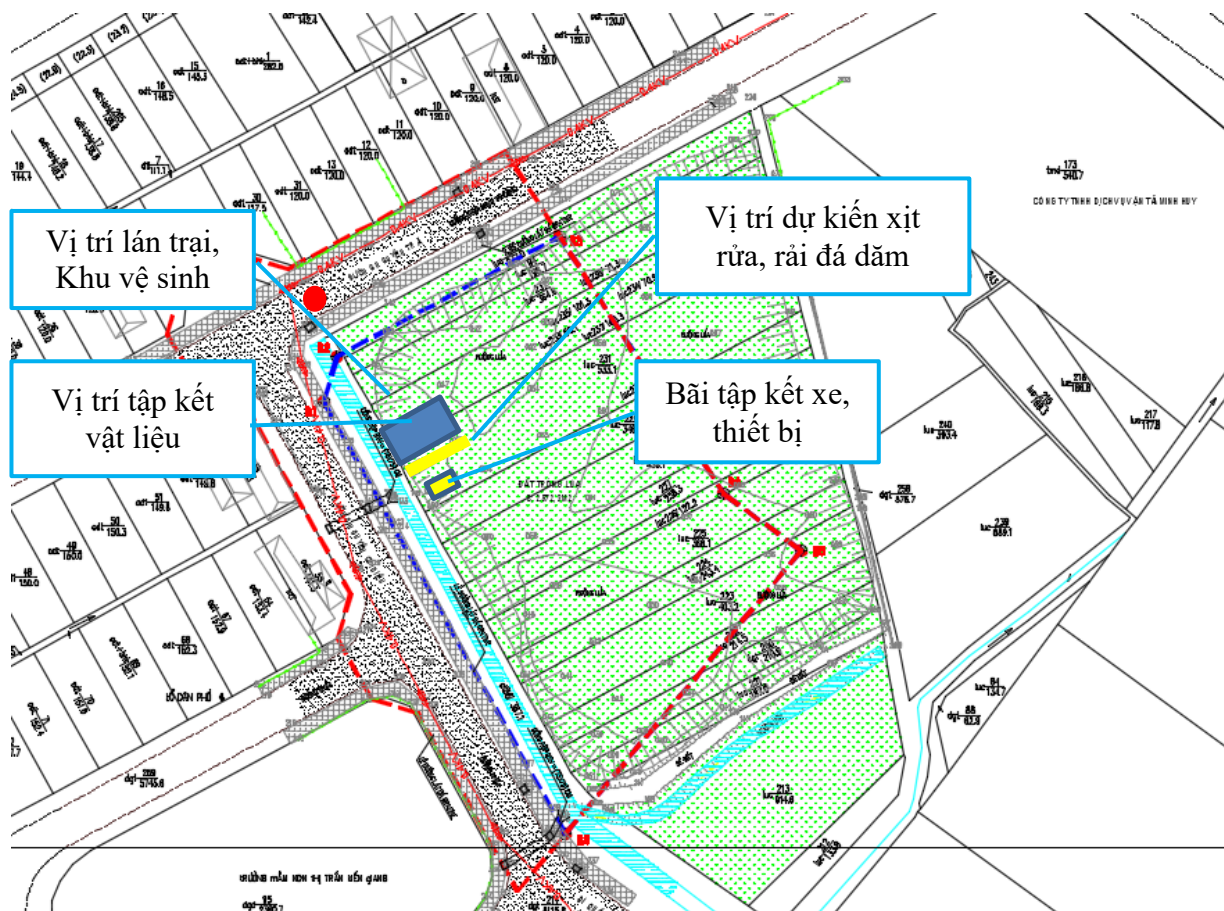
* Khu chứa chất thải sinh hoạt, nguy hại: Diện tích khoảng 10m². Bố trí mái che, 02 thùng chứa 100 lít có nắp đậy và ký hiệu phân loại.

* Bãi tập kết xe, thiết bị: 30m².

* Bãi tập kết vật liệu: 100m².

* Vị trí xịt rửa bánh xe: 20m², nằm tại vị trí đi ra tuyến đường Nguyễn Trãi để giảm thiểu bụi và bùn đất rơi vãi. Vị trí lựa chọn thuộc phạm vi dự án và phải tiến hành thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và hoàn trả khi kết thúc dự án. Đồng thời rải đá dăm từ khoảng 20 – 30m để hạn chế cuốn, bám dính lại bùn đất sau khi xịt rửa.

- Các hạng mục đều được xây dựng trong phạm vi dự án, tiếp giáp đường đất hiện trạng và đường quy hoạch nội bộ để thuận tiện cho quá trình vận chuyển và thi công các hạng mục xây dựng. Hiện trạng sử dụng đất tại khu vực bố trí các hạng mục phụ trợ là đất ruộng lúa do đó trước khi xây dựng sẽ tiến hành san gạt, tạo mặt bằng phù hợp.



Hình 1.5. Sơ đồ dự kiến bố trí các hạng mục phụ trợ

1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

1.2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng

a. Môi trường không khí

+ Bố trí xe bồn chở nước phun âm dọc tuyến đường Nguyễn Chí Diểu (tuyến đường tiếp giáp phía Tây dự án).

+ Bố trí điểm xịt rửa bánh xe trước khi đi ra tuyến đường Nguyễn Chí Diểu.

b. Môi trường nước

- Nước thải sinh hoạt

+ Đối với nước thải đen, nước thải xám của cán bộ công nhân: Dự án sử dụng nhà vệ sinh lưu động đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý.

+ Sử dụng các hố lắng tại các lán trại, vị trí tắm rửa để lắng cặn và tự thấm tránh chảy tràn ra ngoài môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Đào tuyến mương thoát nước mưa thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thực hiện dự án về hố lắng phía Bắc để lắng cặn sau đó thoát ra môi trường theo hiện trạng thoát nước địa hình khu vực.

c. Chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí tại khu vực lán trại 02 thùng đựng rác di động loại 100lít, một thùng đựng rác hữu cơ như thức ăn dư thừa, hoa quả hư hỏng,... loại rác thải này tận dụng cho các trang trại lân cận lấy làm thức ăn chăn nuôi. Một thùng đựng rác thải vô cơ như giấy loại, chai lọ, vỏ lon, túi ni lông,... sau đó hợp đồng với đơn vị thu gom rác để vận chuyển đi xử lý.

- Đối với chất thải nguy hại: Chủ dự án phối hợp với đơn vị tư vấn Quản lý dự án và Tư vấn giám sát giám sát Nhà thầu thi công làm việc với các cơ sở sửa chữa, gara đã đăng ký chủ nguồn thải nguy hại và thực hiện lưu giữ, xử lý CTNH theo đúng quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2.3.2. Trong giai đoạn hoạt động

a. Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn gồm: Hệ thống thu nước mái và mương bê tông thu nước bề mặt dự án.

b. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải gồm: Bể tách dầu mỡ, bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải công suất 15m³/ngày đêm.

c. Hệ thống cây xanh: Trồng cây xanh tạo cảnh quan với mật độ 15 – 20%

d. Thu gom và xử lý rác thải: Hợp đồng với tổ đội thu gom thị trấn Kiến Giang định kỳ thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

1.2.4. Bãi đổ vật liệu không thích hợp

Trong quá trình thi công sẽ phát sinh khối lượng khoảng 310,8m³ (trong đó: có 264 m³ là tầng đất mặt ruộng lúa và 46,8m³ đất phong hóa). Với khối lượng đất phong hóa khoảng 46,8m³ sẽ được sử dụng để trồng cây trong khuôn viên dự án. Phần tầng đất mặt ruộng lúa với khối lượng 264 m³ được vận chuyển đến trang trại của Hộ ông Đỗ Trung Tài, tại thôn Thái Xá, xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy để tận dụng trồng cây nông nghiệp. Đảm bảo tầng đất mặt chuyên trồng lúa nước được sử dụng hiệu quả và theo đúng quy định tại Khoản 1,2, Điều 57, Luật Trồng trọt 2018 và Nghị định số 94/2019/NĐ-CP

ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

Khu đất đồ thải là thửa đất số 948, tờ bản đồ số 15, có diện tích 6.040,3 m² (trong đó: Đất ở nông thôn là 250m² và đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 5.790,3 m², đất sức chứa khoảng 3.000 m³, thuộc quản lý của Hộ ông Đỗ Trung Tài. Khu vực dự kiến đồ thải tại phần diện tích đất trồng cây hàng năm khác. Khu vực có địa hình thấp hơn khu vực xung quanh khoảng 1,0-1,5m. Trên khu vực chủ yếu là cây bụi có kích thước nhỏ.

1.2.5. Sự phù hợp của Dự án với các chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt

- Dự án phù hợp với Quy hoạch chung theo Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Kiến Giang đến năm 2035;

- Dự án đảm bảo kết nối đồng bộ về giao thông, cấp thoát nước, cấp điện sinh hoạt theo Quy hoạch chung của khu vực;

- Dự án xây dựng trên khu đất thương mại dịch vụ theo đúng kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện Lệ Thủy và được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 tại quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 14/11/2023.

- Do đó, dự án phù hợp với các chiến lược, quy hoạch phát triển và kế hoạch sử dụng đất của huyện Lệ Thủy đã được phê duyệt.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu

1.3.1.1. Giai đoạn xây dựng

* **Nhu cầu về nguyên vật liệu:** Khối lượng nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục của dự án ước tính ở bảng sau:

Bảng 1.3. Ước tính tổng hợp khối lượng thi công các hạng mục của dự án

TT	Chủng loại	Khối lượng	Khối lượng (tấn)	Chiều dài vận chuyển (km)	Xe sử dụng vận chuyển	Tổng chiều dài vận chuyển (km)
1	Cát đắp K90	466,2m ³	652.7	12	10	783.2
2	Đất đắp K98	2839,95m ³	3975.9	12		4771.1
3	Cát xây	1.200m ³	1680.0	7		1176.0
4	Đá các loại	410m ³	656.0	15		984.0
5	Xi măng		175.0	5		87.5
6	Sắt thép		30	5		15
7	Gạch, ngói	475.000 viên	997.5	5		498.8
8	Ống nhựa HDPE	500m	0.5	5		0.3
9	Hồ ga các loại	3	3.0	5		1.5

TT	Chủng loại	Khối lượng	Khối lượng (tấn)	Chiều dài vận chuyển (km)	Xe sử dụng vận chuyển	Tổng chiều dài vận chuyển (km)
10	Các vật tư khác + hệ số phát sinh	5% VLXD	408.5	5		953.5
Tổng			8.579.1			8521.6

(Nguồn: Báo cáo đầu tư xây dựng dự án)

Ghi chú:

+ 1m³ đất cát ≈ 1,4 tấn;

+ 1m³ đá ≈ 1,6 tấn;

+ 1 viên gạch ≈ 1,5 kg;

*** Dự kiến nguồn cung cấp nguyên vật liệu xây dựng dự án gồm:**

- Đất đắp lấy tại mỏ đất Trường Thủy, cự ly vận chuyển trung bình 12 km;

- Cát lấy ở xã Ngư Thủy, cự ly vận chuyển khoảng 7 km;

- Đá lấy ở mỏ đá Lèn Bạc, cự ly vận chuyển khoảng 15 km;

- Phần phế thải xây dựng sẽ vận chuyển đến đổ ở khu vực theo đúng quy định của địa phương;

- Vật liệu xây dựng cơ bản: sắt thép, xi măng,... lấy tại thành thị trấn Kiến Giang, cự ly vận chuyển về công trình khoảng 5 km;

Nhìn chung, quá trình vận chuyển nguyên vật liệu từ các đơn vị cung cấp vật liệu, mỏ đất, cát san lấp trong quá trình thi công đến công trình chủ yếu theo tuyến đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C. Các tuyến đường này có mật độ dân cư và phương tiện giao thông đông đúc nên cần lưu ý thực hiện các biện pháp giảm thiểu để đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện dự án.

*** Nhu cầu về nguồn cung cấp điện:** Nguồn điện cung cấp cho khu vực lập dự án được lấy từ tuyến điện dọc trên đường tiếp giáp phía Nam dự án.

*** Nhu cầu về lao động:** Tùy thuộc vào hạng mục thi công, tiến độ thi công, ước tính trong thời điểm cao nhất khoảng 15 người thi công trên công trường.

*** Nhu cầu về nguồn cung cấp nước:** Nguồn cấp nước cho công nhân thi công (ước tính cao nhất khoảng 15 người) do đơn vị thi công tự cung cấp, cụ thể:

- Nước uống: Mua các bình nước 20l tại các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn để phục vụ nhu cầu của công nhân. Ước tính khoảng 30l/ngày (2l/người).

- Nước sinh hoạt: Nguồn cấp nước cho công nhân thi công do đơn vị thi công tự cung cấp bằng xe bồn rồi bố trí bồn chứa nước khoảng 3m³ tại lán trại để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của công nhân. Ước tính khoảng 1,5 m³/ngày (100l/người.ngày).

- Nước tưới đường (phun ẩm), bảo dưỡng công trình, san nền: sử dụng xe bồn để chứa nước. Ước tính khoảng 3m³/ngày.

- Nước dùng trong quá trình thi công công trình: mua lại của người dân xung quanh khu vực dự án.

* **Cung cấp nhiên liệu:** Được mua từ cửa hàng xăng dầu trên địa bàn thị trấn Kiên Giang và huyện Lệ Thủy.

1.3.1.2. Trong giai đoạn hoạt động

* **Nhu cầu về nguồn cung cấp điện**

a. *Quy mô sử dụng điện:* Căn cứ theo Bảng 2.28: Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng, dịch vụ, mục 2.14 của QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng, ước tính nhu cầu sử dụng điện của Dự án như sau:

STT	Tên phụ tải	Chỉ tiêu cấp điện
1	Không có điều hòa	20W/m ² sàn
2	Có điều hòa	30W/m ² sàn

- Nhu cầu phụ tải:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất (kW)	Tổng công suất (kW)
1	Khu nhà hàng	kW/m ²	472.03	0.05	23.60
2	Khu văn phòng	kW/m ²	116.79	0.01	1.17
4	Chiếu sáng đường, khuôn viên	kW/bóng	20	0.25	5
	Tổng cộng				30.40
	Công suất của khu vực dự án: P=P*Kđt				
	+ Kđt: Hệ số đồng thời của phụ tải (Kđt = 0.65)	P =		19.76	kW
	+ Tồn hao trên mạng 5%			0.99	kW
	+ Dự phòng phát triển 10%			1.98	kW
	+ Tổng công suất tính toán:			33.37	kW

b. *Nguồn điện:* Để cấp điện cho khu vực lập quy hoạch, dự kiến lấy nguồn từ lưới đường dây chạy dọc trục đường Quốc lộ 9C.

* **Nhu cầu cấp nước**

a. *Quy mô:* Căn cứ QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng và Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế, ước tính nhu cầu cấp nước của dự án như sau:

TT	Công trình dùng nước	Khối lượng	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Nhu cầu (m ³ /ngđ)
1	Nhân viên	30	Người	100l/người	3,0
2	Khách hàng	1000	Lượt	18l/khách	18,0
3	Chế biến thức ăn	1000	món	12l/món	12,0
4	Nước rửa			2,0m ³ /ngày	2,0
5	Tưới cây	294	m ²	3lit/m ²	0,88

6	Rửa đường	462,2	m ²	0,4lit/m ²	0,18
	Tổng cộng				36,06

Quy mô cấp nước giờ dùng nước lớn nhất: 36,06 m³/ngày đêm.

- Cấp nước chữa cháy: Theo tiêu chuẩn phòng chữa cháy TCVN 2622-1995, với quy mô dự án được coi như nhà thuộc hạng sản xuất C. Lưu lượng nước tính toán cho giờ dùng nước lớn nhất khi có cháy xảy ra: $Q_{cc} = 30(l/s) = 115,2 \text{ m}^3/h$.

Quy mô cấp nước giờ dùng nước lớn nhất có cháy: 151,26 m³/ngày đêm.

b. Nguồn cấp nước: Đầu nối vào đường ống cấp nước D63 đi trên vỉa hè đường Nguyễn Trãi để kinh doanh, sử dụng.

1.3.3. Sản phẩm của dự án

Sau khi hoàn thành, dự án hình thành Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh trong khuôn viên khoảng 3.162,4m², phục vụ hoạt động nhà hàng và giải trí của khoảng 1.000 lượt khách/ngày.

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Sau khi dự án đi vào hoạt động, thực hiện các hoạt động pha chế phục vụ nhu cầu ăn uống của du khách và người dân địa phương,....

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

1.5.1. Công tác chuẩn bị trước khi thi công

- **Giải phóng mặt bằng:** Công tác đền bù và giải phóng mặt bằng do Ban giải phóng mặt của Dự án thực hiện dưới sự chỉ đạo của Chủ đầu tư phối hợp với các cơ quan chức năng của thị trấn Kiến Giang.

- **San ủi mặt bằng và xây dựng khu phụ trợ phục vụ thi công:** Nhà thầu sẽ tiến hành đào, đắp đất, san ủi bằng máy đào, máy xúc, xe lu để ủi san lấp mặt bằng cho phù hợp với việc thiết kế, bố trí công trình và xây dựng khu lán trại phụ trợ phục vụ cho công tác thi công ở trong khu vực Dự án. Dự kiến diện tích khoảng 165m².

1.5.2. San nền

- Công tác định vị tọa độ, ranh giới thi công trên thực địa được thực hiện bằng máy toàn đạc điện tử kết hợp với thước thép để xác định và dùng cọc tre đóng xuống nền hiện trạng để đánh dấu các vị trí.

- Tiến hành đào bỏ lớp hữu cơ bằng các thiết bị cơ giới, khối lượng đất hữu cơ này sẽ được máy đào xúc lên ô tô tải và vận chuyển đến vị trí đổ đất. Trong trường hợp nước mặt tại khu vực nạo vét hữu cơ nhiều thì phải tiến hành bơm hút cạn nước ra khỏi phạm vi trước khi tiến hành thi công, bùn nạo vét sẽ được cào thành đồng phơi ráo nước trước khi vận chuyển đến bãi đổ thải.

- Tiến hành nghiệm thu bóc lớp đất hữu cơ về: cao độ, kích thước hình học.

- Đắp trả cát dày 30cm tại các khu vực ruộng lúa.

- Đất đắp được vận chuyển đổ thành đồng bằng ô tô tự đổ.

- San gạt lớp đất bằng máy ủi (trong quá trình san cần chú ý đến độ dốc ngang, dốc dọc của bãi san nền).

- Tiến hành lu đầm lớp đất đắp đạt độ chặt ($K = 85$) bằng xe lu. Trong quá trình lu lên nếu độ ẩm đất đắp khô thì cần sử dụng xe tưới nước để tưới ẩm đất đảm bảo độ ẩm tối

ưu. Quá trình trên được tiến hành lặp đi lặp lại và được thi công đến cao độ thiết kế.

1.5.3. Hệ thống giao thông

- Sau khi bóc toàn bộ lớp đất hữu cơ, đào bỏ bờ đê.
- Cắm cọc, xác định chính xác vị trí giới hạn khu vực cần đắp, kiểm tra cao độ, kích thước nền đắp bằng máy thủy bình và thước thép.
- Ô tô chở đất đắp hoàn trả cấp phối đòi hỏi với khu vực đất đòi, còn khu vực ruộng lúa đắp trả cát K90 dày trung bình 30 - 50cm.
- Tiếp theo đất đắp nền đường được vận chuyển và đổ thành đồng theo cự ly tính toán. Dùng máy san san thành từng lớp 25-30cm đảm bảo thoát nước tốt khi trời mưa và tiến hành lu lèn theo các giai đoạn.
- Lu lèn sơ bộ ổn định lớp cát đắp khi đã được tưới đủ nước.
- Lèn ép chặt mặt đường bằng lu rung cho mặt đường đạt độ chặt $K=0,95$ và cho lòng đường đạt độ chặt $K=0,98$.
- Sau đó dùng lu sắt bánh nhẵn lèn ép mặt đường phẳng nhẵn, lu đi qua không hằn vết trên mặt đường và đạt được cao độ theo yêu cầu thiết kế.
- Kiểm tra độ chặt và kích thước hình học từng lớp theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế. Trong quá trình đầm nén, độ ẩm của vật liệu luôn được chú ý điều chỉnh sao cho gần với độ ẩm tốt nhất, phơi vật liệu nếu độ ẩm quá lớn, tưới nước khi vật liệu khô.
- Tiến hành thi công lớp kết cấu áo đường theo trình tự kết cấu từ dưới lên, tương ứng với từng tuyến đường.

1.5.4. Hệ thống cấp, thoát nước

- Định vị vị trí tuyến theo đúng thiết kế, tiến hành đào đất bằng máy xúc kết hợp thủ công, vật liệu đào được vận chuyển tập kết đúng vị trí để hoàn trả. Sử dụng tường chắn bằng cọc cừ hoặc ván gỗ để tránh sụt, lở nếu cần thiết.
- Sau khi đào đến cao độ thiết kế dùng thủ công san sửa đáy, trắc ngang, độ dốc và đầm chặt theo đúng quy định hiện hành.
- Vận chuyển cống đến vị trí thi công, đặt ống bằng cần cẩu kết hợp thủ công. Cân chỉnh ống cống kết hợp đúng vị trí, cao độ, độ hở giữa hai đốt cống theo đúng quy chuẩn.
- Tiến hành nối ống cống bằng phương pháp hàn với ống nhựa và vữa xi măng đối với ống bê tông sau đó hoàn trả mặt bằng. Đắp đất bằng máy xúc, máy ủi từng lớp theo đúng độ chặt quy định.

1.5.5. Thi công các hạng mục dự án

- Giai đoạn đào móng và gia cố nền: Giai đoạn này sử dụng máy đào, máy xúc, xe lu để đào móng chuẩn bị xây nhà, các công trình phụ trợ và gia cố nền móng cho các công trình cần thiết.

Dựa theo tài liệu báo cáo khảo sát địa chất, cường độ tính toán móng được tính toán theo báo cáo khảo sát địa chất.

Căn cứ địa chất công trình là nền đất tốt (cường độ $>2\text{kG/cm}^2$) và tải trọng tập trung dưới chân cột chúng tôi chọn phương án móng băng dưới trụ. Kết hợp hệ móng gạch đỡ tường. Móng băng bê tông cấp bền B25 (mác 300). Móng tường xây bằng gạch đặc, vữa XM mác 75#, miết mạch mạnh, mạch xây phải no vữa, xây đúng theo quy phạm quy

định.

- Quá trình xây dựng cơ bản: Công đoạn này sử dụng máy cẩu, xe lu, xe vận chuyển, máy phối trộn bê tông,... để thực hiện các hoạt động như: xây móng, đổ bê tông, xây tường, lắp khung kèo thép, mái tole, đóng tháo cốt pha,... Nguyên liệu sử dụng trong giai đoạn này gồm: cát, đá, xi măng, sắt thép, tole,...

- Quá trình hoàn thiện công trình: bao gồm các công việc như: sơn, lắp ráp các hệ thống thoát nước, cấp nước, điện,... được thực hiện theo đúng yêu cầu thiết kế và các quy chuẩn. Quá trình này sử dụng máy móc thiết bị như máy nâng, máy khoan, máy bắn vít,...

*** Danh mục máy móc, thiết bị thực hiện dự án**

Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng sẽ sử dụng xe sẵn có của nhà thầu hoặc hợp đồng với các đơn vị cung cấp vật liệu xây dựng. Ngoài ra, trên khu vực thực hiện dự án dự kiến sẽ sử dụng một số loại máy móc, thiết bị như sau:

Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị

TT	Loại máy thi công	Công suất	Lượng nhiên liệu tiêu thụ (lít dầu diesel/ca) (*)
I	San nền		
1	Máy ủi (03 máy)	110 CV	44,1
2	Máy đào (03 máy)	0,8 m ³	65
3	Máy đầm (03 máy)	9 tấn	34
II	Làm đường giao thông		
1	Máy lu (02 máy)	10 tấn	26
2	Máy đào (02 máy)	0,8 m ³	65
3	Máy đầm (03 máy)	16 tấn	38
4	Máy ủi (01 máy)	110 CV	46
5	Xe cẩu (01 xe)	3 tấn	25
6	Ô tô tưới nước (02 xe)	5 m ³	23
III	Thi công hệ thống thoát nước mưa và nước thải		
1	Máy đào (03 máy)	0,8 m ³	65
IV	Lắp đặt hệ thống điện hạ thế và điện chiếu sáng		
1	Máy đào (01 máy)	0,8 m ³	65
2	Xe cẩu (01 xe)	3 tấn	25
3	Xe thang chiều cao nâng 12m (01 xe)		29

(Nguồn: Báo cáo đầu tư xây dựng dự án)

Ngoài các phương tiện, máy sử dụng dầu diesel ở trên, hoạt động thi công của Dự án có sử dụng các phương tiện, máy chạy bằng điện như máy trộn bê tông, bơm nước, máy cắt, hàn, máy khoan, máy đầm tay,...

1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1 Tiến độ dự án

Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến như sau:

- Lập và phê duyệt dự án: Quý IV/2023;
- Lập và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán: Quý I/2024;
- Khởi công xây dựng dự án tháng: Quý II /2024;
- Hoàn thành giai đoạn I đưa vào sử dụng: Quý IV/2025.

Thời gian Công việc	Tháng	Tháng	Tháng
	12/2023	1/2024- 12/2024	1/2025 - 12/2025
Hoàn thiện đánh giá tác động môi trường và các thủ tục pháp lý khác	■		
Giải phóng mặt bằng và san nền		■	
Thi công các hạng mục			■
Hoàn thiện và nghiệm thu bàn giao Dự án			■

1.6.2. Tổng mức đầu tư

- Tổng mức đầu tư: 30.00.000.000 đồng

(Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng chẵn./.)

- Nguồn vốn gồm: Vốn tự có chiếm 20% và vốn vay ngân hàng chiếm 80%.

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự tổ chức.

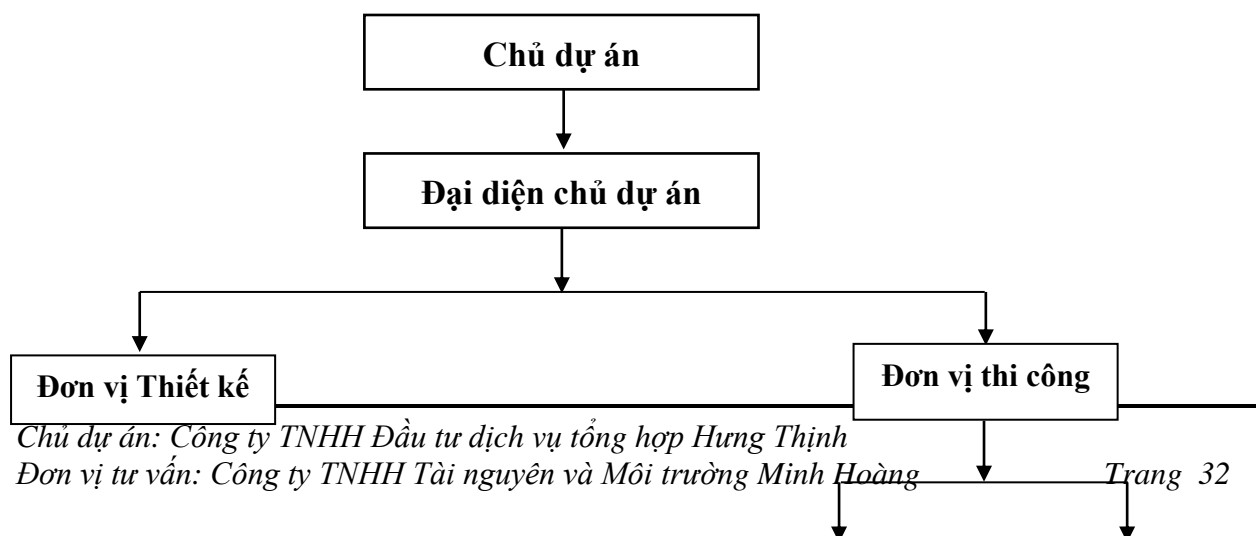
- Tổ chức thực hiện dự án:

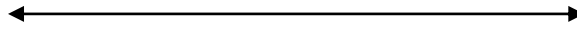
+ Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ tổng hợp Hưng Thịnh.

+ Tư vấn thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Phong An.

+ Đơn vị thi công: Chủ đầu tư tự tổ chức lựa chọn nhà thầu.

+ Chủ dự án lựa chọn đơn vị quản lý để trực tiếp giám sát các nhà thầu thi công.





- Số lượng công nhân thi công dự án: Với quy mô các hạng mục công trình được đầu tư của dự án thì số lượng công nhân tham gia xây dựng dự kiến khoảng 20 người.

Chương 2

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

a. Địa lý khu vực

Vị trí thực hiện dự án thuộc thị trấn Kiến Giang nằm ở trung tâm của vùng đồng bằng Lệ Thủy, bên sông Kiến Giang và có vị trí địa lý:

- Phía đông giáp xã Liên Thủy
- Phía tây giáp xã Xuân Thủy và xã Phong Thủy
- Phía nam giáp xã Xuân Thủy và Mai Thủy
- Phía bắc giáp xã Liên Thủy và xã Phong Thủy.

Thị trấn Kiến Giang là trung tâm kinh tế quan trọng của huyện Lệ Thủy và cũng là trung tâm động lực của tiểu vùng Nam Quảng Bình. Là địa phương thuần nông, với lợi thế nằm ở vùng trung tâm của huyện Lệ Thủy, những năm trở lại đây, tại thị trấn Kiến Giang phát triển các ngành nghề du lịch, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp...

b. Đặc điểm địa hình khu vực dự án

Về hình thái địa hình, trong khi địa bàn phía Bắc Quảng Bình dốc dần theo hướng từ tây sang đông và sự phân bậc không mang tính giảm dần thì ngược lại tại địa bàn Lệ Thủy địa hình thấp dần theo hướng tây nam - đông bắc và sự phân bậc giảm dần từ khu vực rừng núi đến gò đồi và xuống dải đồng bằng ven biển. Vùng đồng bằng, chỉ cao hơn mặt nước biển 2 - 3m, vùng hạ lưu sông Kiến Giang xấp xỉ mặt nước biển, trong khi đó dải cồn cát ven biển lại cao hơn, thậm chí có những cồn cát cao tới 40 - 50m...

Khu đất được giao để lập dự án có nguồn gốc bao gồm:

+ Đất SXKD của chủ dự án đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 653895 do UBND huyện Lệ Thủy cấp ngày 15/9/2015 thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 20 với diện tích 765,5 m². Hiện trạng khu vực đã được san nền và đang có hoạt động sản xuất gạch block. Sau này, khu vực này sẽ được phá bỏ để thực hiện dự án Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh. Khu vực hiện trạng có cao độ từ +3,05 đến +3,07m là phù hợp với cao độ thiết kế của dự án.

+ Đất trồng lúa của chủ dự án được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 329,2 m² tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 20. Hiện trạng khu vực là đất ruộng lúa với cao độ từ + 0,5 đến + 2,6m.

+ Đất nông nghiệp từ địa sát đường Nguyễn Trãi, đất giao thông, thủy lợi (không còn sử dụng) do UBND thị trấn Kiến Giang quản lý khoảng 879,2m. Hiện nay đã được UBND thị trấn san nền có cao độ phù hợp với cao độ thiết kế của dự án. Trước khi thực hiện dự án, chủ dự án sẽ thực hiện thuê đất theo đúng quy định.

c. Đặc điểm địa chất

* Địa hình, địa mạo

Theo báo cáo khảo sát địa chất công trình của dự án, khu vực xây dựng công trình nằm trong kiểu địa hình đồng bằng và chưa được san lấp bằng phẳng. Phủ trên bề mặt

kiểu địa hình này là các trầm tích kỷ Đệ tứ (Q_{IV}) có thành phần là sét pha lẫn sỏi sạn, có bề dày khá lớn.

* Địa tầng và đặc tính cơ lý

Căn cứ kết quả khoan khảo sát và kết quả thí nghiệm các mẫu đất, địa tầng khu vực được phân chia thành các lớp thứ tự từ trên xuống dưới như sau:

- Lớp D: Đất đắp, đất sét pha màu đen dạng bùn.
- Lớp 1: Đất sét pha màu xám vàng
 - Thành phần chủ yếu: Đất sét pha màu xám vàng, kết cấu xốp, trạng thái dẻo mềm.
 - Thành phần hạt: Sét: 44%; Bụi: 17,89%; Cát: 37,7%; Hạt sỏi: 0,41%.
 - Độ ẩm: 37,7%; Cường độ chịu tải: 1,2kG/cm².
 - Khả năng chịu tải kém.
- Lớp 2: Đất sét pha lẫn sỏi sạn.
 - Thành phần chủ yếu: Đất sét pha lẫn sỏi sạn màu xám, kết cấu chặt vừa, trạng thái nửa cứng.
 - Thành phần hạt: Sét: 14,38%; Bụi: 15,51%; Cát: 58,59%; Hạt sỏi: 8,9%; Dăm cuội: 2,62%.
 - Độ ẩm: 20,30%; Cường độ chịu tải: 2,2kG/cm².
 - Khả năng chịu tải trung bình.
- Lớp 3: Đất sét pha lẫn sỏi sạn dăm cuội
 - Thành phần chủ yếu: Đất sét pha lẫn sỏi sạn dăm cuội thạch anh màu trắng xám, kết cấu chặt, trạng thái nửa cứng đến cứng.
 - Thành phần hạt: Sét: 12,37%; Bụi: 12,24%; Cát: 38,85%; Hạt sỏi: 21,44%; Dăm cuội: 15,1%.
 - Độ ẩm: 11,79%; Cường độ chịu tải: 2,7kG/cm².
 - Khả năng chịu tải tốt.

Căn cứ vào kết quả khảo sát, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy mô công trình có thể nghiên cứu sử dụng giải pháp móng đơn nhưng cần phải đặt móng công trình vào lớp đất thứ 2.

Tuy nhiên, tùy vào tải trọng công trình, kết quả số liệu thí nghiệm trong phòng mà các kỹ sư thiết kế tính toán đưa ra các giải pháp móng phù hợp đảm bảo ổn định cho công trình và hiệu quả kinh tế.

2.1.2. Điều kiện khí hậu, khí tượng

a. Khí hậu

Quảng Bình nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam, với đặc trưng của khí hậu nhiệt đới điển hình ở phía Nam và có mùa Đông tương đối lạnh ở miền Bắc. Khí hậu chia làm 02 mùa rõ rệt: Mùa khô và mùa mưa.

- *Mùa khô*: Từ tháng 5 đến tháng 8, trùng với mùa gió Tây Nam khô nóng, lượng bốc hơi lớn nên thường xuyên gây hạn hán, cát bay, cát chảy lấp đồng ruộng và khu dân cư. Nhiệt độ trung bình năm từ 24°C - 32°C. Mùa nóng kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10

hàng năm với nhiệt độ trung bình trên 29°C, mùa lạnh bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với nhiệt độ trung bình 22°C. Tổng nhiệt độ hàng năm khoảng 8.600 - 8.700°C, số giờ nắng trung bình hàng năm khoảng 1.700 - 1.800 giờ/năm.

- **Mùa mưa:** Từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau, chiếm 80% tổng lượng mưa cả năm nên thường gây lũ lụt trên diện rộng, lượng mưa trung bình nhiều năm là 2.100 - 2.200mm, số ngày mưa trung bình là 152 ngày/năm.

Như vậy, với nhiệt độ và tổng nhiệt độ năm xếp vào loại khá cao và được đánh giá là phù hợp, thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của các loại cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp như: Cây lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả, gia súc, thủy sản.

Điều kiện thời tiết bất lợi là gió Tây Nam khô nóng xuất hiện chủ yếu tập trung trong các tháng 6, 7, 8 kết hợp với lượng mưa ít gây hạn hán. Mùa mưa bão tập trung vào tháng 8, 10, bão thường đi kèm với mưa lớn. Do địa hình hẹp, sông ngấn và dốc nên mùa mưa bão thường xảy ra lũ lụt gây thiệt hại lớn về người và tài sản, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hàng năm.

Theo số liệu của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Quảng Bình từ 1956 đến 2020 thì năm 2016 là năm có lượng mưa lớn nhất. Lượng mưa lớn nhất trong ngày là 747 mm, ngày xuất hiện 16/10/2016 tại trạm khí tượng Đồng Hới.

Để hạn chế sự bất lợi cần phải có các chương trình khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên có căn cứ khoa học như: Trồng rừng đầu nguồn, thiết lập vành đai rừng phòng hộ, nghiên cứu cơ cấu mùa vụ cây trồng, vật nuôi, tuyển chọn cơ cấu giống chống chịu để tránh các điều kiện bất lợi về khí hậu, thời tiết.

* **Nhiệt độ không khí:** Nhiệt độ bình quân hàng năm ở thành phố Đồng Hới dao động từ 25°C đến 26°C, miền núi tùy theo độ cao mà giảm xuống dưới 24°C và được chia thành 2 mùa rõ rệt, cụ thể:

- Mùa hè: Vào các tháng 6, 7, 8 là các tháng nóng nhất, nhiệt độ trung bình các tháng này từ 29,5 - 30,0°C.

- Mùa đông: Nhiệt độ trung bình tháng giêng khoảng 19°C. Nhiệt độ trung bình tối từ 16 - 17°C. Khi có không khí lạnh tràn về với cường độ mạnh, nhiệt độ thấp nhất có thể xuống dưới 10°C.

- Bình quân nhiệt độ các tháng như sau:

Bảng 2.1. Nhiệt độ trung bình tháng (Trạm đo Đồng Hới)

Đơn vị tính: °C

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	22,0	22,1	24,6	23,8	29,8	32,0	31,1	29,6	29,5	24,7	23,2	19,2

(Nguồn: Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình năm 2020)

* **Độ ẩm không khí**

- Độ ẩm trung bình hằng năm khoảng 70% - 90%. Mùa ẩm ướt kéo dài từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau, có độ ẩm trung bình từ 80% - 90%. Tháng ẩm nhất là các tháng cuối mùa đông.

- Thời kỳ khô nhất là các tháng giữa mùa hạ, tháng 7 có độ ẩm trung bình từ 70 -

79%. Chênh lệch độ ẩm trung bình tháng ẩm nhất và tháng khô nhất đạt tới 19 - 20%.

Bảng 2.2. Độ ẩm tương đối trung bình tháng (Trạm đo Đồng Hới)

Đơn vị tính: %

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Độ ẩm	86	84	88	86	85	65	70	76	80	87	88	86

(Nguồn: Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình năm 2020)

*** Lượng mưa**

Theo số liệu thu thập tại Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình, tổng lượng mưa bình quân năm 2020 tại khu vực Dự án là 3.496,8mm. Mùa mưa thường tập trung trong các tháng 10, 11, 12 với tổng lượng mưa chiếm 83% tổng lượng mưa cả năm, các tháng có lượng mưa thấp là tháng 1, 2, 3, 4, 6.

Bảng 2.3. Lượng mưa trung bình tháng tại Trạm đo Đồng Hới

Đơn vị tính: mm

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	49,6	25,3	37,9	33,8	43,1	11,1	29,6	202,6	160,5	1532,9	448,4	922

(Nguồn: Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình năm 2020)

* **Nắng:** Số giờ nắng trong năm 2020 đạt 1.939,8 giờ, tháng có số giờ nắng ít nhất là tháng 12 với số giờ nắng trung bình 30,6 giờ, tháng có số giờ nắng nhiều nhất là tháng 7 với số giờ nắng trung bình là 318,1 giờ.

Bảng 2.4. Số giờ nắng tại Trạm đo Đồng Hới

Đơn vị tính: Giờ

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	148,4	163,5	102,8	77,3	247,1	293,4	318,1	195,1	214,1	67,9	81,5	30,6

(Nguồn: Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình năm 2020)

* **Gió:** Khu vực cửa Nhật Lệ nằm gần trạm khí tượng Đồng Hới, ngoài biển có trạm khí tượng hải văn Cồn Cỏ. Trạm Cồn Cỏ mang đặc trưng cho khu vực ven bờ tỉnh Quảng Bình. Các số liệu đo có thể áp dụng cho tính toán sóng vì số liệu đo ít bị biến đổi về tốc độ và hướng do ảnh hưởng của đường bờ.

Gió trạm Cồn Cỏ được phân biệt thành 2 mùa rõ rệt: gió Đông Bắc từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau và gió Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 8. Hai tháng có chế độ gió chuyển tiếp là tháng 4 và tháng 9.

Mùa đông gió thịnh hành vùng ven bờ là hướng Tây Bắc đến hướng Bắc. Gió mùa hè có hướng thịnh hành là Tây Nam. Gió mùa Tây Nam đi qua dãy trường sơn gây mưa ở phía Tây và do vậy mất hàm lượng hơi nước.

Vận tốc gió trung bình tháng thay đổi từ 2,2m/s vào tháng 5 đến 3,1m/s vào tháng 11. Vận tốc gió cực đại thay đổi từ 8m/s đến 15m/s trong điều kiện có gió mùa mạnh hoặc bão.

Bảng 2.5. Vận tốc gió theo các hướng tại Trạm đo Đồng Hới

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Trung bình (m/s)	2,7	2,5	2,2	2,1	2,2	2,5	2,8	2,2	2,0	2,8	3,1	2,9
Lớn nhất (m/s)	10	8	7	8	12	8	8	10	12	12	15	8
Ngày gió lớn nhất	26	8	10	12	12	1	15	23	18	17	15	4

(Nguồn: Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình năm 2020)

* Bão và áp thấp nhiệt đới

Tỉnh Quảng bình, nhất là khu vực ven biển là một trong những nơi hàng năm chịu ảnh hưởng rất nặng nề của bão, thuộc vào loại nhất nước ta. Theo số liệu thống kê, tính trung bình mỗi năm ở Quảng bình có từ 1-2 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào biển của tỉnh. Bão có thể xuất hiện vào thời kỳ từ tháng 6 đến tháng 10, trong đó nhiều nhất vào 3 tháng 8, 9, 10. Theo thống kê từ năm 2000 đến nay tỉnh Quảng Bình đã đón tổng cộng 12 cơn bão, tần suất 0,63 cơn/năm. Đặc biệt, trong năm 2011 có đến 04 cơn bão và 07 trận lũ lụt nghiêm trọng.

Khu vực từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế: mùa bão từ tháng 8 đến tháng 10. Tần suất bão lớn nhất trong tháng 9: 41%, tháng 8: 17%, tháng 10: 26%. Tuy vậy, có năm đã xuất hiện bão trong các tháng 6, 7.

Bảng 2.6. Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp vào các khu vực

Vùng bờ biển	Thời gian xuất hiện	Tên cơn bão	Cấp bão
Hà Tĩnh - Quảng Bình	15/9/2017	Doksuri	Cấp 15
Hà Tĩnh - Thừa Thiên Huế	30/9/2013	Wutip	Cấp 10-14 (102-149 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	21/08/2010	Mindulee	Cấp 10 (89-102 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	13/10/2008	ATNĐ	Cấp 7 (50-61 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	27/09/2008	Mekkhala	Cấp 9 (75-88 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	27/09/2007	Lekima	Cấp 11 (103-117 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	28/10/2005	Kaitak (Số 8)	Cấp 9 (75-88 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	15/09/2005	Vicente (Số 6)	Cấp 9 (75-88 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	08/09/2003	ATNĐ	Cấp 6 (39-49 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	10/09/2002	Hagupit (Số 4)	Cấp 6 (39-49 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	10/08/2001	Usagi (Số 5)	Cấp 8 (62-74 km/h)
Nghệ An - Quảng Bình	05/09/2000	Wukong (Số 4)	Cấp 10 (89-102 km/h)

Bảng 2.7. Tần suất bão, lũ lụt ở Quảng Bình từ năm 2016 đến năm 2020

Năm	Số cơn bão	Số trận lũ lụt
2016	2	3
2017	2	5
2018	1	3
2019	2	3
2020	2	1

Năm	Số cơn bão	Số trận lũ lụt
Tổng	13	15
Trung bình	1,8	3,3

Năm 2020, mưa lũ tại tỉnh Quảng Bình diễn biến phức tạp do chịu ảnh hưởng của 2 cơn bão Saudel vào ngày 26/10 và bão Vamco ngày 15/10 gây mưa lớn, đẩy nước lũ trên các sông ở Quảng Bình dâng lên cao gây nhiều thiệt hại cho địa phương. Đến 07h sáng ngày 20/10/2020, mưa lũ trên địa bàn tỉnh đã làm 04 người chết (02 người ở xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy, 01 người xã Gia Ninh, 01 người ở xã Hiền Ninh huyện Quảng Ninh); 09 người bị thương (06 người ở huyện Tuyên Hóa, 02 người ở huyện Minh Hóa và 01 người ở huyện Bố Trạch). Mưa lũ đã làm gần 2.500 nhà ở thành phố Đồng Hới bị ngập lụt, có 30 hộ dân ở xã Lộc Ninh và 57 bản/07 xã/04 huyện biên giới gồm: Minh Hóa (17 bản/03 xã); Bố Trạch (20 bản/02 xã; Quảng Ninh (19 thôn, bản/01 xã); Lệ Thủy (02 bản/02 xã) bị cô lập.

b. Chế độ thủy văn

- *Đặc điểm nước mặt khu vực:* Khu vực xây dựng dự án có địa hình chủ yếu là ruộng lúa, vì vậy nguồn nước mặt ở đây là nước từ các đồng ruộng, hệ thống kênh mương,... mực nước phụ thuộc theo mùa mưa và mùa vụ; về mùa khô nước mặt xuất hiện tại vùng trũng ở khoảng từ (0,4m) so với mặt đất tự nhiên. Về mùa mưa, nước dâng cao tại các ruộng lúa do tiếp nhận nước mưa bề mặt và nước mưa chảy tràn, nước trong khu vực được tiêu thoát theo hệ thống kênh, mương thủy lợi về Kênh Cầu Hới chảy ra sông Kiến Giang. Tuy nhiên, vào mùa mưa lũ hằng năm, mực nước sông Kiến Giang dâng cao, khả năng thoát nước kém và khu vực thường xảy ra ngập lụt với mức đỉnh lũ năm 2020 khoảng +2m.

- *Đặc điểm nước dưới đất:* Theo điều tra, khảo sát thực tế tại một số nhà dân khu vực xung quanh cho thấy trữ lượng nước ngầm ở đây tương đối phong phú, tầng nước ngầm mạch nông ở độ sâu từ 5 – 7m. Hiện nay, đa số người dân địa phương vẫn còn sử dụng nguồn nước giếng đào hoặc giếng khoan để sử dụng. Theo ghi nhận của người dân thì nguồn nước từ giếng đào và giếng khoan chưa có năm nào bị cạn kiệt cả vào mùa hè.

2.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng khu vực dự án

2.1.3.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Triển khai thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình hành động năm 2022 trong điều kiện vừa khôi phục phát triển kinh tế, xã hội, thương mại, dịch vụ, vừa khắc phục những khó khăn về dịch bệnh và thiên tai. Song với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND, công tác phối hợp của UBNDTTQVN thị trấn, cùng các tổ chức đoàn thể và sự nỗ lực phấn đấu toàn thể nhân dân thị trấn Kiến Giang nên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực:

I. VỀ KINH TẾ

1.1 Nông nghiệp

UBND thị trấn Kiến Giang tập trung chỉ đạo các Hợp tác xã trên địa bàn hoàn thành kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân và vụ lúa tái sinh, chăm bón hè thu. Tích cực chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh, chuột hại lúa nên thu hoạch lúa vụ Đông Xuân đạt theo kế hoạch đề ra. Diện tích gieo trồng là 296,47 ha, năng suất vụ lúa Đông Xuân bình quân đạt 66,43 tạ/ha so với cùng kỳ giảm 8,48 tạ/ha, sản lượng lương thực đạt 1969,7 tấn so với cùng kỳ

giảm 252,2 tấn. Diện tích vụ lúa tái sinh là 291,47 ha, ước tính năng suất lúa tái sinh đạt 10,15 tạ/ha, sản lượng lương thực lúa tái sinh đạt 295,84 tạ, còn 05 ha vụ lúa hè thu chưa ước lượng được về năng suất, sản lượng.

1.2. Về chăn nuôi:

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn do ảnh hưởng lũ lụt, dịch bệnh nên tổng đàn gia súc, gia cầm giảm so với những năm trước, tổng đàn gia súc toàn thị trấn có 822 con và tổng đàn gia cầm có 16.725 con. Thời gian qua, UBND thị trấn Kiến Giang đã tích cực chỉ đạo và ban hành các văn bản triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Triển khai công tác tiêm phòng đợt 1 năm 2022 trên địa bàn, tình hình gia súc, gia cầm chưa phát hiện dịch bệnh xảy ra.

2. Chương trình phát triển các ngành nghề TTCN và dịch vụ

Tích cực chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi và triển khai thực hiện các chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở duy trì và phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp, các loại hình ngành nghề. Hiện nay, trên địa bàn thị trấn có trên 60 cơ sở ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp; có hơn 1246 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ cá thể. Trong đó, các loại ngành nghề dịch vụ thu hút được nhiều lao động như Gạch Bloc, nhôm kính, gò hàn, mộc dân dụng... đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn toàn thị.

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn diễn ra cơ bản ổn định. Công tác quản lý, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động kinh doanh, dịch vụ được tăng cường; các cơ sở, hộ cá thể cơ bản chấp hành các quy định về kinh doanh, dịch vụ. Các loại hình dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác phát triển khá đa dạng.

3. Công tác thu chi ngân sách, tín dụng 6 tháng đầu năm 2022

a. Công tác thu chi ngân sách

- Về thu ngân sách: Tiếp tục chỉ đạo, đẩy mạnh công tác thu ngân sách trên địa bàn; tăng cường các biện pháp khai thác và tận thu các nguồn thu trên địa bàn.

Tổng thu ngân sách dự ước thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2022 là: 4.644.239.032 đồng, ước đạt 38,96% so với kế hoạch giao. Trong đó, nhiều khoản thu cân đối khác và tiền đất chưa đạt kế hoạch giao.

- Chi ngân sách: Quản lý, điều hành và kiểm soát chặt chẽ việc chi ngân sách theo dự toán, chế độ quy định đáp ứng nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ của địa phương. Tổng chi ngân sách dự ước thực hiện được trong 6 tháng đầu năm 2022 là 3.765.110.946 đồng, ước đạt 31,58% so với kế hoạch giao.

b. Hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân Kiến Giang

Việc thực hiện kế hoạch huy động và vay vốn tại quỹ tín dụng nhân dân Kiến Giang được thực hiện theo đúng quy trình hướng dẫn của ngân hàng Nhà nước. Quỹ tín dụng nhân dân Kiến Giang đã huy động nguồn vốn đến 6 tháng đầu năm 2022 là 63.994.000.000 đồng, với dư nợ cho vay 96.497.000.000 đồng để phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tiếp cận được các nguồn vốn vay tín dụng phục vụ phát triển sản xuất TTCN, dịch vụ kinh doanh, thương mại góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Phối hợp với các ban ngành huyện đã kiểm tra 04 cơ sở sản xuất kinh doanh đề nghị hỗ trợ khuyến công cho các cơ sở như gạch block, cơ sở sản xuất vàng mã, mộc mỹ nghệ.

4. Công tác xây dựng cơ bản và phát triển đô thị

Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước về xây dựng cơ bản, nâng cao chất lượng, hiệu quả các công trình. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình; tiến hành các thủ tục để thi công các công trình đã bố trí vốn. Kêu gọi, huy động nguồn lực và phân bổ kịp thời các nguồn vốn để xây dựng mới, khắc phục, sửa chữa các công trình theo kế hoạch. Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước về xây dựng cơ bản, nâng cao chất lượng, hiệu quả các công trình. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình; tiến hành các thủ tục để thi công các công trình đã bố trí vốn. Nguồn vốn xây dựng cơ bản đã bố trí đến 30/6/2022 là: 9.801.000.000 đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách huyện bố trí: 1.552.000.000 đồng.
- Nguồn vốn quỹ đất năm 2022 của thị trấn: 8.000.000.000 đồng
- Nguồn vốn chuyển nguồn của thị trấn năm trước chuyển sang: 249.000.000 đồng.

Tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp vào đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn theo phương thức xã hội hóa, đồng thời tích cực phối hợp với nhà đầu tư để làm các hồ sơ thủ tục sớm triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn thị trấn.

Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, trật tự đô thị; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Xây dựng, ban hành các văn bản về triển khai thực hiện công tác quản lý đô thị trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo công an, ban bảo vệ dân phố tiến hành ra quân về trật tự đô thị, việc chống lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường đã được người dân chấp hành nghiêm túc. Trong 6 tháng đầu năm 2022, Tổ quản lý đô thị đã phối hợp với các ban ngành thị trấn thường xuyên tuần tra, kiểm soát, tuyên truyền vận động, nhắc nhở và xử lý vi phạm kịp thời, do đó hạn chế những vi phạm về trật tự đô thị trên địa bàn thị trấn đạt được kết quả đáng khích lệ.

5. Công tác quản lý tài nguyên, môi trường

Công tác quản lý tài nguyên, vệ sinh môi trường được quan tâm chỉ đạo nên đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện rà soát kế hoạch sử dụng đất năm 2022. Tăng cường công tác quản lý đất, chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, tồn đọng về đất đai. Trong 6 tháng năm 2022, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai đã tiếp nhận và giải quyết hoàn chỉnh các thủ tục hành chính đúng thời hạn. Phối hợp tổ chức cho ý kiến về vị trí, hiện trạng sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch ở địa phương đối với 06 dự án có chủ trương đầu tư trên địa bàn thị trấn Kiến Giang. Phối hợp với ban ngành huyện kiểm tra các điểm rác thải, xử lý các hộ dân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn cơ bản đảm bảo. Tổ chức ra quân tổng vệ sinh môi trường, nhất là vào các dịp tết, lễ các ngày kỷ niệm và hưởng ứng ngày môi trường thế giới, tuần lễ biển và hải đảo năm 2022 và ngày đô thị văn minh hàng tháng, hồ sơ liên thông một cửa trên hệ thống chính quyền điện tử.

II. VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Giáo dục - đào tạo

Hiện nay, các trường học trên địa bàn đã hoàn thành chương trình năm học 2021 - 2022 đề ra, chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao và đã đánh giá đúng thực chất. Các trường học tiếp tục duy trì giữ vững danh hiệu trường chuẩn quốc gia mức độ 1 và mức độ 2.

Tỷ lệ học sinh trong năm học 2021 - 2022 đến trường đạt 100%; về chất lượng văn hóa và rèn luyện các mặt của mỗi bậc học đạt khá, giỏi hơn 95% trở lên. Phối hợp với

Hội khuyến học thị trấn tham dự tuần lễ học tập suốt đời năm 2022 tại trường THCS Kiến Giang. Công tác khuyến học, khuyến tài đã được chú trọng, trong 06 tháng đầu năm 2022, Hội khuyến thị trấn cùng phối với Ban khuyến học của các trường đã trao thưởng cho giáo viên, học sinh với 2.176 lượt, số tiền 75.100.000 đồng, cấp 77 suất học bổng với số tiền 17.600.000 đồng. Chỉ đạo hoạt động hè, phòng chống đuối nước và phổ cập bơi an toàn cho học sinh. Trung tâm học tập cộng đồng thị trấn duy trì hoạt động, phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức mở các lớp tập huấn.

2. Về y tế và dân số

Công tác y tế trong 06 tháng đầu năm 2022 đã thực hiện khám và chữa bệnh tại trạm hơn 537 lượt; công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 1 tuổi, phụ nữ có thai cho 94 trường hợp; cho trẻ từ 6 đến 60 tháng uống vitamin A đầy đủ cho hơn 687 trường hợp; đã phối hợp với các ban ngành UBND thị trấn ban hành văn bản tuyên truyền, vệ sinh, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19, tiêm vắc xin Covid 19 cho nhân dân trên địa bàn theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo Covid 19 của huyện và công tác phòng chống dịch sốt xuất huyết trên địa bàn thị trấn. Công tác vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm trên địa bàn thị trấn được chú trọng.

Công tác dân số trong 06 tháng đầu năm 2022, tổng số sinh có 24 trẻ (trong đó có 11 nam, 13 nữ), tỷ suất sinh là 3,130/00 giảm 1,610/00 so với 06 đầu năm 2021; sinh con thứ 3 có 03 cháu chiếm 12,5% giảm 1,3% so với 6 tháng đầu năm 2021. Chương trình khám chăm sóc sức khỏe sinh sản và các dịch vụ về kế hoạch hóa gia đình, truyền thông dân số đảm bảo và thường xuyên.

3. Công tác văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Công tác văn hóa thông tin, phong trào TĐĐKXDĐSVH được đẩy mạnh, Ban chỉ đạo huyện kiểm tra việc thực hiện phong trào TĐĐKXDĐSVH, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa trên địa bàn thị trấn đạt kết quả tốt. Tổ chức thực hiện tốt việc tuyên truyền trong các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước và các nhiệm vụ khác trên địa bàn. Tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các chủ trương, đường lối của đảng, pháp luật của nhà nước. Thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh về công tác phòng chống dịch Covid-19, dịch sốt xuất huyết, các chế độ chính sách trên địa bàn đảm bảo và hiệu quả. UBND thị trấn đã thành lập và tập luyện 04 môn cầu lông, bóng bàn, bóng đá, chạy việt dã tham gia thi đấu tại đại hội thể dục thể thao huyện.

4. Công tác lao động, thương binh và xã hội

Công tác chính sách trong 06 tháng năm 2022 đã thực hiện việc chi trả tiền quà tết của các cấp cho người có công, người nghèo, thực hiện việc cấp phát gạo hỗ trợ cứu đói cho nhân dân nhân dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần 4,5 tấn; giải quyết 56 bộ hồ sơ cho đối tượng người có công và 68 bộ hồ sơ cho các đối tượng bảo trợ xã hội, trong 6 tháng đầu năm 2022 thực hiện cấp mới 38 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội. Kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2022: số hộ nghèo toàn thị có 41 hộ chiếm tỷ lệ 1,97% tăng 0,27% so với năm 2021; hộ cận nghèo có 19 hộ chiếm tỷ lệ 0,91% tăng 0,01% so với năm 2021. Tham mưu UBND thị trấn xây dựng kế hoạch tổ chức kỷ niệm 75 năm ngày thương binh liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2022).

III. QUỐC PHÒNG – AN NINH VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT

1. Công tác quân sự quốc phòng

Công tác quân sự quốc phòng, trong 06 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn ổn định, tổ

chức giao quân nhập ngũ năm 2022 có 03 công dân, tiếp nhận 03 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; phối hợp lực lượng công an, Ban bảo vệ dân phố tổ chức trực sẵn sàng chiến đấu đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bảo vệ an toàn trong vào dịp các ngày lễ lớn của đất nước và ở địa phương. Các Binh chủng, lực lượng dân quân được biên chế đầy đủ về quân số và đảm bảo chất lượng. Công tác huấn luyện đã tham mưu UBND thị trấn điều động lực lượng tham gia huấn luyện đảm bảo quân số, đúng nội dung chương trình đề ra, kết quả huấn luyện qua hàng năm đều đạt kết quả khá và giỏi. Tham mưu cho Hội đồng NVQS thị trấn Kiến Giang tổ chức rút kinh nghiệm về công tác tuyển quân năm 2022; chỉ đạo các ban ngành liên quan tổ chức đăng ký cho các nam công dân trong độ tuổi 17 có 42 thanh niên tham gia. Tham gia hội thao trung đội dân quân cơ động tại huyện bảo đảm đúng kế hoạch.

2. Công tác an ninh trật tự

Công tác về an ninh chính trị, an ninh trật tự, an toàn giao thông trong 06 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn thị trấn cơ bản ổn định, không có vụ việc nào nghiêm trọng xảy ra; tham gia nghĩa vụ công an nhân dân năm 2022 có 02 công dân. Tổng số vụ việc xảy ra trên địa bàn có 09 vụ, trong đó: va chạm giao thông 03 vụ (hậu quả 02 người chết, 06 người bị thương, người ngoài địa bàn) đánh bạc 01 vụ/03 đối tượng, công an thị trấn Kiến Giang đã lập hồ sơ và xử lý theo quy định; cố ý gây thương tích 03 vụ/03 đối tượng, công an thị trấn đã bàn giao hồ sơ cho công an huyện thụ lý theo thẩm quyền, trộm cắp 02 vụ/02 đối tượng chuyển cho đội hình sự công huyện thụ lý. Về tình hình công tác tuần tra, kiểm soát về trật tự an toàn giao thông trên địa bàn với tổng số 97 lượt tuần tra, kiểm soát và có 218 lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia. Trong thời gian qua, công tác quản lý hành chính đã thực hiện việc giao dịch hành chính tại công an thị trấn Kiến Giang như đăng ký tạm trú, thường trú, tạm vắng cho người dân đảm bảo đúng quy định¹³. Công an thị trấn đã tham mưu cho UBND thị trấn ban hành các văn bản chỉ đạo, phối với các ban ngành đoàn thể, TDP tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, phòng ngừa, đấu tranh các hành vi vi phạm pháp luật.

Tham mưu UBND thị trấn ban hành kế hoạch triển khai thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2025, ra quyết định thành lập tổ Đề án 06 của UBND TT và 03 tổ công tác triển khai thực hiện Đề án 06 tại 03 tổ dân phố. Công tác quản lý hành chính, dịch vụ công và thực hiện kế hoạch triển khai dịch vụ công trên lĩnh vực cư trú, hướng dẫn 100% cơ sở lưu trú trên địa bàn khai báo lưu trú qua cổng dịch vụ công từ 01/03/2022; tập trung triển khai kế hoạch tổng rà soát dữ liệu dân cư.

2.1.3.2. Điều kiện về cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm, cầu tại thị trấn Kiến Giang đã được xây dựng khá hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu thực hiện dự án, cụ thể:

a. Hệ thống giao thông

- Khu vực có hệ thống giao thông thuận lợi có các tuyến đường chính của thị trấn Kiến Giang đi qua (Quốc lộ 0C, đường quy hoạch 27m,...) nối liền với các đầu mối quan trọng trong khu vực. Hệ thống đường chính, đường nhánh trong khu vực đã được bê tông và nhựa hóa, đáp ứng vận tải với tải trọng >10 tấn nên quá trình thi công và hoạt động của Dự án tương đối thuận lợi.

- Dự án nằm phía Nam đường Nguyễn Trãi có nền đường bê tông, bề mặt đường hiện trạng rộng khoảng 27m nối với Quốc lộ 9C nên thuận tiện cho quá trình thi công Dự

án.

b. Thoát nước

+ Nước mưa: Hiện tại khu vực dự án chưa có hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước mặt chủ yếu thoát theo địa hình về các vùng trũng thấp, các tuyến mương nhánh theo hiện trạng địa hình về kênh cầu hói thoát về sông Kiên Giang.

+ Nước thải: Khu vực thực hiện dự án chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

c. Vệ sinh môi trường: Hiện nay, việc quản lý và thu gom rác thải trên địa bàn do đội thu gom thị trấn Kiên Giang đảm nhiệm với tỷ lệ thu gom cao.

d. Cấp điện: Hiện tại khu vực dọc Quốc lộ 9C đã có hệ thống cấp điện sinh hoạt 22/0,4KV được cấp từ các trạm biến áp tại các khu vực lấy nguồn trạm 110kV Thị trấn Kiên Giang.

e. Cấp nước: Dọc Quốc lộ 9C hiện đã có tuyến ống cấp nước chung của thị trấn Kiên Giang.

f. Thông tin liên lạc: Khu vực quy hoạch đã được phủ sóng và sử dụng dịch vụ của các mạng Vina Phone, Mobile phone, Viettel. Nhiều dịch vụ viễn thông di động và mạng cố định được cung cấp và hỗ trợ. Mật độ phủ sóng dịch vụ viễn thông đạt 100%.

2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án

2.2.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

a. Dữ liệu về hiện trạng môi trường

Hiện tại trong khu vực dự án chưa có thống kê, dữ liệu nào về hiện trạng môi trường không khí, nước... Theo thực tế thì trong khu vực dự án và các vị trí tiếp giáp chủ yếu là ruộng lúa nên hiện trạng môi trường không bị tác động nhiều.

b. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật: Theo như điều tra khảo sát thực tế của đơn vị tư vấn thì hiện trên khu vực dự án chủ yếu là:

- Động vật: Động vật trên cạn chủ yếu là các loài chim nhỏ như chim sẻ, chim sâu, gà, vịt, chó, lợn... và các loài bò sát da trơn như tắc kè, thằn lằn, rắn.

- Thực vật: Hầu hết là đất canh tác lúa nước nên thực vật ở đây chủ yếu là lúa, cây bụi thấp và một số cây gỗ nhỏ, mọc thưa, thảm cỏ.

Nhìn chung, khu vực thực hiện dự án không có các loài quý hiếm nằm trong danh mục cần được bảo vệ.

2.2.2. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí

Để đánh giá chất lượng môi trường nền khu vực thực hiện Dự án làm cơ sở cho việc đánh giá tác động sau này khi dự án đi vào thi công, hoạt động, Chủ dự án đã phối hợp với Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng tiến hành lấy mẫu, phân tích đánh giá và đo tại hiện trường một số chỉ tiêu chất lượng môi trường không khí. Các vị trí lấy mẫu được mô tả ở hình sau:

*** Không khí**

+ K1: Mẫu không khí tại trung tâm khu vực dự án;

+ K2: Mẫu không khí tại tuyến đường Nguyễn Trãi phía Bắc khu vực dự án.

*** Nước mặt**

+ NM: Mẫu nước tại mương nước gần khu vực dự án;

a. Hiện trạng môi trường không khí

Chất lượng môi trường không khí xung quanh: Nguồn phát sinh ô nhiễm chủ yếu do phát tán khí thải, bụi của các phương tiện tham gia giao thông. Kết quả phân tích một số chỉ tiêu chất lượng môi trường không khí khu vực Dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 2.10. Chất lượng môi trường không khí, độ ồn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 05:2023/BTNMT
			K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	33,3	33,0	-
2	Độ ẩm	%	58	60	
3	Tốc độ gió	m/s	1,6	1,8	-
4	Hàm lượng bụi	mg/m ³	0,129	0,132	0,3
5	SO ₂ ^(*)	mg/m ³	0,065	0,064	0,35
6	NO ₂	mg/m ³	0,061	0,057	0,2
7	CO ^(*)	mg/m ³	3,37	3,44	30
8	Độ ồn	dBA	62,3	63,1	70⁽¹⁾

(Nguồn: Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng)

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ K1: Mẫu không khí tại trung tâm khu vực dự án;

+ K2: Mẫu không khí tại tuyến đường Nguyễn Trãi phía Bắc khu vực dự án.

Dấu "-": Không quy định;

- Quy chuẩn so sánh

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Hiện trạng chất lượng môi trường nước mặt

Kết quả phân tích một số chỉ tiêu chất lượng môi trường nước mặt khu vực Dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 2.13. Chất lượng môi trường nước mặt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT Mức B
			NM	
1	pH	-	7,21	5,5-9
2	DO	mg/l	4,83	≥ 4
3	TSS ^(*)	mg/l	23	50
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	11,3	15
5	COD	mg/l	23,2	30

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT
			NM	Mức B
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	0,11	0,9
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	0,48	10
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	0,13	0,3
9	Nitrit (tính theo N)	mg/l	0,014	0,05
10	Coliform ^(*)	MPN/ 100ml	2.600	7.500

(Nguồn: Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng)

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NM: Mẫu nước tại mương nước gần khu vực dự án;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (Mức B).

2.2.3. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Quá trình khảo sát, điều tra hiện trạng hệ sinh thái tự nhiên khu vực dự án cho thấy hệ sinh thái nằm trên vùng canh tác nông nghiệp có địa hình bằng phẳng, chỉ có các ruộng lúa, mương nước, do đó hệ sinh thái đặc trưng bởi các loại cây trồng, vật nuôi... sản xuất nông nghiệp lúa nước.

- **Về thực vật:** thảm thực vật khu vực này chủ yếu là lúa, cây bụi thấp và một số thân mềm, mọc thưa, cỏ.

- **Về động vật trên cạn:** khu vực thực hiện dự án và vùng lân cận xung quanh không có động vật quý hiếm, chủ yếu là động vật nuôi của người dân như bò, heo, gà,... và một số động vật nội đồng tự nhiên như rắn, chuột, ếch, nhái, bò sát, côn trùng, chim...

- **Về động vật dưới nước:** hệ sinh thái dưới nước khu vực này chủ yếu các loài cá đồng, tôm nhỏ xuất hiện tại các mương dẫn nước tưới tiêu, đồng ruộng.

Số lượng và chủng loại các loài động thực vật trong khu vực không có các loài động vật quý hiếm nằm trong danh mục cần được bảo vệ.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

* Các đối tượng bị tác động bởi dự án:

- Dân cư: Khu dân cư tiếp giáp phía Tây dự án trên tuyến đường Nguyễn Trãi và cộng đồng dân cư trên các tuyến đường vận chuyển, đặc biệt trên đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C.

- Các tuyến đường vận chuyển: Dự án nằm cạnh tuyến đường Nguyễn Trãi bề rộng 27m đã hoàn thiện mặt bê tông dẫn ra tuyến đường Quốc lộ 9C. Đây là tuyến đường chịu tác động trong quá trình vận chuyển nguyên liệu xây dựng khi có lưu lượng xe cộ tập trung về dự án tăng cao, tải trọng 7 – 10 tấn trong quá trình thi công xây dựng.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải của Dự án sau xử lý được thải ra kênh Mai

An phía Đông dự án. Tuyến mương này dẫn nước về sông Kiên Giang cách vị trí xả thải khoảng 500m.

Tuy nhiên với quy mô của dự án, mức độ tác động lên các đối tượng tương đối nhỏ và chỉ chịu ảnh hưởng chủ yếu trong giai đoạn thi công dự án.

* *Yếu tố nhạy cảm:* Dự án thực hiện trên tổng diện tích 3.162,4m² là đất chuyên trồng lúa nước vì vậy cần thực hiện các phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái sản xuất,....

2.4. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện Dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội của khu vực

Thị trấn Kiên Giang vẫn là địa phương thuần nông, nhưng với lợi thế nằm ở vùng trung tâm của huyện Lê Thủy, những năm trở lại đây, người dân thị trấn Kiên Giang đã biết tận dụng lợi thế này để tập trung đẩy mạnh phát triển các ngành nghề du lịch, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp... nhằm ổn định cuộc sống, thoát nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng. Đây cũng là mũi nhọn mà chính quyền thị trấn Kiên Giang đã xác định, lựa chọn để đưa vào nghị quyết nhằm tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế – xã hội những năm vừa qua.

Trong những năm gần đây, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện Lê Thủy nói chung và thị trấn Kiên Giang nói riêng có những chuyển biến mạnh mẽ, mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tăng lên đáng kể.

Nhờ hoạt động thương mại, dịch vụ, các ngành dịch vụ trên địa bàn thị trấn Kiên Giang được mở rộng và phát triển nên cơ cấu kinh tế của xã nhà đã từng bước chuyển biến, đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh dịch vụ tổng hợp và phục vụ đời sống nhân dân.

Nhận thấy tiềm năng phát triển của thị trấn Kiên Giang nói chung và vị trí thuận lợi của khu vực, Công ty chúng tôi quyết định đầu tư xây dựng Dự án Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh của Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ tổng hợp Hưng Thịnh.

Vị trí thực hiện dự án nằm ngay trung tâm của thị trấn Kiên Giang gần hai tuyến đường huyết mạch của thị trấn là đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C. Dự án nằm trong quy hoạch khu dân cư phía Tây Nam đường Lý Thường Kiệt và quy hoạch đô thị Kiên Giang mở rộng. Hiện nay khu vực hiện trạng vẫn là ruộng lúa, xung quanh chưa có các quán café quy mô tương tự vì vậy đây sẽ là dự án phục vụ nhu cầu của người dân thị trấn và đón đầu khi các khu dân cư, đô thị, hạ tầng, trung tâm thể dục thể thao,... được triển khai thực hiện trong những năm tới. Với hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện, đồng bộ trong tương lai đáp ứng lượng lớn phương tiện giao thông tập trung về đây và góp phần tạo điểm nhấn cho khu vực phía Nam thị trấn.

Vì vậy, việc lựa chọn địa điểm thực hiện dự án của Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ tổng hợp Hưng Thịnh là hết sức phù hợp, nhằm tạo cơ sở, điếm đến phục vụ cho nhu cầu của người dân, du khách khi đến thăm vùng đất địa linh nhân kiệt, góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội, du lịch của thị trấn Kiên Giang nói riêng và huyện Lê Thủy nói chung. Tạo cơ hội phát triển nhanh và toàn diện hơn, tạo đà tiếp tục đầu tư mạnh mẽ hơn nữa nhằm phát huy những yếu tố tiềm năng, phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn Kiên Giang mở rộng, xứng tầm thị xã trực thuộc tỉnh Quảng Bình trong những năm tới.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai dự án

3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn chuyển đổi mục đích sử dụng đất

a. Tác động đến kinh tế - xã hội do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đền bù GPMB

Khu đất được giao để lập dự án có nguồn gốc chủ yếu là đất trồng lúa. Hiện trạng khu vực lập dự án là ruộng lúa đã thu hoạch với thảm thực vật chủ yếu như: bụi cây nhỏ, cỏ dại,... và trong khu vực lập dự án chưa có các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Chủ dự án đang thực hiện thống kê, lên phương án đền bù GPMB với các chủ sở hữu đất và tài sản trên đất. Tất cả các hộ dân bị ảnh hưởng đều đã có nhà ở ổn định ở các khu vực khác, tuy nhiên hoạt động sản xuất nông nghiệp trên khu đất Dự án cũng là một trong các nguồn thu nhập chính của các hộ này nên việc thu hồi đất rất có thể ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân. Cho nên hoạt động đền bù nếu không thực hiện tốt và không có kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho các hộ dân thì có thể gây ra các mâu thuẫn xã hội không đáng có.

Việc tổ chức bồi thường GPMB phải được tính toán và phối hợp thực hiện một cách đồng bộ, nghiêm túc, khoa học giữa các cấp, các ngành và chính quyền địa phương để hạn chế những tác động xấu có thể xảy ra khi triển khai thực hiện dự án.

b. Tác động về mục đích sử dụng đất

Khi dự án triển khai sẽ sử dụng 3.162,4 m² đất trồng lúa hình thành Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh do đó làm thay đổi hoàn toàn mục đích sử dụng đất của khu vực. Đất dự kiến thu hồi phục vụ cho dự án chủ yếu có giá trị kinh tế không lớn và thường bị rủi ro trong quá trình sản xuất do mưa bão, lũ lụt. Theo khảo sát, ruộng lúa khu vực làm 1 mùa chính và 1 mùa thu hoạch lúa tái sinh vì thường xuyên bị chuột đồng phá hoại, năng suất vụ hè thu thấp.

Dự án hình thành và đi vào hoạt động sẽ là điểm nhấn cho thị trấn, phù hợp với quy hoạch chi tiết của thị trấn Kiến Giang đã được phê duyệt, đáp ứng nhu cầu của địa phương, của huyện và có ý nghĩa rất quan trọng đối với kinh tế - xã hội của khu vực. Góp phần đưa thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy trở thành một đô thị tâm vóc hơn trong tương lai theo định hướng chung của huyện và tỉnh Quảng Bình.

3.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình giải phóng mặt bằng

- Tổ chức các cuộc họp phổ biến, tham vấn ý kiến cộng đồng về dự án, nhằm nâng cao sự hiểu biết của người dân về dự án, về sự cần thiết, những lợi ích của dự án, về tính hợp lý của việc bồi thường giải phóng mặt bằng,....

- Công tác bồi thường GPMB được thực hiện theo các quy định của UBND tỉnh Quảng Bình và các quy định của nhà nước tại thời điểm áp giá bồi thường.

- Chính sách cụ thể về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ của dự án trên cơ sở xác định, tính toán giá trị đất và tài sản trên đất theo khung giá quy định hiện hành của nhà nước tại thời điểm định giá bồi thường.

- Thông báo công khai phương án bồi thường để người dân biết trước khi tiến hành công tác bồi thường và niêm yết danh sách về số người và kinh phí bồi thường tại trụ sở UBND thị trấn.

Chỉ khi nào công tác thu hồi và bồi thường được tiến hành xong và có biên bản ký nhận giữa chủ đầu tư, người được bồi thường và chính quyền địa phương đồng thời hoàn thành các thủ tục theo quy định của pháp luật thì chủ đầu tư mới được tiến hành GPMB để thi công các hạng mục dự án.

*** Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng chủ yếu là:**

- Dự án được triển khai trên đất trồng lúa nên Chủ dự án sẽ phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa sang mục đích khác theo đúng quy định của nhà nước.

- Đối với hộ dân hiện hữu (nếu có)

+ Bồi thường hỗ trợ về đất. Người bị thu hồi đất đang sử dụng đất (hợp pháp) vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao lại đất có cùng mục đích sử dụng (nếu có), nếu có sự chênh lệch về diện tích hoặc giá trị thì người bị thu hồi đất được bồi thường thêm bằng tiền. Nếu không có đất để bồi thường, thì được bồi thường bằng tiền theo giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

+ Hỗ trợ đất công ích của xã.

+ Bồi thường tài sản trên đất.

+ Hỗ trợ ổn định đời sống cho trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp.

+ Hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp.

- Đối với thực vật, cây cối: Đối với cây trồng, mức bồi thường được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây (bao gồm toàn bộ chi phí đầu tư ban đầu và chi phí chăm sóc đến thời điểm thu hồi đất trừ đi giá trị đã thu hồi (nếu có)).

- Đối với các đối tượng khác (nếu có): Thực hiện đền bù giải pháp đền bù, di dời theo đúng quy định của pháp luật và sự đồng thuận của các bên liên quan. Chỉ khi nào công tác thu hồi và bồi thường được tiến hành xong và có biên bản ký nhận giữa chủ đầu tư, người được bồi thường và chính quyền địa phương đồng thời hoàn thành các thủ tục theo quy định của pháp luật thì chủ đầu tư mới được tiến hành GPMB để thi công các hạng mục dự án.

3.2. Đánh giá dự báo tác động trong giai đoạn tiến hành thi công xây dựng

3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động

Hoạt động thi công dự án sẽ làm phát sinh bụi, khí thải và các chất thải ra môi trường xung quanh, gây ảnh hưởng đến các yếu tố môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của khu vực (đây là giai đoạn gây tác động tiêu cực nhất trong cả quá trình thực hiện dự án). Các tác động này mang tính chất liên tục và kéo dài trong suốt thời gian thi công. Các nguồn gây tác động trong giai đoạn này được tóm tắt và trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.1. Tóm tắt các nguồn gây tác động trong giai đoạn thi công

TT	Hoạt động tạo nguồn gây tác động	Nguồn gây tác động
I	Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải	
1	Hoạt động đào móng, bóc đất hữu cơ, san nền	Bụi, khí thải, chất thải rắn, mùi hôi

TT	Hoạt động tạo nguồn gây tác động	Nguồn gây tác động
2	Hoạt động vận chuyển đất, cát vật liệu xây dựng đến công trường	Bụi, khí thải động cơ, chất thải rắn
3	Hoạt động thi công các hạng mục dự án	Bụi, khí thải động cơ, chất thải rắn
4	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	Nước thải, mùi và chất thải rắn sinh hoạt
5	Nước mưa chảy tràn	Chất bẩn từ bề mặt khu vực
II	<i>Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải</i>	
1	Hoạt động thi công xây dựng	Tiếng ồn, độ rung, an toàn lao động trên công trường
2	Hoạt động vận chuyển nguyên liệu	Tiếng ồn, độ rung, gia tăng lưu lượng các phương tiện trên đường, ảnh hưởng đến lưu thông của người dân khu vực và các sự cố mất an toàn giao thông.
3	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	Lây lan dịch bệnh, mâu thuẫn xã hội

A. Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải

3.2.1.1 Nguồn tác động đến môi trường không khí

a. Nguồn phát sinh

Quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến chất lượng môi trường không khí khu vực chủ yếu phát sinh từ các nguồn sau:

- Bụi, khí thải trong quá trình giải phóng mặt bằng;
- Bụi phát sinh trong quá trình đào bóc hữu cơ, san nền;
- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển đất bóc bề mặt, đất cát san nền, nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án;
- Bụi phát sinh trong quá trình thi công các hạng mục dự án;
- Khí thải phát sinh của thiết bị, máy móc phục vụ thi công dự án;
- Khí thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

b. Dự báo tải lượng và mức độ tác động

* Đối với bụi phát sinh trong quá trình san lấp mặt bằng

Khu vực dự án có hiện trạng chủ yếu là ruộng lúa. Do đó, trước khi thi công các hạng mục dự án, sẽ tiến hành bóc nền đất hữu cơ và thực vật hiện hữu trên toàn bộ dự án. Với đặc điểm lớp đất này có độ ẩm cao nên hoạt động đào nền đất hữu cơ hầu như không gây bụi. Hoạt động gây bụi lớn nhất tại công trình phát sinh từ quá trình san lấp với khối lượng đất, cát lớn.

Theo hồ sơ thiết kế dự án, ước tính tổng khối lượng đất hữu cơ bóc bỏ và đất, cát đắp nền được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3.2. Bảng khối lượng bóc hữu cơ san nền

TT	Hạng mục	Khối lượng (m ³)	Khối lượng (tấn)
----	----------	------------------------------	------------------

1	Khối lượng bóc hữu cơ	310,8	435,12
2	Khối lượng cát đắp	2.839,95	3.975,93
3	Khối Lượng đất đắp	466,20	652,68
I	Tổng	2.616.95	5.063,73

Nguồn: Hồ sơ thiết kế cơ sở Dự án

Ghi chú: $1m^3$ đất cát $\approx 1,4$ tấn;

Vậy tổng khối lượng đào, đắp trong quá trình san nền, làm đường của dự án khoảng $2.616.95 m^3 \approx 5.063,73$ tấn (trong đó có khoảng 435,12 tấn khối lượng đất hữu cơ dự báo có độ ẩm lớn nên khả năng phát sinh bụi không đáng kể). Thời gian thi công hạng mục san nền ước tính khoảng 60 ngày.

* *Tính nồng độ bụi phát sinh*

Theo tài liệu “*Environment assessment sourcebook, volume II, sectorial guidelines, environment, Word Bank, Washington D.C, 8/1991*”, hệ số ô nhiễm được tính theo công thức sau:

$$E = k \times 0,0016 \times (U/2,2)^{1,4} / (M/2)^{1,3}$$

Trong đó:

- + E: Hệ số ô nhiễm (kg bụi/tấn đất);
- + k: Cấu trúc hạt, có giá trị trung bình 0,35;
- + U: Tốc độ gió lớn nhất, $U = 2,5$ m/s;
- + M : Độ ẩm trung bình của vật liệu, $M = 20\%$;

Tính toán có được hệ số ô nhiễm bụi: $E = 0,013$ kg/tấn.

Tổng khối lượng đất san ủi để tạo mặt bằng dự án là **4.628,61** tấn.

Thời gian san nền dự kiến là 60 ngày, mỗi ngày làm việc 8 giờ.

=> Khối lượng đất san nền trung bình là: 77,14 tấn/ngày.

=> Lượng bụi phát sinh từ quá trình san nền là:

$$M_{\text{bụi}} = 77,14 \text{ tấn/ngày} \times 0,013 \text{ kg/tấn} = 1 \text{ kg/ngày} \approx 0,035 \text{ g/s} \approx 35 \text{ mg/s}$$

Bụi sinh ra trong quá trình đào đắp, san ủi phát tán trên diện tích rộng nên có thể áp dụng mô hình khuếch tán nguồn mặt để tính toán nồng độ bụi. Khối không khí tại khu vực san lấp được hình dung như một hình hộp với các kích thước chiều dài L (m), chiều rộng W (m) và chiều cao H (m), một cạnh đáy của hình hộp không khí song song với hướng gió. Giả sử luồng gió thổi vào hộp là không ô nhiễm và không khí tại công trường vào thời điểm chưa thi công là sạch thì nồng độ bụi phát sinh trung bình trong 01 giờ được tính theo công thức:

$$C = \frac{E_s \cdot L}{u \cdot H} (1 - e^{-ut/L})$$

Trong đó:

- + C : Nồng độ bụi phát sinh trung bình trong 1 giờ (mg/m^3);
- + Es: Lượng phát thải ô nhiễm tính trên đơn vị diện tích;

$$E_s = M_{\text{bụi}} / (L \times W) \quad (\text{mg}/\text{m}^2 \cdot \text{s})$$

+ $M_{\text{bụi}}$ - tải lượng bụi (mg/s); $M_{\text{bụi}} = 35 \text{ mg/s}$.

+ U : Tốc độ gió lớn nhất thổi vuông góc với một cạnh của hộp không khí (m/s), lấy $u = 2,5 \text{ m/s}$;

+ H : Chiều cao xáo trộn (m), lấy $H = 5 \text{ m}$;

+ L, W : Chiều dài và chiều rộng của hộp khí (m).

(Nguồn: Trần Ngọc Chân, 2001, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, tập 3, NXB KH&KT, Hà Nội).

Kết quả tính toán nồng độ bụi phát tán theo chiều dài (L) và chiều rộng (W) của hộp không khí được trình bày trong bảng sau:

Nồng độ bụi phát tán trong không khí do hoạt động đào, đắp đất			
L (m)	W (m)	Nồng độ C (mg/m ³)	QCVN 05:2013/BTNMT
1	1	2.570	0,3
2	2	0.999	
4	4	0.325	
7	7	0.120	
14	14	0.033	
27	27	0.009	
33	33	0.006	
87	87	0.001	
100	100	0.001	

Ghi chú: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật QG về chất lượng không khí xung quanh

Theo kết quả đã tính toán với giả thiết ở trên, trong phạm vi 100m nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,001 – 2,57 mg/m³. Nồng độ tại điểm đào, đắp trong vòng 1m phát sinh bụi với nồng độ lớn, từ phạm vi 4m trở đi nồng độ bụi nhỏ hơn 0,3 mg/m³. So sánh với QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (quy định nồng độ bụi lơ lửng cho phép trung bình giờ là $\leq 0,3 \text{ mg}/\text{m}^3$) cho thấy bụi phát sinh trong khu vực có hoạt động đào đắp và gần đó theo hướng gió thì nồng độ sẽ vượt nồng độ cho phép của quy chuẩn nhiều lần nhưng với đặc tính bụi có kích thước lớn, dễ lắng đọng nên ngoài phạm vi 4 m thì nồng độ bụi nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép.

Ngoài tính toán liên quan đến khối lượng và diện tích thi công như trên, nồng độ bụi còn phụ thuộc vào biện pháp thi công, thời gian thi công, tính chất của đất và đặc điểm thời tiết cụ thể tại từng thời điểm. Nhìn chung, nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san lấp nền sẽ gây ảnh hưởng xấu tới môi trường không khí. Tuy nhiên, các hạng mục công trình thường thi công vào những giai đoạn khác nhau và thường không phải tập trung ở một nơi mà phân tán trên mặt bằng dự án, do đó nồng độ thực tế sẽ thấp hơn so với tính toán lý thuyết. Nồng độ bụi cao tập trung chủ yếu ở khu vực có hoạt động xây dựng, đào đắp, san gạt. Việc phát sinh bụi này chỉ diễn ra trong thời gian thi công và sẽ kết thúc khi quá trình XD/CB hoàn tất.

Đối tượng chịu tác động chính trong giai đoạn san nền chủ yếu là công nhân làm việc tại công trường, người dân đi lại tuyến đường Nguyễn Trãi. Các khu dân cư hiện

ngày đều cách xa trên 250m nên tác động của bụi hầu như không có tác động.

*** Bụi, khí thải phát sinh trên các tuyến đường vận chuyển**

Trong quá trình xây dựng, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu như đất, đá, sắt, thép, xi măng,... đến công trường sẽ làm phát sinh bụi, khí thải trên các tuyến đường vận chuyển. Nồng độ chất thải phát sinh trên các tuyến đường vận chuyển sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như khối lượng nguyên vật liệu, loại phương tiện, cự ly vận chuyển, mật độ, tốc độ phương tiện lưu thông, chất lượng nền đường, thời tiết,...

Theo các nội dung trình bày tại chương 1, khối lượng vật liệu xây dựng cần vận chuyển vào dự án khoảng 8.579,1 tấn với khối lượng đất đá lớn, chủ yếu đi trên tuyến đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C, thời gian thi công dự án khoảng 360 ngày, phương tiện vận chuyển chủ yếu sử dụng các loại xe vận tải < 10 tấn. Nồng độ chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận chuyển được dự báo như sau:

• Bụi phát sinh trên các tuyến đường vận chuyển

Theo Air Chief, Cục Môi trường Mỹ - 1995, hệ số phát thải bụi trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu được tính theo công thức sau:

$$E_2 = 1,7 \times k \times \frac{s}{12} \times \frac{S}{48} \times \left(\frac{W}{2,7}\right)^{0,7} \times \left(\frac{w}{4}\right)^{0,5} [(365-p)/365]$$

Trong đó:

- + E₂: Hệ số phát thải bụi (kg/km.xe)
- + k: Hệ số liên quan kích thước bụi (chọn k = 0,3 cho bụi có kích thước 5 - 10µm)
- + s: Hệ số liên quan đến mặt đường (chọn hệ số trung bình s = 1,6).
- + S: Tốc độ trung bình của xe (chọn S = 40 km/h)
- + W: Tải trọng xe (chọn W = 10 tấn)
- + w: Số bánh xe (chọn w = 6 bánh)
- + p: Theo tài liệu khí tượng thủy văn Quảng Bình thì số ngày mưa trung bình năm ở khu vực là 124 ngày, chọn p = 124.

Kết quả tính toán được hệ số phát thải bụi do xe vận chuyển nguyên vật liệu là E₂ = 0,09 kg/km.xe.

• Khối lượng vận chuyển

- Ước tính tổng khối lượng vật liệu phục vụ thi công các hạng mục dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3.5. Ước tính tổng hợp khối lượng thi công các hạng mục của dự án

TT	Chủng loại	Khối lượng	Khối lượng (tấn)	Chiều dài vận chuyển (km)	Xe sử dụng vận chuyển	Tổng chiều dài vận chuyển (km)
1	Cát đắp K90	466,2m ³	652.7	12	10	783.2
2	Đất đắp K98	2839,95m ³	3975.9	12		4771.1
3	Cát xây	1.200m ³	1680.0	7		1176.0

4	Đá các loại	410m ³	656.0	15		984.0
5	Xi măng		175.0	5		87.5
6	Sắt thép		30	5		15
7	Gạch, ngói	475.000 viên	997.5	5		498.8
8	Ống nhựa HDPE	500m	0.5	5		0.3
9	Hồ ga các loại	3	3.0	5		1.5
10	Các vật tư khác + hệ số phát sinh	5% VLXD	408.5	5		953.5
Tổng			8579.1			8521.6

- Khối lượng bóc hữu cơ được tận dụng phục vụ cho các khu đất cây xanh của dự án nên không có quá trình vận chuyển.

• Ước tính số chuyến xe và tải lượng bụi phát sinh trên tuyến đường vận chuyển như sau:

Khối lượng (tấn)	Số chuyến xe (chuyến)	Hệ số ô nhiễm (kg/km/lượt xe)	Tải lượng (kg/km)
8579.1	858	0,09	154,44

Ước tính thời gian vận chuyển nguyên vật liệu 180 ngày và vận tốc vận chuyển của xe là 40km/h, sử dụng xe ≤ 10 tấn.

Tải lượng bụi từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng như sau:

$$E_1 = 154,4 * 10^6 / (10^3 * (180 * 8 * 60 * 60)) = 0,029 \text{ mg/m.s}$$

Để đánh giá bụi trong giai đoạn vận chuyển đất ta áp dụng mô hình tính toán Sutton – xác định nồng độ chất ô nhiễm tại một điểm bất kỳ. Nồng độ của chất ô nhiễm tính toán theo công thức như sau:

$$C = \frac{0.8E_1 \left\{ \exp \left[\frac{-(z+h)^2}{2\delta_z^2} \right] + \exp \left[\frac{-(z-h)^2}{2\delta_z^2} \right] \right\}}{\delta_z u}$$

Trong đó:

+ C: nồng độ bụi trong không khí (mg/m³).

+ E₁: tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/m.s); (trong trường hợp vận tốc xe trung bình 40 km/h): E₁ = 0,029 mg/m.s;

+ z: độ cao của điểm tính toán: 1 (m).

+ h: độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh: 0,5 (m).

+ u: Tốc độ gió trung bình tại khu vực 2,5 (m/s).

+ x: tọa độ điểm cần tính (m).

Kết quả tính toán được thể hiện ở Bảng dưới đây:

Bảng 3.6: Nồng độ bụi trong không khí

Độ cao	E (mg/m.s)	Nồng độ bụi ở khoảng cách x (mg/m ³)							
		1	2	3	5	10	30	50	100
δ_z		0.53	0.87	1.18	1.71	2.84	6.34	9.21	15.3
1	0,029	0.0115	0.0115	0.0107	0.0089	0.0061	0.0029	0.0020	0.0012
2		0.0003	0.0026	0.0043	0.0056	0.0051	0.0028	0.0020	0.0012

Qua bảng tính ở trên ta thấy, dự báo nồng độ bụi tại các điểm cách phương tiện vận tải theo phương ngang trên tuyến đường vận chuyển nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (nồng độ bụi cho phép là $\leq 0,3\text{mg/m}^3$). Tuy nhiên, tại độ cao 1m, theo phương ngang trong phạm vi 5m, nồng độ bụi cuốn phát sinh khá cao ($0,01 - 0,008\text{mg/m}^3$) vì vậy nếu không có các biện pháp giảm thiểu trong quá trình vận chuyển, hàm lượng bụi, đất, cát rơi khắp bề mặt tuyến đường càng ngày càng lớn dẫn đến hệ số phát sinh bụi do cuốn theo bánh xe sẽ tăng lên và nồng độ bụi sẽ vượt mức quy chuẩn cho phép. Nên đặc biệt cần có các biện pháp vệ sinh, che chắn, phun ẩm để giảm thiểu tác động này đến dân cư khu vực và môi trường xung quanh các tuyến đường vận chuyển.

Đối tượng chịu tác động chính là công nhân thi công, người tham gia giao thông và cộng đồng dân cư, công trình trụ sở hai bên tuyến đường vận chuyển.

• Bụi do gió cuốn hay rung động tác động lên nguyên vật liệu vận chuyển ở thùng xe và đất, cát dính bám bánh xe

Với khối lượng đất đắp, cát để san nền và thi công xây dựng các hạng mục của dự án lớn nên số lượng xe vận chuyển ra vào khu vực dự án nhiều. Đặc điểm đất, cát san đắp thường dễ rơi vãi do rung lắc và bám dính vào lốp xe vào lúc thời tiết khu vực có mưa.

Trong quá trình thi công dự án, xe vận chuyển ra, vào công trình mang theo một lượng bùn đất bám theo bánh xe và lượng đất cát rơi từ thùng xe rải dọc tuyến đường từ khu vực dự án ra đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C sau đó đi đến các tuyến đường khác trong khu vực.

Vào mùa khô, lớp đất bề mặt cuốn theo bánh xe làm phát sinh bụi gây cảm giác khó chịu, ảnh hưởng đến tầm nhìn của người tham gia giao thông trên các tuyến đường. Lượng bụi này dễ bị cuốn theo gió, bám trên thực vật, các nhà dân sống dọc tuyến đường gần dự án. Vào mùa mưa lượng đất này dính bám vào mặt đường gây mất vệ sinh môi trường, làm cho đường giao thông trơn trượt gây mất an toàn cho người dân khi lưu thông.

Tải lượng và nồng độ nguồn bụi này phụ thuộc rất nhiều vào tình trạng vệ sinh bánh xe, các biện pháp che chắn thùng xe, tốc độ của các xe vận chuyển và điều kiện thời tiết do đó, nhà thầu cần áp dụng các biện pháp quản lý đối với tài xế, đơn vị vận tải. Nếu thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh, phun ẩm, che phủ thùng xe khi vận chuyển thì nồng độ bụi sẽ được giảm thiểu. Do đó, chủ đầu tư cần phối hợp với đơn vị giám sát yêu cầu nhà thầu thi công đặc biệt quan tâm đến các biện pháp để hạn chế tác động đến môi trường không khí trên các tuyến đường vận chuyển.

• Khí thải động cơ chủ yếu là các khí CO, NO₂, SO₂ và VOC_s phát sinh từ hoạt động của các loại xe tham gia vận chuyển

Khối lượng nguyên vật liệu cần phục vụ cho quá trình thi công xây dựng Dự án sẽ được vận chuyển bằng ô tô với tải trọng từ 5 - 10 tấn, sử dụng nguyên liệu dầu diesel.

Hàm lượng lưu huỳnh (S) trong dầu diesel là 0,05%. Quãng đường vận chuyển đến nơi tiêu thụ ước tính trung bình khoảng 10km. Ước tính tổng quãng đường vận chuyển khoảng 90.822,1 km/thời gian vận chuyển. Thời gian vận chuyển ước tính khoảng 180 ngày/thời gian thi công.

Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập đối với các loại xe vận tải sử dụng dầu diesel có công suất 3,5 - 16,0 tấn, ước tính lượng khí thải sinh ra do hoạt động giao thông phục vụ cho Dự án (với tốc độ vận chuyển trung bình 35 - 40km/h) như sau:

Bảng 3.7. Tải lượng các chất ô nhiễm không khí sinh ra từ hoạt động vận tải phục vụ thi công xây dựng Dự án

Hệ số phát thải bụi đất và khí thải từ hoạt động vận chuyển				
Loại xe (tấn)	Hệ số phát thải (kg/1000km)			
	Bụi khói	SO ₂	NO ₂	CO
3,5 – 16	0,9	4,15S	14,4	2,9
Tải lượng (mg/m.s)				
	0,041	0,009	0,66	0,13

(Nguồn: Đánh giá nguồn ô nhiễm không khí, nước và đất - WHO 1993)

Ghi chú: S: Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu diesel là 0,05%.

Ước tính tương đối tại từng thời điểm nhất định, ở một điểm phát sinh xác định trên tuyến đường vận chuyển, nguồn phát sinh được xem là một nguồn điểm. Khi đó, nồng độ phát tán các khí thải ra môi trường được xác định theo công thức:

$$C(x,0) = 0,8 \times E \left\{ \exp[-(z+h)^2/2\sigma_z^2] + \exp[-(z-h)^2/2\sigma_z^2] \right\} / (\sigma_z \cdot u)$$

Trong đó:

+ C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí gần mặt đất, mg/m³;

+ M: Tải lượng nguồn thải (mg/m/s)

+ x: Khoảng cách của điểm tính so với nguồn thải (km), tính theo chiều gió.

+ u: Tốc độ gió trung bình của khu vực, m/s (chọn u = 2,4m/s).

+ h: Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m) h = 0,5m;

+ σ_z : hệ số khuếch tán theo phương x (m). Đối với nguồn đường giao thông thì hệ số σ_z thường được xác định theo công thức Slade phụ thuộc vào cấp độ ổn định khí quyển. Với độ ổn định khí quyển loại B: $\sigma_z = 0,53 \cdot x^{0,73}$

Bảng 3.8. Nồng độ khí thải ở các khoảng cách khác nhau trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công từ một điểm phát sinh trên tuyến

Đơn vị: mg/m³

Nồng độ bụi khói và khí thải từ hoạt động vận chuyển						
Chất ô nhiễm	Khoảng cách x (m)	Nồng độ (mg/m ³)				QCVN 05:2013/BTNMT
		z = 0,5	z = 1	z = 1,5	z = 2	
Bụi khói	1	0.0289	0.0163	0.0042	0.0005	0,3

	2	0.0229	0.0162	0.0089	0.0037	
	3	0.0189	0.0151	0.0104	0.0061	
	5	0.0141	0.0126	0.0103	0.0079	
	10	0.0090	0.0086	0.0079	0.0072	
SO₂	1	0.0064	0.0036	0.0009	0.0001	0,35
	2	0.0050	0.0050	0.0019	0.0008	
	3	0.0041	0.0041	0.0023	0.0013	
	5	0.0031	0.0031	0.0023	0.0017	
	10	0.0020	0.0020	0.0017	0.0016	
NO₂	1	0.4657	0.2626	0.0675	0.0073	0,2
	2	0.3682	0.2607	0.1427	0.0588	
	3	0.3040	0.2434	0.1675	0.0988	
	5	0.2276	0.2024	0.1664	0.1265	
	10	0.1443	0.1379	0.1279	0.1152	
CO	1	0.0917	0.0517	0.0133	0.0014	30
	2	0.0725	0.0514	0.0281	0.0116	
	3	0.0599	0.0479	0.0330	0.0195	
	5	0.0448	0.0399	0.0328	0.0249	
	10	0.0284	0.0272	0.0252	0.0227	

So sánh kết quả tính toán ở Bảng trên với QCVN 05:2013/BTNMT (ở cột nồng độ trung bình trong 1 giờ) cho thấy, ở độ cao 0,5m theo phương ngang từ nguồn thải, nồng độ NO₂ phát sinh từ phương tiện vận chuyển cao hơn so với giá trị quy định trong quy chuẩn. Đối với các điểm cách phương tiện vận tải từ 5m trở lên thì nồng độ khí thải này sẽ nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT. Các thành phần còn lại nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT.

Ở trên chỉ tính toán trong trường hợp tại một thời điểm nhất định và phương tiện vận chuyển được xem như nguồn thải đứng yên. Nhưng thực tế thì nồng độ chất ô nhiễm sẽ có sự cộng hưởng của dải khí thải từ các phương tiện lưu thông trên tuyến đường. Tuy nhiên, với con số tính toán ở bảng trên thì mức độ ô nhiễm do khí thải phương tiện vận chuyển không lớn, chỉ mang tính chất tức thời, gián đoạn, khí thải nhanh chóng pha loãng trong môi trường do điều kiện thông thoáng nên dự báo sự cộng hưởng sẽ không làm tăng nồng độ và vượt quy chuẩn, nhất là ở vị trí sát lề đường đối với chất ô nhiễm NO₂, Bụi khói.

Đọc hai bên tuyến đường vận chuyển từ các vị trí cung ứng nguyên liệu đến khu vực thi công đi qua nhiều đoạn tập trung nhiều nhà dân, càng về gần khu vực dự án lưu lượng xe vận tải sẽ tăng lên (đặc biệt vào những giờ cao điểm) nên cũng cần phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu để hạn chế tác động từ khí thải nêu trên.

*** Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật dự án (cấp, thoát nước thải, điện chiếu sáng...)**

Trong quá trình xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật dự án sẽ làm phát sinh lượng bụi nhất định. Tải lượng nguồn thải này khó tính toán được, phụ thuộc vào khối lượng các hạng mục cần thi công, thời tiết khu vực,... Bụi chủ yếu phát sinh nhiều tại các vị trí đào hố móng, đào thi công hệ thống cống thu gom nước, tập kết nguyên vật liệu. Khi thời tiết khô hanh và có gió thì tải lượng bụi phát tán càng nhiều. Tuy nhiên, do khối lượng công việc không lớn, khối lượng thi công hạ tầng kỹ thuật theo từng khu vực, thi công theo hình thức cuốn chiếu nên dự báo phạm vi và mức độ ảnh hưởng của nguồn phát sinh này không đáng kể. Chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân lao động tại khu vực thi công.

*** Bụi phát sinh trong quá trình xây dựng các công trình**

• *Bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp móng*

Quá trình xây dựng các công trình sẽ phát sinh bụi lớn nhất là trong công tác đào, đắp móng đặc biệt đối với các công trình có diện tích lớn, hệ thống thoát nước, hàng rào,... Với diện tích các công trình của dự án, khối lượng đất đào trong công tác đào móng ước tính khoảng $500 \text{ m}^3 \approx 700 \text{ tấn}$. Thời gian thi công thực hiện đào móng diễn ra trong khoảng 15 ngày.

** Tính nồng độ bụi phát sinh*

Theo tài liệu “*Environment assessment sourcebook, volume II, sectorial guidelines, environment, Word Bank, Washington D.C, 8/1991*”, hệ số ô nhiễm được tính theo công thức sau:

$$E = k \times 0,0016 \times (U/2,2)^{1,4} / (M/2)^{1,3}$$

Trong đó:

- + E: Hệ số ô nhiễm (kg bụi/tấn đất);
- + k: Cấu trúc hạt, có giá trị trung bình 0,35;
- + U: Tốc độ gió lớn nhất, $U = 2,9 \text{ m/s}$;
- + M : Độ ẩm trung bình của vật liệu, $M = 20\%$;

Tính toán có được hệ số ô nhiễm bụi: $E = 0,016 \text{ kg/tấn}$.

Tổng khối lượng đất đào là 700 tấn.

Thời gian đào dự kiến là 15 ngày, mỗi ngày làm việc 8 giờ.

=> Khối lượng đất san nền trung bình là: 46,6 tấn/ngày.

=> Lượng bụi phát sinh từ quá trình san nền là:

$$M_{\text{bụi}} = 46,6 \text{ tấn/ngày} \times 0,016 \text{ kg/tấn} = 0,74 \text{ kg/ngày} \approx 0,025 \text{ g/s} \approx 25 \text{ mg/s}$$

Bụi sinh ra trong quá trình đào đắp, san ủi phát tán trên diện tích rộng nên có thể áp dụng mô hình khuếch tán nguồn mặt để tính toán nồng độ bụi.

Khối không khí tại khu vực san lấp được hình dung như một hình hộp với các kích thước chiều dài L (m), chiều rộng W (m) và chiều cao H (m), một cạnh đáy của hình hộp không khí song song với hướng gió. Giả sử luồng gió thổi vào hộp là không ô nhiễm và không khí tại công trường vào thời điểm chưa thi công là sạch thì nồng độ bụi phát sinh trung bình trong 01 giờ được tính theo công thức:

$$C = \frac{E_s \cdot L}{u \cdot H} (1 - e^{-ut/L})$$

Trong đó:

+ C : Nồng độ bụi phát sinh trung bình trong 1 giờ (mg/m^3);

+ Es: Lượng phát thải ô nhiễm tính trên đơn vị diện tích:

$$Es = M_{\text{bụi}} / (L \times W) \quad (\text{mg}/\text{m}^2.\text{s})$$

+ $M_{\text{bụi}}$ - tải lượng bụi (mg/s), $M_{\text{bụi}} = 25 \text{ mg}/\text{s}$.

+ U: Tốc độ gió lớn nhất thổi vuông góc với một cạnh của hộp không khí (m/s), lấy $u = 2,9 \text{ m}/\text{s}$;

+ H: Chiều cao xáo trộn (m), lấy $H = 10 \text{ m}$;

+ L, W: Chiều dài và chiều rộng của hộp khí (m).

(Nguồn: Trần Ngọc Chấn, 2001, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, NXB KH&KT, Hà Nội).

Kết quả tính toán nồng độ bụi phát tán theo chiều dài (L) và chiều rộng (W) của hộp không khí được trình bày trong bảng sau:

Nồng độ bụi phát tán trong không khí do hoạt động đào, đắp đất			
L (m)	W (m)	Nồng độ C (mg/m^3)	QCVN 05:2013/BTNMT
1	1	0.918	0,3
2	2	0.357	
3	3	0.188	
6	6	0.057	
14	14	0.012	
50	50	0.001	
75	75	0.000	

Ghi chú: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật QG về chất lượng không khí xung quanh

Theo kết quả đã tính toán ở trên cho thấy, nồng độ bụi phát sinh vào thời điểm trời khô, có gió nhẹ và chưa có biện pháp giảm thiểu thì trong phạm vi <2m sẽ vượt quá phạm vi cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, còn từ 3m trở lên thì nằm trong phạm vi QCVN 05:2013/BTNMT.

Ngoài ra, tải lượng bụi phát sinh từ quá trình đào đất thi công móng phát sinh nhiều hay ít phụ thuộc vào các yếu tố: Phương pháp thi công, điều kiện thời tiết, độ ẩm của đất, tần suất và khối lượng thi công trong ngày,... và việc tuân thủ biện pháp phun ẩm trên bề mặt của đơn vị thi công. Vì vậy, cần phải thực hiện các phương án nhằm giảm thiểu tác động của bụi đến các đối tượng xung quanh.

Đối tượng chịu tác động chính trong giai đoạn thi công các công trình chủ yếu là công nhân làm việc tại công trường và các đối tượng trong phạm vi bán kính 5 m tính từ điểm phát sinh hoạt động đào móng thi công công trình.

*** Khí thải động cơ của phương tiện, máy móc thi công trên công trường**

Hoạt động thi công xây dựng của Dự án sẽ sử dụng khoảng 05 máy đào gầu nghịch,

đây là phương tiện tiêu thụ nhiên liệu nhất với 65 lít dầu diesel/ca. Sự phát tán khí thải của phương tiện này được đánh giá cụ thể, không có tác động cộng hưởng.

Máy đào là phương tiện tiêu thụ nhiên liệu nhất với 65 lít dầu diesel/ca. Theo tài liệu của Tổ chức Y tế Thế giới, Hệ số phát thải (EFi) của thiết bị và máy loại động cơ diesel cố định dựa trên cơ sở lượng nhiên liệu tiêu thụ như sau:

Bảng 3.10. Hệ số phát thải của máy tham gia thi công sử dụng dầu diesel

Đơn vị: kg/lít

TT	Khí thải		TSP	SO ₂	NO _x	CO	VOC _s
	Thiết bị						
1	Máy ủi, máy đào		0,00327	0,00374	0,031	0,0102	0,00228
2	Máy xúc		0,00177	0,00374	0,0343	0,0147	0,00158
3	Xe lu		0,0029	0,00373	0,0485	0,0226	0,0036
4	Cần cẩu		0,00361	0,00373	0,0441	0,0184	0,00404

(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới)

Trên cơ sở khối lượng nhiên liệu tiêu thụ của máy đào và hệ số phát thải ở Bảng 3.10 cho thấy đây là thiết bị làm phát sinh chất ô nhiễm nhiều nhất. Do đó, tải lượng của các khí thải do hoạt động của máy đào sinh ra trong một ca máy có kết quả tính toán ở bảng sau:

Bảng 3.11. Tải lượng khí thải trên khu vực có tập trung thiết bị thi công

Thành phần	TSP	SO ₂	NO _x	CO	VOC _s
Tải lượng kg/ca máy	0,3121	0,2090	2,0150	0,6330	0,1212
Tải lượng g/s	0,0108	0,0073	0,0700	0,0220	0,0042

Nồng độ phát tán các khí thải ra môi trường từ hoạt động của máy đào theo một chiều gió thổi được xác định theo công thức Gauss như sau:

$$C(x,0) = \frac{2.10 M}{\sqrt{2\pi\sigma_z u}} \text{EXP} \left[-\frac{1}{2} \left(\frac{H}{\sigma_z} \right)^2 \right] \quad [mg/m^3]$$

Trong đó:

+ C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí gần mặt đất (mg/m³);

+ M: Tải lượng nguồn thải (g/s);

$$\text{Với } x \leq 1\text{km: } \sigma_z = 0,53.x^{0,73}$$

+ x: Khoảng cách của điểm tính so với nguồn thải (km), tính theo chiều gió;

+ u: Tốc độ gió trung bình của khu vực (m/s), (chọn u=2,4 m/s);

+ h: Độ cao của điểm xả ống khói so với mặt đất xung quanh (m), chọn h=1m.

Thay số vào công thức trên ta có kết quả tính toán nồng độ các chất ô nhiễm ứng với các khoảng cách x được trình bày ở Bảng sau:

Bảng 3.12. Nồng độ các chất ô nhiễm do máy thi công tại khu vực công trường

Đơn vị: mg/m³

Kết quả tính toán nồng độ các chất ô nhiễm từ phương tiện giao thông
--

Khoảng cách x (m)	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/m ³)				
	TSP	SO ₂	NO _x	CO	VOCs
1	0,0281	0,0338	0,2810	0,0925	0,0205
2	0,0232	0,0270	0,2249	0,0740	0,0164
3	0,0189	0,0216	0,1798	0,0592	0,0131
5	0,0139	0,0156	0,1298	0,0427	0,0095
10	0,0079	0,0097	0,0804	0,0265	0,0059
20	0,0055	0,0059	0,0490	0,0161	0,0036
50	0,0029	0,0030	0,0252	0,0083	0,0018
100	0,0012	0,0018	0,0152	0,0050	0,0011
200	0,0009	0,0011	0,0092	0,0030	0,0007
QCVN 05:2013/BTNMT	0,3	0,35	0,2	30	-

So sánh kết quả tính toán ở Bảng trên với QCVN 05:2013/BTNMT (ở cột nồng độ trung bình trong 1 giờ) cho thấy, bắt đầu ở khoảng cách 1m từ nguồn thải, nồng độ các khí thải trong ống khói của máy đào thấp hơn so với giá trị quy định trong quy chuẩn (riêng VOCs không có quy định ở QCVN 05:2013/BTNMT và ở QCVN 06:2009/BTNMT, chỉ có quy định cho từng chất hữu cơ dễ bay hơi riêng ở QCVN 06:2009/BTNMT). Đây là loại máy tiêu tốn nhiều nhiên liệu trong quá trình thi công xây dựng và dễ gây ô nhiễm không khí, tuy nhiên trên toàn phạm vi dự án rộng và chỉ sử dụng khoảng 5 máy đào nên căn cứ tính toán ở trên có thể dự báo nồng độ khí thải trung bình phát sinh từ máy đào trên khu vực dự án cũng như khu vực xung quanh sẽ nhỏ hơn so với quy định của quy chuẩn. Tác động của khí thải đến sức khỏe lao động của công nhân tham gia thi công và tác động tới môi trường là không đáng kể.

*** Bụi phát sinh từ quá trình xây dựng và hoàn thiện các hạng mục: nhà hàng tiệc cưới và giải trí...**

Các hạng mục xây dựng như đổ móng, giằng, dầm, sàn, xây tường bao, cắt uốn cầu kiện sắt, lắp đặt các hệ thống điện, nước, PCCC và quá trình hoàn thiện như lát cát đá Granite, đá hoa, nhất là quá trình xả bột tít gây phát sinh bụi cục bộ và lan tỏa xung quanh tác động trực tiếp đến công nhân và dân cư xung quanh dự án. Bao gồm bụi vô cơ từ các nguyên vật liệu xây dựng xi măng, cát, đá; bụi kim loại. Tải lượng của loại bụi này rất khó xác định và khó kiểm soát nếu không có biện pháp che chắn, giảm thiểu thích hợp.

Các loại bụi này tác động trực tiếp đến công nhân thi công trên công trường, tác động lớn đến môi trường không khí trong khuôn viên dự án và các đối tượng công trình, cây cối trong phạm vi phát thải. Đặc biệt khi xây dựng hay hoàn thiện các tầng càng cao thì bụi theo gió phát tán càng xa tác động đến các khu vực xung quanh đặc biệt là khu dân cư. Tác động này xuyên suốt trong quá trình thi công vì vậy chủ dự án cần có biện pháp phù hợp để giảm thiểu.

*** Khói hàn và nhiệt dư phát sinh từ các quá trình thi công gia nhiệt**

Trong quá trình hàn các kết cấu thép, hàn ván khuôn bằng sắt các loại hoá chất chứa trong que hàn bị cháy và phát sinh khói có chứa các chất độc hại như Fe₂O₃, SiO₂, K₂O, CaO,... tồn tại ở dạng khói bụi, có khả năng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân lao động.

Thành phần bụi khối một số loại que hàn được tổng hợp ở bảng sau:

Loại que hàn	MnO ₂ (%)	SiO ₂ (%)	Fe ₂ O ₃ (%)	Cr ₂ O ₃ (%)
Que hàn baza UONI 13/4S	1,1 – 8,8/4,2	7,03– 7,1/7,06	3,3– 62,2/47,2	0,002-0,02/0,001
Que hàn Austent baza		0,29-0,37/0,33	89,9-96,5/93,1	

(Nguồn: Ngô Lê Thông, công nghệ hàn điện nóng chảy - tập 1)

Bảng sau cho biết nồng độ các chất khí độc trong quá trình hàn điện các vật liệu kim loại. Căn cứ vào khối lượng và chủng loại que hàn sử dụng sẽ dự báo được tải lượng các chất ô nhiễm không khí phát sinh từ công đoạn hàn.

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (mg/que hàn) ứng với đường kính θ			
	3,2 mm	4 mm	5 mm	6 mm
Khói hàn (chứa nhiều chất)	508	706	1100	1578
CO	15	25	35	50
NO _x	20	30	45	70

(Nguồn: Môi trường không khí, Phạm Ngọc Đăng. NXB KH&KT, 2003.).

Với lượng que hàn cần dùng trung bình là 0,3kg/m² sàn và giả thiết sử dụng loại que hàn đường kính trung bình 3,2mm và 25que/kg, tổng diện tích sàn là 5.887m². Tải lượng các chất khí được phát sinh từ công đoạn hàn khi thi công xây dựng các hạ tầng kỹ thuật như sau:

- Khói hàn: 32,5 kg/thời gian thi công.
- CO: 0,95 kg/ thời gian thi công.
- NO_x: 12,86 kg/ thời gian thi công.

Tải lượng khói hàn và nhiệt dư phát sinh từ các quá trình thi công gia nhiệt là không cao, nhất là khi so sánh tải lượng khí CO và NO_x với khí thải phát sinh từ các xe vận tải. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy, lượng bụi kim loại ở mức thấp và mang tính chất gián đoạn nên không gây tác động nghiêm trọng cho môi trường không khí xung quanh. Tuy nhiên nó lại ảnh hưởng trực tiếp đến người thợ hàn. Các bệnh mang lại cho công nhân nếu tiếp xúc với khói hàn nhiều: Viêm phế quản, viêm phổi, hen suyễn, ung thư phổi, các bệnh về mắt, về da.... Nếu không có các phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp, người thợ hàn khi tiếp xúc với các loại khí độc hại có thể bị ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe, thậm chí ở nồng độ cao có thể bị nhiễm độc cấp tính.

* Bụi và hơi dung môi từ quá trình sơn

Trong quá trình sơn bề mặt công trình có phát sinh hơi dung môi như: xylen, toluen, benzen,... có mùi rất đặc trưng. Do tính đặc thù của mùi này rất dễ nhận biết bằng khứu giác dù nồng độ rất nhỏ và thường gây cảm giác khó chịu. Do vậy cần phải có giải pháp kỹ thuật để xử lý các nguồn ô nhiễm này nhằm đảm bảo các quy chuẩn về nguồn thải cũng như tiêu chuẩn cho phép trong môi trường lao động để đảm bảo cho sức khỏe của công nhân.

Bên cạnh đó còn phát sinh bụi sơn và bụi từ quá trình xả bột tít là loại bụi hóa học tổng hợp, còn phải tính đến những hóa chất có trong sản xuất sơn. Trong số các hóa chất

đó, đáng lưu ý là chì và thủy ngân rất độc hại đối với cơ thể. Chì có trong bột chống gỉ, trong bột màu vô cơ làm cho màu sắc tươi hơn (nhất là các màu đỏ, cam, vàng và trắng), có tác động tích cực đến quá trình làm khô mặt sơn. Còn thủy ngân thì có tác dụng bảo quản, chống vi khuẩn và rêu mốc. Đó là những hóa chất có tác dụng quan trọng đối với đặc tính cơ bản của sơn, mà những nhà sản xuất sơn thường hay sử dụng. Nếu hít thở phải nhiều bụi sơn dẫn đến khả năng nhiễm độc có thể xảy ra.

Tuy nhiên, đây không phải là nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng nhưng dự án sẽ có các biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo các cho phép trong môi trường lao động để đảm bảo cho sức khỏe của công nhân.

*** Mùi hôi của chất hữu cơ bốc phong hóa**

• *Mùi hôi*: Khối lượng bốc hữu cơ của dự án khá lớn, nên khả năng sẽ phát sinh mùi khi nạo vét hay gây mùi trong thời gian ban đầu tại vị trí tập kết. Tuy nhiên, đất hữu cơ tại khu vực dự án chủ yếu là đất ruộng không chứa các tạp chất ô nhiễm hay phát sinh khí thải độc hại trong quá trình phân hủy, không gian khu vực thoáng đãng, thời gian diễn ra ngắn cũng như nhà thầu sẽ thực hiện các phương án tháo nước, làm ráo trước khi bốc hữu cơ nên khả năng tác động của mùi hôi gây ra là không đáng kể.

*** Khí thải, mùi hôi phát sinh từ khu nhà vệ sinh, thùng chứa rác, mương thoát nước, hố lắng, mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy chất rắn hữu cơ**

Hoạt động sinh hoạt của công nhân trong thời gian thực hiện thi công sẽ phát sinh một lượng chất thải các loại bao gồm: rác thải, nước thải và chất thải vệ sinh. Nếu lượng chất thải này không được thu gom và xử lý, chất đọng lâu ngày sẽ gây mùi hôi do quá trình phân hủy các chất hữu cơ. Đây là môi trường thích hợp cho sự phát triển của các sinh vật gây bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và vệ sinh môi trường khu vực.

Do đó, nếu khu vực lán trại, khu nhà vệ sinh không được bố trí thích hợp, chất thải vệ sinh, sinh hoạt không được thu gom và xử lý tốt thì ngoài tác động gây mùi hôi ở khu vực lán trại thì còn có khả năng gây tác động đến môi trường không khí xung quanh, mất mỹ quan khu vực, gây cảm giác khó chịu cho công nhân, người dân. Tuy nhiên, dự báo tác động này là không đáng kể.

c. Đánh giá phạm vi, mức độ và đối tượng chịu tác động

*** Phạm vi và đối tượng chịu ảnh hưởng**

- Đối với bụi, khí thải phát sinh trong khu vực thực hiện Dự án sẽ tác động trực tiếp đến công nhân hoạt động trên công trường. Các khu dân cư cách dự án khoảng 250m nên hoạt động xây dựng dự báo ảnh hưởng không đáng kể.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh trên tuyến đường vận chuyển vật liệu: Đối tượng chịu tác động chính là dân cư, các công trình, cơ sở hoạt động kinh doanh dịch vụ trên các tuyến đường như đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C,.... càng về gần dự án mức độ tác động lên các tuyến đường này càng lớn.

*** Mức độ tác động**

+ Tác động đến sức khỏe con người: khi công nhân, người dân tiếp xúc với môi trường không khí bị ô nhiễm bụi có thể mắc các bệnh về đường hô hấp, tuyến lệ,.... Với loại bụi có kích thước lớn, khó xâm nhập sâu vào hệ hô hấp, loại bụi này thường gây tác hại cho da, mắt, gây nhiễm trùng và dị ứng,... mang đến cảm giác đau rất khó chịu cho

con người. Những hạt bụi có kích thước nhỏ (đường kính < 0,3 μ m) có thể dễ dàng đi sâu vào phổi và đặc biệt nguy hiểm khi chúng mang các hydrocarbon mạch vòng có độ độc cao sẽ tích tụ và gây ra một số bệnh nguy hiểm như: khó thở, hen,....

Tổng hợp chung một số tác động của bụi và khí thải phát sinh liên quan đến hoạt động của dự án đến sức khỏe người tiếp xúc như sau:

Bảng 3.14. Tác động của các chất gây ô nhiễm không khí

TT	Thông số	Tác động
1	Bụi	- Kích thích hô hấp, xơ hoá phổi, ung thư phổi - Gây tổn thương da, giác mạc mắt...
2	Khí axit (SO _x , NO _x)	- Gây ảnh hưởng hệ hô hấp, phân tán vào máu.
3	Oxít cacbon (CO)	Giảm khả năng vận chuyển ôxy của máu đến các tổ chức, tế bào do CO kết hợp với Hemoglobin thành cacboxyhemoglobin.
4	Khí cacbonic (CO ₂)	Gây rối loạn hô hấp phổi.
5	Hydrocarbons	Gây nhiễm độc cấp tính: suy nhược, chóng mặt, nhức đầu, rối loạn giác quan có khi gây tử vong.
6	NH ₃	- Gây rối loạn hô hấp - Tiếp xúc lâu với nồng độ cao nguy hiểm đến tính mạng
7	H ₂ S	H ₂ S có mùi trứng thối, là khí gây ngạt vì chúng tước đoạt ôxy rất mạnh; khi hít phải nạn nhân có thể bị các bệnh về phổi vì hệ thống hô hấp bị kích thích mạnh do thiếu ôxy.
8	Mercaptan	Là các hợp chất hữu cơ chứa nhóm sulfhydryl - SH gắn vào nguyên tử cacbon, có mùi hôi đặc trưng tùy theo gốc cacbon. Độc tính của mercaptan là kích ứng với da, niêm mạc (mắt, mũi,...), gây nôn, buồn nôn, đau đầu, rối loạn ý thức,...

Ở quy mô Dự án, bụi phát sinh chủ yếu mang tính chất vật lý có kích thước lớn, dễ lắng đọng, không mang các yếu tố độc hại. Khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động vận tải, máy móc với mức độ phát thải thấp, phân tán trên các tuyến đường do đó các tác động chủ yếu như: gây khó chịu về mắt, đường hô hấp,... và ở mức độ thấp. Thời gian tác động chỉ diễn ra trong quá trình thi công dự án và có thể hạn chế bằng các biện pháp giảm thiểu trong quá trình thực hiện.

Ngoài tác động trực tiếp đến sức khỏe con người, bụi phát sinh trong quá trình thi công dự án còn ảnh hưởng tới đời sống, hoạt động thường ngày, mỹ quan khu vực,... cụ thể như sau:

+ Bụi nếu phát tán đến khu dân cư lân cận, trường học có thể gây các cảm giác khó chịu, bụi bám vào nhà, cây cối làm mất vệ sinh môi trường, mất mỹ quan ảnh hưởng đến chất lượng, thẩm mỹ công trình, đời sống sinh hoạt của khu dân cư, hoạt động của trường học,....

+ Bụi phát sinh trên các tuyến đường làm giảm tầm nhìn của người tham gia giao thông, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, gây ra các cảm giác khó chịu của người đi

đường và là nguyên nhân gián tiếp xảy ra các sự cố tai nạn giao thông.

+ Bụi phát sinh trong quá trình thi công và quá trình vận chuyển bám trên lá làm giảm khả năng quang hợp, giảm sức sống và cản trở khả năng thụ phấn của cây gây ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của thực xung quanh dự án và trên tuyến đường vận chuyển.

3.2.1.2. Nguồn gây tác động đến môi trường nước

a. Nguồn phát sinh

Trong quá trình thi công dự án phát sinh các loại nước thải sau:

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường.
- Nước thải do hoạt động xây dựng thải ra (nước trộn bê tông, nước vệ sinh thiết bị xây dựng,...);
- Nước mưa chảy tràn cuốn theo các chất bề mặt như bụi đất đá, dầu mỡ trên công trường, tại bãi thải.

b. Dự báo tải lượng và mức độ tác động

*** Đối với nước thải sinh hoạt**

Dự án dự kiến sử dụng khoảng 20 công nhân lao động làm việc trên công trường (trong thời điểm cao nhất). Hoạt động sinh hoạt và vệ sinh cá nhân của số cán bộ, công nhân này làm phát sinh một lượng nước thải tại khu vực lán trại của công nhân. Tải lượng nước thải phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng nước và số lượng công nhân trên công trường. Nguồn thải này liên quan đến các hoạt động vệ sinh tay chân, chất thải sinh hoạt hàng ngày,....

Theo TCVN 33-2006 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế thì tiêu chuẩn cấp nước theo đầu người tại khu vực là 80–150 lít/ngày, ở đây theo điều kiện của Dự án và tham khảo một số dự án tương tự lấy con số 100 lít/người/ngày. Như vậy, với số lượng công nhân như trên thì tổng lượng nước cần sử dụng là khoảng 2.000 lít/ngày = 2m³/ngày. Lượng nước thải phát sinh được tính bằng 100% lượng nước cấp.

Trong đó:

- + Lượng nước thải xám (nước rửa tay chân, rửa mặt, tắm,...) chiếm khoảng 80% tổng lượng nước thải là khoảng 1,6 m³/ngày;
- + Lượng nước thải đen (nước dùng cho mục đích vệ sinh cá nhân) chiếm khoảng 20% tổng lượng nước thải là khoảng 0,4 m³/ngày.

Đặc trưng của nguồn nước thải này là chứa nhiều thành phần hữu cơ dễ phân hủy và vi khuẩn gây bệnh.

- Nước thải xám: Phát sinh chủ yếu từ các hoạt động như: vệ sinh chân tay, rửa mặt,... Đặc điểm của nước thải xám là thường chứa các chất tẩy rửa, coliform, chất rắn lơ lửng, BOD₅, NH₃, các vi khuẩn gây bệnh,... Tuy nhiên, với tính chất hoạt động tại khu vực thi công chủ yếu rửa tay, chân, không có các hoạt động tắm, giặt, nấu ăn,... nên hàm lượng chất bẩn không lớn.

- Nước thải đen: Loại nước thải này phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của cán bộ, công nhân tham gia thi công trên công trường. Theo kết quả thống kê và tính toán của

Tổ chức Y tế thế giới (WHO), dựa vào hệ số ô nhiễm do mỗi người hàng ngày đưa vào môi trường (khi nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý) đối với các quốc gia đang phát triển, có thể dự báo tải lượng các chất ô nhiễm sinh ra từ nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.15. Thành phần và khối lượng chất ô nhiễm do công nhân thải ra

Chất ô nhiễm	Tải lượng theo WHO (g/người/ngày đêm)	Tải lượng ước tính cho (g/ngày đêm)
BOD ₅	45 – 54	315 - 378
COD	72 – 103	504 - 721
Chất rắn lơ lửng	70 – 145	490 – 1.015
Dầu mỡ	10 – 30	70 - 210
Tổng nitơ	6 – 12	42 - 84
Amoni	2,4 - 4,8	16,8 – 33,6
Tổng phốtpho	0,6 - 4,5	4,2 – 31,5
Tổng Coliform	10 ⁶ - 10 ⁹ MPN/100ml	10 ⁶ - 10 ⁹ MPN/100ml

Từ hệ số tải lượng, số lao động và lưu lượng nước thải ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt theo công thức sau:

$$C = C_0 \cdot 10^3 \cdot N / Q$$

Trong đó:

- + C: là nồng độ chất ô nhiễm (mg/l)
- + C₀: Tải lượng ô nhiễm (g/người/ngày đêm)
- + N: số công nhân (người)
- + Q: Lưu lượng nước thải (l/ngày đêm)

Bảng 3.16. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B (mg/l)
1	BOD ₅	562,5 – 675	≤ 50
2	COD	900 - 1.287	-
3	Chất rắn lơ lửng	875 – 1.812	≤ 100
4	Dầu mỡ	125 – 375	≤ 20
5	Tổng nitơ	656,2 – 1.312	≤ 50
6	Amoni	30 - 60	≤ 10
7	Tổng phốtpho	7,5 – 56	≤ 10
8	Tổng Coliform	10 ⁶ - 10 ⁹ MPN/100ml	≤ 5.000

Như vậy, khi so sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý với QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, thì các chất ô nhiễm có trong thành phần nước thải đen có hàm lượng vượt nhiều lần giới hạn cho phép.

Nếu nguồn thải này không được thu gom và xử lý mà thải trực tiếp ra môi trường thì sẽ gây ô nhiễm đất, có thể gây ô nhiễm nước ngầm, chảy vào kênh mương dẫn nước, ruộng lúa gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái. Bên cạnh đó, nguồn thải này còn làm phát tán vi khuẩn gây bệnh làm ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ công nhân cũng như cộng đồng dân cư, gây mất vệ sinh môi trường khu vực. Vì vậy trong quá trình thi công chủ đầu tư phải có các biện pháp thu gom và xử lý nhằm hạn chế tác động của nguồn thải này đến môi trường.

*** Đối với nước thải xây dựng**

Nguồn thải này chủ yếu là nước thải từ các hoạt động trộn bê tông, vệ sinh thiết bị thi công, bảo dưỡng công trình, phun ẩm vật liệu, tuyến đường. Tải lượng nguồn thải rất khó tính toán vì nó phụ thuộc vào khối lượng các hạng mục thi công trong ngày, cách thức sử dụng nước của công nhân.

- Nước phối trộn nguyên vật liệu: Trong giai đoạn thi công xây dựng, nước chỉ sử dụng trong khâu làm vữa. Hầu hết nước sử dụng trong các công đoạn này đều ngấm vào vật liệu xây dựng và dần bay hơi theo thời gian. Khối lượng bê tông sử dụng cho dự án lựa chọn bê tông thương phẩm, do vậy nước thải phát sinh từ quá trình trộn bê tông được đánh giá là không nhiều khoảng 0,3 m³/ngày.

- Nước phun ẩm: Trong điều kiện thời tiết gió lớn, nắng nóng làm tăng khả năng phát tán bụi, chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công tiến hành phun ẩm các tuyến đường, bãi tập kết vật liệu khoảng 2 lần/ngày, mỗi lần khoảng 2m³. Như vậy, tổng lượng nước phát sinh từ quá trình phun ẩm tuyến đường khoảng 4m³/ngày. Cơ bản nước phun ẩm sẽ ở mức độ vừa phải đủ thấm tạo độ ẩm cho bề mặt đường, vật liệu mà không tạo thành dòng nước bề mặt và bay hơi dần theo thời gian.

- Nước vệ sinh dụng cụ: Sau quá trình thi công, các dụng cụ như bay, xẻng, thước, xô chậu,... cần được làm sạch tránh các mảng bám của xi măng, đất cát. Khối lượng nước cần sử dụng tùy thuộc vào số lượng vật liệu, ý thức tiết kiệm nước và phương án thu gom tái sử dụng của công nhân. Ước tính lượng nước mỗi ngày cần từ 1 – 2m³ nước.

Qua đó, dự báo khối lượng nước thải xây dựng phát sinh trong ngày không lớn. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải chủ yếu là xi măng, đất, cát xây dựng,... thuộc loại ít độc nên mức độ tác động đến môi trường ở mức trung bình. Tuy nhiên, hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước thải cao, dễ lắng đọng nên cần tránh xả thẳng ra môi trường, mương dẫn sẽ làm tích tụ gây tắc nghẽn, làm mất vệ sinh môi trường và ảnh hưởng chất lượng nước tưới tiêu.

*** Đối với nước mưa chảy tràn**

Nước mưa chảy tràn trong giai đoạn này chủ yếu chứa các chất lơ lửng, đất, đá, chất bẩn bề mặt công trường,... Tải lượng nguồn thải này phụ thuộc vào điều kiện thời tiết có mưa hay không và diện tích khu vực. Có thể ước tính tải lượng nước mưa chảy tràn của khu vực trong ngày mưa lớn nhất như sau:

Trích dẫn tài liệu “Bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản của tác giả Lê Văn Nãi - Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật”

$$Q_{\max} = 0,278 * K * I * A$$

Trong đó:

+ 0,278: Hệ số quy đổi đơn vị;

+ Q_{max}: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn, m³/s;

+ K: Hệ số chảy tràn, phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt đất; K= 0,15

Bảng 3.17. Hệ số dòng chảy theo đặc điểm mặt phủ

TT	Loại mặt phủ	Hệ số (ψ)
1	Mái nhà, đường bê tông	0,80 - 0,90
2	Đường nhựa	0,60 - 0,70
3	Đường lát đá hộc	0,45 - 0,50
4	Đường rải sỏi	0,30 - 0,35
5	Mặt đất san	0,20 - 0,30
6	Bãi cỏ	0,10 - 0,15

(Nguồn: TCXDVN 51:2006)

+ I: Lượng mưa lớn nhất trong ngày từng xuất hiện của khu vực là 686,6 mm (Trạm đo Lệ Thủy).

+ A: Diện tích đất khu vực dự án S = 1.554 m².

Thay các giá trị trên vào công thức, xác định được lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực dự án như sau:

Bảng 3.18. Bảng tính lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất ngày

TT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Hệ số dòng chảy bề mặt	Lượng mưa (mm/ng.đ)	Lượng mưa (m ³ /ng.đ)
1	Khu vực dự án	1.554 m ²	0,3	686,6	1.275

(Nguồn: Mạng lưới thoát nước – Tiến sỹ Nguyễn Trung Việt – Trần Thị Mỹ Diệu)

Theo số liệu tính toán được ở trên cho thấy lượng nước mưa của dự án chảy tràn trên toàn bộ khu vực dự án là khá nhỏ 89 m³/ngđ = 0,001 m³/s. Nước mưa sẽ tạo thành các dòng chảy bề mặt làm cuốn trôi các chất bẩn, đất cát, cỏ lá khô trên bề mặt gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước dưới đất và gây bồi lấp đất về phía có địa hình thấp hơn xung quanh gây tù, ứ đọng nước, rác ở hồ trung tạo điều kiện sinh vật, vi khuẩn phát sinh, phát triển như muỗi, bọ quặng. Nước mưa chảy tràn mang theo bùn đất làm tăng độ đục, hàm lượng cặn lơ lửng đối với kênh mương, làm bồi lấp vùng trung, xói mòn địa hình và mang theo các chất bẩn đến môi trường tiếp nhận.

Đặc biệt, trong giai đoạn đào, đổ đất thi công các hạng mục gặp thời tiết mưa lớn thì nước mưa chảy tràn dễ cuốn trôi lượng lớn đất, đá vừa mới đào đắp gây bồi lấp các tuyến kênh, mương gần dự án và ruộng lúa xung quanh dự án. Do đó, trong quá trình thi công chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác động của nguồn nước mưa chảy tràn đến môi trường xung quanh.

Khu đất thực hiện dự án nằm ở góc đoạn giao giữa đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C. Trong khi đó, hướng nghiêng địa hình chính của khu vực dự án theo hướng về phía Nam để thoát ra các kênh tiêu nước nội đồng rồi thoát qua kênh Mai An (hói Miệu) để dẫn về sông Kiến Giang. Do đó, việc thực hiện dự án không làm cản trở hướng thoát nước mặt tại khu vực xung quanh.

b. Đánh giá mức độ tác động

*** Đối với nước thải sinh hoạt**

Đặc trưng của nước thải sinh hoạt chứa nhiều thành phần hữu cơ và vi khuẩn. Nếu không được thu gom và xử lý nguồn thải này sẽ gây mùi hôi thối khó chịu, gây ô nhiễm môi trường đất, nước ngầm khu vực. Với địa hình chủ yếu là ruộng lúa, các kênh mương dẫn nước nguồn thải này dễ dàng phân tán theo dòng nước khi trời mưa đến các vùng tiếp nhận như ruộng lúa của người dân gây ảnh hưởng đến năng suất và hoạt động canh tác của một hoặc nhiều hộ gia đình. Tuy nhiên, với điều kiện cơ sở, vật chất phục vụ thi công hiện nay, việc thu gom và lưu giữ chất thải sinh hoạt đang được các chủ thầu thực hiện tốt. Lượng công nhân chủ yếu là người dân địa phương nên hoạt động vệ sinh tại công trường cũng hạn chế. Vì vậy, mức độ tác động của nước thải sinh hoạt dự báo không đáng kể nếu thực hiện tốt các công tác thu gom và quản lý.

*** Đối với nước thải xây dựng**

Như đã phân tích ở trên tải lượng nguồn thải này là không lớn, ít có khả năng tạo thành dòng chảy bề mặt và không chứa các chất độc hại nên tác động từ nguồn thải này là không đáng kể.

*** Đối với nước mưa chảy tràn**

Nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn bề mặt như xi măng, dầu mỡ,... gây ô nhiễm môi trường khu vực đặc biệt là chất lượng nước mặt, có thể làm xói lở, trôi bùn đất gây bồi lắng các khu vực trũng thấp xung quanh khu vực dự án. Đây là tác động xấu bất khả kháng và có tác động đáng kể đến môi trường nếu không có biện pháp thu gom và xử lý thích hợp. Đặc biệt do khối lượng đất đào hữu cơ, đào nền đường, đất san lấp là rất lớn nên nếu quá trình đào đất, cát nền đường, san lấp các tuyến đường tiến hành vào các ngày thời tiết có mưa, khối lượng đất nói trên không được vận chuyển đi xử lý hợp lý mà tập trung thành đống trên công trường, nền đường không được lu lèn, nén chặt thì chúng sẽ bị nước mưa chảy tràn cuốn theo gây sạt lở, bồi lấp các khu vực xung quanh.

3.2.1.3. Tác động do chất thải rắn

a. Nguồn phát sinh

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công các hạng mục dự án chủ yếu từ:

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng;
- Rác thải sinh hoạt của công nhân trên công trường;
- Rác thải trong quá trình xây dựng;
- Lượng đất phong hóa bóc lớp hữu cơ bề mặt;
- Rác thải trong quá trình thi công hệ thống điện chiếu sáng;
- Chất thải nguy hại trong quá trình thi công.

b. Dự báo tải lượng và mức độ tác động

*** Lượng đất phong hóa phát sinh từ quá trình đào móng, bóc hữu cơ**

Theo hồ sơ dự án thì trước khi thi công các hạng mục sẽ cần bóc khoảng 310,8m³ đất bùn hữu cơ (trong đó: có 264 m³ là tầng đất mặt ruộng lúa và 46,8m³ đất phong hóa). Do tính chất ẩm nên đất, bùn hữu cơ hầu như không gây bụi trong quá trình nạo vét mà chỉ có khả năng gây bụi ở điểm đổ bỏ sau khi đất khô, ngoài ra đất hữu cơ cũng gây mùi khi nạo vét hay gây mùi trong thời gian ban đầu tại vị trí đổ bỏ. Do đó, nếu không có các biện pháp quản lý tốt sẽ gây phát sinh mùi ảnh hưởng đến người dân khu vực, cản trở giao thông, cũng như làm cản trở quá trình thi công và mỹ quan khu vực. Trong điều kiện

gió to, mưa lớn, khả năng cuốn trôi gây bồi lấp và phát tán bụi làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực.

Theo Điều 14 Nghị định số 94/2019NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác: “Tổ chức, cá nhân xây dựng các công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước có tác động đến tầng đất mặt thì phải bóc riêng tầng đất mặt đó để sử dụng vào mục đích nông nghiệp”. Do đó, Chủ dự án cần có các phương án để tận dụng đúng mục đích như trồng các cây ăn quả, không gây lãng phí vì thành phần đất hữu cơ tại khu vực là đất phù sa tự nhiên đã đầy đủ các chất hữu cơ, chất khoáng, vô cơ, vi lượng, đa lượng, vi sinh vật, các hạt keo liên kết đất,... rất thích hợp cho cây nông nghiệp.

*** Chất thải rắn xây dựng**

Khối lượng CTR sinh ra trong khi thi công xây lắp các hạng mục của Dự án gồm: đất đá, cốp pha gỗ, vật liệu xây dựng, xi măng, gạch vỡ, bao bì đựng vật liệu xây dựng, sắt, thép dư thừa,... Tải lượng các nguồn rác thải này khó định lượng, tải lượng tùy thuộc vào khả năng tiết kiệm nguyên vật liệu, trình độ tay nghề của công nhân và biện pháp thu gom tái sử dụng các phế liệu sản xuất vào các mục đích khác.

Khối lượng nguyên vật liệu xây dựng của Dự án theo ước tính khoảng 8.579,1 tấn. Các QCXDVN hiện nay chưa xác định rõ căn cứ tính khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh từ thi công xây dựng các công trình. Do đó, căn cứ theo giáo trình Môi trường trong xây dựng, Lê Anh Dũng, NXB Xây dựng, khối lượng CTR trong quá trình thi công ước tính bằng 0,01% tổng khối lượng nguyên vật liệu (gồm nguyên vật liệu không đạt tiêu chuẩn, nguyên liệu rơi vãi) có khối lượng khoảng: $0,01\% \times 8.579,1 = 0,86$ (tấn/thời gian thi công).

Hiện nay trên hiện trạng khu vực dự án có các hạng mục công trình cũ phải được tháo dỡ, đa phần khối lượng sẽ được tận dụng lại hoặc bán cho cơ sở phế liệu (cửa, sắt thép, mái ...), phần còn lại không tận dụng được với khối lượng ước tính khoảng 150m^3 (gạch vỡ, ngói vỡ, BTCT...) sẽ được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Lượng CTR xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án là khá lớn. Các chất thải rắn này không bị thối rữa, không mang tính độc hại, không phát sinh mùi và một số loại có thể tận dụng bán cho đơn vị thu mua (bao bì đựng vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép,...), còn lại một phần đất đá, gạch, vật liệu xây dựng được tận dụng san lấp cùng với quá trình san ủi mặt bằng, điều này sẽ hạn chế tới mức thấp nhất ảnh hưởng của loại chất thải này đến môi trường khu vực.

Các khối lượng vật tư xây dựng dư thừa này liên quan đến vấn đề kinh tế của nhà thầu nên trong trường hợp dư thừa hầu hết đều được các nhà thầu tận dụng hoặc vận chuyển để thực hiện các công trình khác. Do đó, dự báo tác động này là không đáng kể.

*** Đối với rác thải từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân lao động**

Theo Quy định tại QCVN 01/2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng thì lượng chất thải rắn phát sinh theo đầu người là 0.9 kg/ngày (Thị trấn Kiến Giang là đô thị loại IV). Tuy nhiên, theo thực tế thi công một số công trình có quy mô tương tự dự án, thời gian sinh hoạt tại công trường 8h/ngày thì lượng rác thải phát sinh từ công nhân trong quá trình xây dựng ước tính khoảng 0,2-0,3kg/người/ngày. Với số lượng công nhân tập trung tại công trường khoảng 20 người. Ước tính khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại công trường trong một ngày là: $0,3 \text{ kg/người/ngày} \times 20 \text{ người} = 6 \text{ kg/ngày}$.

Thành phần của chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: Thực phẩm thừa, rác hữu cơ, giấy cotton, ni lon, chất dẻo, kim loại, vỏ hộp,...

Lượng chất thải này tuy không nhiều song nếu không được thu gom hàng ngày sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và làm ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực. Khi rác thải xả bừa bãi trên mặt đất, dưới tác dụng của thời tiết và vi khuẩn, các hợp chất hữu cơ bị phân hủy tạo thành các mùi hôi thối gây ô nhiễm môi trường không khí.

*** Rác thải trong quá trình thi công hệ thống điện chiếu sáng**

Thành phần chủ yếu của nguồn thải này chủ yếu là những đoạn dây điện thừa, dây cáp, vỏ bọc ngoài, bao bì, bìa carton,... Khối lượng này rất nhỏ và dễ thu gom nên ảnh hưởng không đáng kể. Ước tính khoảng 2-3kg/tháng.

*** Đối với chất thải nguy hại**

Các loại chất thải nguy hại có khả năng phát sinh trong giai đoạn xây dựng dự án chủ yếu là các loại chất thải nhiễm dầu mỡ, sơn....

- Dầu mỡ thay định kỳ từ các xe, máy có tải lượng thải phụ thuộc các yếu tố: số lượng phương tiện vận chuyên và máy thi công trên công trường, lượng dầu mỡ thải ra từ các phương tiện vận chuyên thi công cơ giới, chu kỳ thay dầu và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng cũng như quá trình vận hành máy móc, thiết bị trong một khoảng thời gian nhất định cần phải thay dầu máy. Trung bình lượng dầu mỡ thải ra từ các phương tiện vận chuyên và thi công cơ giới là 7 lít/lần thay. Chu kỳ thay dầu và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trung bình khoảng 3 tháng thay một lần. Theo ước tính, số lượng phương tiện vận chuyên và thi công cơ giới sử dụng dầu trên công trường là 9 phương tiện. Vì vậy, lượng dầu mỡ thải phát sinh ước tính phát sinh trong một lần thay khoảng 63 lít \approx 54,8kg (lượng thải này không tính đến các phương tiện vận tải nguyên vật liệu phục vụ cho thi công).

Nguồn thải này không lớn nhưng có mức độ gây ô nhiễm cao, khó phân hủy, nếu không được thu gom triệt để về lâu dài sẽ gây tác động đến môi trường khu vực. Đặc biệt là khi thời tiết khu vực có mưa, nguồn thải này sẽ thấm vào đất cát và bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn làm ô nhiễm nguồn tiếp nhận, đặc biệt các kênh mương dẫn nước, khe nước khu vực, thấm vào đất gây ô nhiễm nguồn nước ngầm.

- Đối với giẻ lau, bao bì dính dầu mỡ:

Lượng giẻ này chỉ được sử dụng khi bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tiếp nhiên liệu,... Tải lượng nguồn này là không lớn (ước tính khoảng 5kg/tháng), tuy nhiên nếu không được thu gom và xử lý mà vứt bỏ bừa bãi trên bề mặt sẽ làm mất mỹ quan khu vực, gây ô nhiễm đất, nước ngầm. Khi có mưa chúng sẽ bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn, dầu mỡ bám dính trên giẻ lau sẽ bao phủ lên bề mặt nước nguồn tiếp nhận khu vực, ngăn cản quá trình hô hấp của sinh vật, gây ảnh hưởng xấu đến chất môi trường xung quanh.

Tuy nhiên, dự kiến các hoạt động này được thực hiện trực tiếp tại các dịch vụ sửa chữa, thay dầu máy trên địa bàn khu vực mà không thực hiện tại khu vực thi công (trừ trường hợp hư hỏng đột xuất) nên chất thải nguy hại gồm xăng, dầu thải, giẻ lau dầu mỡ,... ít phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án.

B. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

3.2.1.4. Tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh

Tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị để thi công các hạng mục dự án.

Mức độ cũng như phạm vi ảnh hưởng của tiếng ồn trong quá trình thi công phụ thuộc vào đặc tính kỹ thuật, thời gian, tần suất hoạt động của máy móc, cũng như hướng và khoảng cách tới đối tượng tiếp nhận. Trong đó, mức áp âm đối với các loại máy, thiết bị khi vận tải và xây dựng điển hình như sau:

Bảng 3.19. Mức áp âm từ các phương tiện giao thông và máy xây dựng

STT	Phương tiện	Mức ồn phổ biến(dBA)	Mức ồn lớn nhất(dBA)
1	Ô tô có trọng tải < 3,5t	85 - 90	103
2	Ô tô có trọng tải > 3,5t	90 - 95	105
3	Máy đầm rung	70 - 80	85 - 90
4	Máy đào/xúc	70 - 80	85 - 90

(Nguồn: Trung tâm KHCN môi trường GTVT)

Từ bảng trên, dự báo mức áp âm trung bình trên công trường dao động trong khoảng từ 85 - 95 dBA, mức áp âm cực đại có thể vượt quá 115 dBA khi có sự cộng hưởng do hoạt động cùng một lúc của nhiều phương tiện, máy móc và thiết bị trong quá trình thi công xây dựng.

b. Cường độ tác động

* Tiếng ồn

Khả năng lan truyền của tiếng ồn từ các thiết bị thi công tới khu vực xung quanh được tính gần đúng bằng công thức sau:

$$L = L_p - \Delta L_d - \Delta L_b - \Delta L_n \text{ (dBA)}$$

Trong đó:

L : Mức ồn truyền tới điểm tính toán ở môi trường xung quanh (dBA);

L_p : Mức ồn của nguồn gây ồn (dBA);

ΔL_d : Mức ồn giảm đi theo khoảng cách (dBA);

$$\Delta L_d = 20 * \lg[(r_2/r_1)^{1+a}]$$

Trong đó:

r_1 : Khoảng cách dùng để xác định mức âm đặc trưng của nguồn gây ồn, thường lấy bằng 1m đối với nguồn điểm;

r_2 : Khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn tính từ nguồn gây ồn (m);

a : Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất, đối với mặt đất trống trải a = 0;

ΔL_b : Mức ồn giảm đi khi truyền qua vật cản. Khu vực Công trình có địa hình rộng thoáng và không có vật cản nên $\Delta L_b = 0$;

ΔL_n : Mức ồn giảm đi do không khí và các bề mặt xung quanh hấp thụ. Trong phạm vi tính toán nhỏ, chúng ta có thể bỏ qua mức giảm độ ồn này.

(Nguồn: GS.TS Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản Khoa học

Kỹ thuật, Hà Nội - 1997).

Từ các công thức trên, chúng ta có thể tính toán được mức ồn trong môi trường xung quanh tại các khoảng cách tính từ nguồn gây ồn. Kết quả tính toán được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 3.20. Mức ồn tối đa từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thiết bị cơ giới

Stt	Thiết bị, phương tiện	Mức ồn phổ biến	Độ ồn (dBA) theo khoảng cách (m)				
			20	50	100	150	200
1	Ô tô có tải trọng <3,5 tấn	85 – 90	64	56	50	47,5	45
2	Ô tô có tải trọng >3,5 tấn	90 – 95	69	61	55	51,5	49
3	Máy xúc	80 – 95	69	61	55	51,5	49
4	Máy trộn bê tông	80 – 85	59	31	45	41,5	48
5	Máy cầu	75 – 80	54	46	40	36,5	34
QCVN 26:2010/BTNMT			70dBA (6-21h)				
			55dBA (21-6h)				

(Nguồn: GS.TS Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội – 1997)

Mức ồn trong các hoạt động thi công các hạng mục được đánh giá cụ thể như sau:

- Trong môi trường lao động: Dự báo mức áp âm trung bình (khoảng cách 1m) trên công trường đạt từ 84,5 - 89,5dBA, mức áp âm cực đại có thể vượt ngưỡng 90dBA. Mức áp âm sẽ tăng khi có nhiều phương tiện, máy móc và thiết bị hoạt động cùng một lúc.

Tiếng ồn trong môi trường lao động được đánh giá theo QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc thì tiếng ồn chung tối đa cho phép trong suốt 8 giờ lao động không được vượt quá 85dBA, mức cực đại không được vượt quá 115dBA. Nếu tổng thời gian tiếp xúc với tiếng ồn trong ngày không quá:

4 h	làm việc không được vượt quá	90 dBA,
2 h	làm việc không được vượt quá	95 dBA,
1 h	làm việc không được vượt quá	100 dBA,
0,5 h	làm việc không được vượt quá	105 dBA,
15 phút	làm việc không được vượt quá	110 dBA,

Thời gian làm việc còn lại trong ngày chỉ được tiếp xúc với tiếng ồn dưới 80dBA.

- Tiếng ồn trong khu vực công cộng và dân cư:

+ Tiếng ồn phát sinh từ khu vực dự án: Theo Bảng 3.20 thì tiếng ồn phát sinh từ khu vực dự án ở khoảng cách > 20m sẽ đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn khu vực thông thường ≤70 dBA (6-21h). Do đó, tiếng ồn trong quá trình thi công sẽ ảnh hưởng đến các hộ dân tiếp giáp phía Bắc dự án khi tiến hành thi công các hạng mục tại khu vực tiếp giáp này.

+ Tiếng ồn trên các tuyến đường vận chuyển: Trong quá trình hoạt động của dự án, việc vận chuyển đất phần lớn là trên các tuyến đường có dân cư sinh sống. Dự báo mức ồn tại các khu dân cư ven đường nói trên sẽ vượt mức cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Tuy nhiên, các tác động này

chỉ diễn ra trong thời gian ngắn khi có phương tiện vận tải đi qua nên ảnh hưởng của tiếng ồn đến sức khỏe và sinh hoạt của người dân là không lớn.

Bảng 3.21. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

(Theo mức âm tương đương), dBA

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

*** Độ rung tại khu vực công trường và trên tuyến đường vận chuyển**

Độ rung sinh ra trong quá trình thi công chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị tham gia thi công. Mức rung của một số máy móc, thiết bị sử dụng trong thi công được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 3.22. Mức rung của một số loại máy móc, thiết bị thi công

TT	Phương tiện thi công	Mức rung cách máy 10m (dBA)	Mức rung cách máy 30m (dBA)	Mức rung cách máy 60m (dBA)
1	Máy đào (*)	77	67	57
2	Máy đầm bê tông	82	72	62
3	Cần cẩu	77	67	57
4	Xe trộn bê tông	76	66	56
5	Máy bơm bê tông	68	58	48
6	Xe tải	74	64	54
7	Máy khoan	75	65	55
QCVN 27 : 2010/BTNMT		75 (Mức gia tốc rung cho phép trong hoạt động xây dựng từ 6h - 21h)		

(Nguồn: Viện KH&CN môi trường - Bộ GTVT)

Từ kết quả ở Bảng trên cho thấy, mức rung động sinh ra từ các máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải ở vị trí cách xa 10m so với nguồn rung ở vào khoảng 80dB, còn mức rung sinh ra từ khoảng cách từ 30m trở lên đều có giá trị nhỏ hơn 75dB và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 27: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (giới hạn tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động xây dựng $\leq 75\text{dB}$ - Áp dụng đối với khu vực thông thường từ 6h - 21h).

c. Phạm vi, đối tượng và mức độ tác động

- Đối tượng chịu tác động của tiếng ồn, độ rung: là công nhân trực tiếp lao động tại công trường (đây là đối tượng chịu tác động chính), các hộ dân xung quanh khu vực Dự án thuộc tổ dân phố Thượng Giang cách dự án khoảng 100m nên tác động này là không có.

- Đánh giá mức độ tác động:

+ Công nhân làm việc ở những nơi có độ ồn lớn, kéo dài có thể mắc các chứng bệnh như: đau đầu, giảm thính giác, ảnh hưởng đến hệ thần kinh,....

+ Hoạt động vận chuyển, thi công xây dựng sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe và sinh hoạt hàng ngày của các hộ dân sinh sống, cơ quan, trụ sở hai bên tuyến đường vận chuyển như: gây cảm giác khó chịu, mất tập trung, gây đau đầu, giảm hiệu quả làm việc, ảnh hưởng đến công tác giảng dạy của trường học,... có thể gây mất an toàn cho người

tham gia giao thông trên các tuyến đường khi có xe vận chuyển đất, cát đi qua.

3.2.1.5. Tác động đến kinh tế - xã hội

Các tác động kinh tế - xã hội trong quá trình thi công dự án như sau:

*** Tiêu cực**

- Các tác động xấu đến môi trường trong quá trình thi công dự án như đã phân tích ở trên sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, đời sống của công nhân, cộng đồng dân cư tổ dân phố Thượng Giang nằm trên tuyến đường vận chuyển. Tuy nhiên các tác động này chỉ diễn ra trong quá trình thi công dự án.

- Thi công không đúng thiết kế dẫn đến diện tích chân công trình lấn sang diện tích ruộng lúa của người dân khu vực phía Nam Dự án gây ra các ảnh hưởng về chiếm dụng đất, ảnh hưởng đến đất canh tác, phát sinh các mâu thuẫn không đáng có.

- Việc tập trung một số lượng lớn công nhân (khoảng 20 người) trong quá trình thi công dự án tại khu vực nếu công tác tổ chức, quản lý không tốt cũng có thể nảy sinh những vấn đề về các tệ nạn xã hội (như ma túy, cờ bạc, rượu bia...); sinh ra mâu thuẫn giữa công nhân với công nhân, công nhân với người dân địa phương làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự khu vực.

- Tập trung nhiều người từ nhiều nơi khác đến cũng là nguyên nhân xuất hiện các ổ dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, đặc biệt trong điều kiện dịch bệnh bởi vi rút corona 2019 (covid 19, sars cov 2) đang diễn biến rất phức tạp, lây lan nhanh và khó kiểm soát như hiện nay.

- Cần phải có sự giám sát, quản lý và phối hợp chặt chẽ của chính quyền với đơn vị thi công để giảm thiểu những tác động tiêu cực này trong quá trình thi công.

*** Tích cực**

Bên cạnh những tác động tiêu cực như đã trình bày, thì quá trình thi công của dự án sẽ đem lại những hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội của khu vực bao gồm:

- Tạo công ăn việc làm cho một bộ phận lao động trong quá trình xây dựng Dự án;

- Thu được nguồn ngân sách đáng kể cho địa phương thông qua các khoản thu thuế, phí, nguyên vật liệu, nhiên liệu;

- Là động lực thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển theo như: thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải,....

3.2.1.6. Tác động đến hoạt động giao thông, canh tác nội đồng

a. Hoạt động giao thông

Sự xuất hiện các phương tiện vận tải phục vụ thi công Dự án sẽ làm tăng mật độ xe lưu thông trên đường, cùng với đó là bụi phát sinh từ thùng xe, bụi cuốn nên đường sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thông trên các tuyến đường vận chuyển. Ngoài ra, nếu phương tiện chở quá tải, quá trọng cũng có thể gây ra hư hỏng nền đường. Trong đó, tuyến đường đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C sẽ là đoạn tuyến có nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông vì có mật độ dân cư và lưu lượng giao thông cao.

Cần phải hạn chế vận chuyển nguyên vật liệu vào khu vực dự án trong các khung thời gian này và có phương án lựa chọn cung đường tiếp cận dự án phù hợp.

Ngoài ra, các tác động nêu trên phụ thuộc nhiều nhất vào kế hoạch vận chuyển của

nhà thầu thi công, tải trọng xe vận chuyển. Do đó, Chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn giám sát chú trọng giám sát kế hoạch vận chuyển của nhà thầu thi công trong suốt quá trình xây dựng.

b. Canh tác nội đồng

Vị trí khu đất thực hiện dự án không lấn chiếm hoặc ảnh hưởng đến các tuyến đường nội đồng nên không ảnh hưởng đến quá trình đi lại và hoạt động canh tác lúa của người dân trong khu vực.

Vị trí thực hiện dự án không lấn chiếm hệ thống mương nước thủy lợi phục vụ hoạt động canh tác, thoát nước của khu vực, tuy nhiên ranh giới xây dựng dự án cách tuyến đường Nguyễn Trãi khoảng 6m qua một tuyến mương nước bằng đất, để tiếp cận dự án từ đường Nguyễn Trãi cần có biện pháp đảm bảo khả năng lưu thông, thoát nước của mương đất hiện trạng để tránh ảnh hưởng đến quá trình tiêu thoát nước.

3.2.1.7. Tác động đến hệ sinh thái và môi trường tự nhiên

Sự hình thành và xây dựng dự án trước hết làm thay đổi mục đích sử dụng đất của khu vực, phá bỏ thảm thực vật, mất các đường canh tác, ruộng lúa, mương thoát nước do các hoạt động phát quang, đào, đắp, san lấp mặt bằng. Tuy nhiên, như đã trình bày, hiện trạng khu vực thực hiện dự án hầu hết là ruộng lúa. Hệ động thực vật mang màu sắc nông nghiệp, số lượng loài và sự đa dạng không quá lớn cho nên các tác động của hoạt động thi công đến hệ sinh thái và môi trường tự nhiên là không đáng kể.

Tác động đến hệ sinh thái đáng chú ý nhất là trường hợp quản lý không tốt dầu, mỡ thải, nước thải, các dòng chảy bề mặt dẫn đến dầu, mỡ, các chất bẩn xâm nhập vào khu đất xung quanh, cuốn theo dòng chảy dẫn về mương nước, ruộng lúa,... làm ô nhiễm nguồn nước mặt khu vực, ảnh hưởng đến hệ sinh thái trên quy mô rộng lớn. Tuy nhiên, theo đánh giá thì các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng được thực hiện tại các gara, trung tâm sửa chữa nên ít phát sinh dầu mỡ tại công trường, các hoạt động phát sinh chất thải, nước thải không quá lớn, do đó dự báo tác động đến hệ sinh thái khu vực ở mức độ thấp.

Nhìn chung, tác động đến hệ sinh thái và môi trường tự nhiên của khu vực Dự án tùy thuộc vào công tác quản lý, biện pháp xử lý các nguồn chất thải phát sinh của từng nhà thầu thi công.

3.2.1.8. Tác động cộng hưởng đối với các dự án xung quanh

Hiện nay, xung quanh khu vực dự án đã được quy hoạch các khu dân cư. Các tác động liên quan trong khu vực sẽ tăng cao đặc biệt là vấn đề giao thông nếu các dự án triển khai cùng một thời điểm, sử dụng chung một tuyến đường. Sự xuất hiện các phương tiện vận tải tải trọng lớn phục vụ vận chuyển vật liệu thi công sẽ làm tăng mật độ xe lưu thông trên các tuyến đường xung quanh như đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C nơi có mật độ giao thông cao đặc biệt trong giờ cao điểm dẫn đến các vấn đề về an toàn giao thông, nguy cơ ùn tắc giao thông khu vực.

Việc tập trung nhiều xe cộ vận tải, thiết bị thi công làm cộng hưởng lượng bụi phát sinh từ thùng xe, bụi cuốn nền đường và làm tăng nồng độ khí thải phát thải gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí khu vực. Cộng hưởng tiếng ồn làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, sinh hoạt hằng ngày của người dân khu vực Ngoài ra, nếu phương tiện chờ quá tải, quá trọng cũng có thể gây ra hư hỏng nền đường. Thực tế, tác động đến hoạt động giao thông phụ thuộc nhiều nhất vào kế hoạch vận chuyển của nhà thầu thi công, phương án vệ sinh, phun ẩm tuyến đường. Do đó, Chủ dự án sẽ chú

trọng giám sát kế hoạch vận chuyển của nhà thầu thi công, phối hợp với các dự án xung quanh trong suốt quá trình xây dựng.

3.2.1.9. Các sự cố liên quan đến hoạt động của dự án

a. Sự cố tai nạn giao thông, hư hỏng tuyến đường giao thông

• Sự cố tai nạn giao thông

Việc thi công dự án gắn liền với hoạt động chuyên chở nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho dự án cũng như hoạt động vận chuyển đất, cát san lấp, đất phong hóa, điều này tiềm ẩn việc xảy ra sự cố tai nạn giao thông đặc biệt trên các tuyến đường như đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C. Nguyên nhân chủ yếu là:

- Do sự gia tăng mật độ giao thông trên các tuyến đường vào những giờ cao điểm;
- Do chở quá tải trọng quy định;
- Do các tài xế điều khiển xe chạy quá tốc độ;
- Do sự cẩu thả trong công việc của các tài xế (uống rượu bia, hút thuốc lá khi lái xe) dẫn đến việc xảy ra tai nạn;

Khi các sự cố trên xảy ra có thể gây thiệt hại về vật chất, gây ảnh hưởng tới sức khỏe, thậm chí là tính mạng của công nhân điều khiển phương tiện của dự án và có thể gây thiệt hại tới tài sản, sức khỏe, tính mạng của các đối tượng liên quan khác;

Nguyên nhân gây ra sự cố trên chủ yếu là do yếu tố chủ quan của con người nên có thể tránh được thông qua các biện pháp giáo dục và quản lý lái xe.

*** Hư hỏng tuyến đường:**

Quá trình thi công dự án sử dụng một lượng xe có tải trọng lớn chuyên chở nguyên vật liệu, đất, cát san lấp, bóc phong hóa,... Nếu sử dụng xe có tải trọng vượt quy định của các tuyến đường hoặc chở quá tải trọng quy định của xe sẽ gây ra sự cố hư hỏng như sụt lún, nứt gãy làm thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng đến quá trình tham gia giao thông của người dân, gián tiếp dẫn đến các tai nạn không đáng có.

b. Sự cố tai nạn lao động

Sự cố tai nạn lao động thường hay xảy ra trong giai đoạn thi công xây dựng. Những sự cố này hầu như bắt nguồn từ các nguyên nhân sau:

- Sự bất cẩn của công nhân trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị có thể dẫn đến các sự cố đáng tiếc xảy ra;

- Ngoài ra, một yếu tố quan trọng gây nên sự cố trong lao động đó chính là thiếu trang bị bảo hộ lao động hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động của công nhân thi công;

- Quá trình thi công các hạng mục với chiều cao lớn có thể dẫn đến các sự cố như sau:

+ Công việc lao động nặng nhọc, trên cao, thời gian làm việc liên tục và lâu dài có thể ảnh hưởng đáng kể đến khỏe của công nhân, gây tình trạng mệt mỏi, choáng váng hay ngất xỉu cho công nhân tại công trường.

+ Giàn giáo không được lắp đặt đúng kỹ thuật, giàn giáo không có sàn công tác hoặc sàn công tác không đảm bảo an toàn, do gãy, sụp sàn công tác.

+ Tai nạn cũng có thể xảy ra ngay trên công trường do các phương tiện thi công và vận chuyển nguyên vật liệu gây ra đối với công nhân.

+ Tất cả các công cụ, thiết bị nặng và nguyên vật liệu có thể rơi từ trên cao và mũ bảo hộ cứng không phải lúc nào cũng phát huy tác dụng bảo vệ người lao động.

+ Quá trình tời vật nguyên vật liệu lên cao bằng cần cẩu có thể đứt cáp, gãy cần cẩu hoặc sập cần cẩu đều gây nguy hiểm đến tính mạng của công nhân lao động ở phía dưới.

Khi sự cố này xảy ra có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân gặp sự cố, thậm chí còn nguy hại đến tính mạng. Do đó, Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công dưới sự giám sát của đơn vị tư vấn QLDA, tư vấn giám sát công trình có kế hoạch điều động máy móc, xe cộ, thiết bị kỹ thuật một cách hợp lý, bảo đảm nội quy an toàn lao động cho lực lượng công nhân làm việc trên công trường để hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động.

c. Sự cố sạt lở đất:

Sự cố sạt lở đất có thể xảy ra ở khu vực biên giới khu vực Dự án, sự cố dễ xảy ra trong những ngày mưa lớn gây xói mòn, do bất cẩn của lái xe khi tính toán không đúng khi đổ đất, do không thực hiện các biện pháp ổn định nền đất,... Sự cố xảy ra làm bồi lấp, ảnh hưởng đến đất canh tác của người dân, hư hại cây trồng, hư hỏng các công trình và dẫn đến các sự cố an toàn lao động liên quan. Do đó, cần thực hiện các biện pháp phòng chống sạt lở trong giai đoạn thi công.

d. Sự cố cháy nổ:

Sự cố cháy nổ có thể xảy ra trong trường hợp cung cấp nhiên liệu, khí đốt hoặc do quá trình sử dụng điện của cán bộ công nhân viên làm việc trên công trường, các thiết bị điện lắp đặt không đúng kỹ thuật.

e. Sự cố bom mìn:

Công tác GPMB, bóc phong hóa, thi công hệ thống điện, cấp thoát nước có thể gây nên sự cố bom mìn do hậu quả của chiến tranh để lại. Hiện nay ở khu vực này có thể còn bom đạn chưa được rà phá, tháo dỡ. Vì vậy, chủ dự án sẽ có phương án rà phá, tháo dỡ bom mìn, vật liệu nổ khu vực để tránh trường hợp bom đạn còn sót lại gây nguy hiểm đến tính mạng, tài sản trong quá trình thi công dự án.

f. Sự cố thời tiết tiêu cực, thiên tai, ngập lụt

Dự án thực hiện trong thời gian dài, do đó gió lớn, áp thấp nhiệt đới hoặc bão đổ bộ kèm theo mưa lớn dài ngày vào khu vực Dự án trong quá trình thi công có thể gây hư hại các hạng mục công trình, gây sự cố ngập úng cục bộ dẫn đến sạt lở chân công trình, ảnh hưởng đến nền đất, các sự cố liên quan về điện. Đặc biệt, thị trấn Kiến Giang bên dòng sông Nhật Lệ là vùng trọng điểm lũ lụt của huyện, của Tỉnh vào mùa mưa lũ, do đó tiến độ thi công để đảm bảo hoàn thành trước mùa mưa lũ là hết sức quan trọng.

3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

*** Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trên các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công**

Tuyến đường vận chuyển chính của dự án trong quá trình thi công sẽ theo đường Nguyễn Trãi ra Quốc lộ 9C rồi đi đến các khu vực cung cấp vật liệu, khu vực đổ thải

bằng Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh. Do đó, trong quá trình thi công chủ dự án cần có các biện pháp giảm thiểu sau:

- Sử dụng bạt che phủ thùng xe để hạn chế khả năng bụi cuốn, bụi rơi vãi gây ô nhiễm môi trường sống của dân cư trên tuyến đường vận chuyển, đồng thời làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành;

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, không tập trung xe vận chuyển vào giờ cao điểm trên tuyến đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C để hạn chế sự cộng hưởng nồng độ khí thải do quá trình phát thải từ động cơ, bụi cuốn bánh xe;

- Xe chở vật liệu xây dựng sẽ không chở quá tải trọng cho phép và tuân thủ biển báo tốc độ, luật an toàn giao thông, khống chế tốc độ xe <5km khi ra vào dự án;

- Hạn chế vận chuyển tập kết nguyên vật liệu vào thời điểm khu vực có mưa để hạn chế được lượng bùn bám dính bánh xe ra các tuyến đường khu vực;

- Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, phương tiện, thiết bị tốt để hạn chế rơi vãi nguyên vật liệu ra môi trường trong quá trình vận chuyển;

- Bố trí xe chở nước để tưới nước phun ẩm đoạn đường vào khu vực dự án, tuyến đường Nguyễn Trãi trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án. Tần suất phun ẩm bình quân khoảng 2 lần/ngày, tăng tần suất lên 4 lần/ngày vào những ngày nắng nóng khô hanh, nhiều gió;

- Bố trí khu vực rửa xe trong khu vực dự án phía tiếp giáp ra tuyến đường Nguyễn Trãi để xịt rửa bánh xe vận chuyển ra vào dự án. Tiến hành rải lớp đá dăm chiều dài từ 20 – 30m trên tuyến đường ra vào dự án để hạn chế bùn đất bám theo bánh xe.

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh đất rơi vãi do xe vận chuyển gây ra, đặc biệt tại các nút giao cắt trên tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư;

- Phương tiện vận chuyển đất đi đổ thải phải hạn chế tối đa hiện tượng rơi vãi đất đá trong quá trình vận chuyển bằng cách không chở quá đầy thùng, phủ bạt thùng xe, di chuyển với tốc độ chậm.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển hiện đại, đăng kiểm, đảm bảo kiểm định chất lượng và thực hiện chế độ bảo dưỡng định kỳ nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu, đồng thời giảm lượng khí thải phát sinh ra môi trường;

- Tiếp nhận và phối hợp để giải quyết các khiếu nại (nếu có) của người dân địa phương về ô nhiễm không khí do bụi, khí thải, mùi hôi,... và có các biện pháp khắc phục;

- Lựa chọn các mỏ cung cấp nguyên, vật liệu gần nhất (đã được cấp phép về môi trường) lựa chọn tuyến đường vận tải phù hợp để rút ngắn thời gian vận chuyển.

*** Đối với bụi phát tán trên công trường từ quá trình san nền, bãi tập kết vật liệu**

- Áp dụng biện pháp thi công đào, đắp đất làm các tuyến đường, san nền theo hình thức cuốn chiếu, bắt đầu từ Tây sang Đông, từ Nam lên Bắc khu đất để hạn chế khối lượng lớn cát đào đắp, san gạt vào cùng một thời điểm nhằm hạn chế lượng bụi phát tán trên diện tích rộng.

- Có kế hoạch cung cấp vật tư thích hợp để hạn chế khối lượng lớn nguyên vật liệu tập kết cùng một lúc. Lập kế hoạch xây dựng và bố trí nhân lực chính xác, tiến độ thi công hợp lý để tránh chồng chéo giữa các quá trình thi công dự án.

- Vị trí tập kết nguyên vật liệu thi công ngoài việc thuận tiện cho quá trình thi công

các hạng mục còn phải đảm bảo khoảng cách đến các khu dân cư để tránh sự phát tán bụi trong điều kiện gió lớn.

- Quá trình đổ đất san lấp thi công các tuyến đường đến đâu sẽ bố trí các xe ủi, san gạt, lu để tiến hành san gạt và lu chặt đến đó nhằm hạn chế bụi cuốn trên bề mặt công trường;

- Tại các khu vực có khả năng phát tán bụi lớn trên công trường (vị trí tập kết cát, đá dăm, các vị trí thực hiện đào đắp, trên các đoạn đường vận chuyển nguyên vật liệu trong vùng dự án) hạn chế bụi cuốn bằng biện pháp phun nước làm ẩm vào những ngày không có mưa nhưng nhiệt độ cao, độ ẩm thấp, tần suất phun ẩm tùy thuộc vào điều kiện thời tiết cụ thể, tăng tần suất phun ẩm lên (4 lần/ ngày) vào các thời điểm hanh khô, nắng, gió lớn, đặc biệt là vào thời kỳ gió Tây Nam hoạt động mạnh. Đồng thời vào những ngày thời tiết khu vực khô nóng, gió Tây Nam hoạt động mạnh sẽ hạn chế phương tiện ra vào khu vực nhằm hạn chế bụi cuốn ảnh hưởng đến công nhân thi công trên công trường, người tham gia giao thông đoạn qua khu vực;

- Che chắn tạm thời các bãi chứa nguyên vật liệu trong quá trình thi công để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh;

- Sử dụng bạt hoặc tôn cao 2,5m che chắn xung quanh dự án.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trên công trường như: khẩu trang, kính bảo vệ mắt, mũ nón, áo quần bảo hộ,...

*** Đối với bụi phát tán trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục**

- Tại các khu vực có khả năng phát tán bụi lớn trên công trường hạn chế bụi cuốn bằng biện pháp phun nước làm ẩm (2 lần/ngày), tăng tần suất phun ẩm 4 lần/ngày vào các thời điểm hanh khô, nắng, gió lớn;

- Lập kế hoạch xây dựng và bố trí nhân lực, máy móc hợp lý để tránh chồng chéo giữa các quá trình thi công dự án.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công như khẩu trang, kính bảo vệ mắt, mũ nón, áo quần bảo hộ,....

- Tăng cường tiến độ thi công ở khu vực tiếp giáp với các khu dân cư phía Bắc dự án.

*** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm đối với khí thải động cơ**

Đây là dạng nguồn thải phân tán, phát thải lưu lượng nhỏ, không liên tục và phân bố trên mặt thoáng rộng nên khả năng gây ô nhiễm đến chất lượng môi trường không khí khu vực là không đáng kể. Một số biện pháp có thể thực hiện, bao gồm:

- Lựa chọn những nhà thầu thi công có phương tiện vận tải được cơ quan đăng kiểm cấp phép (đây là một tiêu chí trong đầu thầu thi công);

- Lựa chọn các phương tiện cơ giới đồng bộ, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị máy móc.

- Không tập trung các phương tiện, máy móc, thiết bị hoạt động cùng lúc tại một địa điểm cố định để hạn chế ô nhiễm cục bộ;

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các chi tiết máy bị hỏng hóc để hạn chế thấp nhất mức tiêu hao nhiên liệu, tức là hạn chế lượng khí thải phát sinh;

*** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, mùi hôi từ các khu vực lán trại**

- Xây dựng nội quy sinh hoạt, yêu cầu mọi người tuân thủ các biện pháp giữ gìn vệ sinh chung, đổ rác đúng nơi quy định;

- Bố trí thùng rác di động loại 100 lít tại khu vực sinh hoạt của công nhân để thu gom rác thải hàng ngày.

- Nhà vệ sinh lưu động tại lán trại phải được che chắn ngăn mùi, có nắp đậy, vị trí xa dân cư, sau khi hoàn thành công trình sẽ hoàn trả lại mặt bằng cho khu vực;

- Nghiêm cấm công nhân tham gia thi công không được phóng uế trên công trường để tránh gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực.

*** Đối với mùi hôi do quá trình phân hủy các chất trong đất bùn hữu cơ và bụi tại vị trí đổ thải**

- Đối với lượng đất hữu cơ sẽ được vận chuyển đến vị trí đổ đất và san gạt ngay mà không được thải bỏ ra khu vực xung quanh Dự án để tránh làm mất mỹ quan, bụi khi đất khô, gió lớn và chiếm dụng diện tích;

- Lốp đất bùn ướt sẽ được cào thành đống rồi phơi ráo đạt độ ẩm phù hợp tại vị trí cách xa khu dân cư trong phạm vi dự án trước khi vận chuyển đến vị trí đổ đất tận dụng trồng cây trong khuôn viên dự án;

- Tại khu vực đổ bỏ đất hữu cơ thì sẽ tiến hành san gạt ngay sau khi đổ để tránh sự chất đống gây bụi khi đất khô, có gió lớn và tạo mặt bằng phù hợp cho trồng cây.

*** Yêu cầu bảo vệ môi trường**

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, cụ thể:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

3.2.2.2. Về công trình xử lý nước thải

*** Nước thải sinh hoạt**

- Tại khu vực lán trại trên công trường sử dụng 01 nhà vệ sinh lưu động đặt tại khu vực lán trại, sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành bóc dỡ nhà vệ sinh lưu động.

- Thiết kế nhà vệ sinh lưu động như sau:

+ Chiều dài: 0,95 m; Chiều rộng: 1,3 m; Chiều cao: 2,5 m.

+ Dung tích bể nước sạch: 400 lít.

+ Dung tích bể chứa chất thải: 500 lít.

+ Nội thất: Quạt thông gió, đèn chiếu sáng bên trong,



gương, lô cuốn giấy, vòi nước, công tắc.

+ Vật liệu chế tạo bằng composite nên không bị han rỉ hay lão hóa, không bay màu.

Nguyên lý hoạt động của nhà vệ sinh lưu động như sau:

+ Nhà vệ sinh di động gồm 2 bộ phận chính: buồng và hầm nhà vệ sinh.

+ Bể chứa nước của nhà vệ sinh công cộng hoạt động dựa trên nguyên lý phao cơ khí. Theo nguyên lý này thì nước sẽ tự động được bơm vào bồn khi hết nước và tự ngắt việc bơm này lại khi nước trong bể đạt tới một giới hạn đã định trước.

+ Các chất thải của nhà vệ sinh di động được dẫn truyền đến hầm chứa bên dưới thông qua hệ thống dây dẫn. Tại ngăn lắng tách phân (ngăn 1) phân và cặn được xử lý bằng vi sinh tạo thành dạng lỏng, sau đó được dẫn tiếp qua ngăn xử lý kỵ khí (ngăn 2) và xử lý hiếu khí (ngăn 3). Tiếp đó, nước dẫn tiếp qua ngăn lọc (ngăn 4) và dẫn ra ngoài bằng hệ thống ống (vật liệu lọc ở đây ta dùng than hoạt tính, đá sỏi). Chủ dự án cam kết xử lý nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – (cột B) trước khi thoát ra môi trường. Sau quá trình đảm bảo các chất thải lúc đầu không gây ô nhiễm môi trường thì sẽ được định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút và vận chuyển xử lý đúng theo quy định.

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng 3 tháng/ lần tiến hành hút các chất thải ở nhà vệ sinh lưu động đưa đi xử lý. Tránh tình trạng đê quá đầy tràn ra ngoài gây ô nhiễm môi trường.

- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV, không phóng uế bừa bãi trên khu vực công trình và các khu vực lân cận.

- Với nước thải chế biến thức ăn, rửa chén bát (nếu có): Được chứa trong hố lắng có lớp cát lọc gần khu vực nhà bếp để lắng và tự thấm nguồn nước thải này. Khối lượng nguồn thải này rất nhỏ so với khả năng tiếp nhận của môi trường nên có thể cho tự thấm; sau khi kết thúc hoạt động thi công thì hố này sẽ được lấp lại;

- Với nước rửa tay chân của công nhân có thành phần chủ yếu là đất cát, cặn lơ lửng nên không gây tác động môi trường đáng kể và có thể cho tự thấm vào đất qua một hố đào thể tích khoảng 2m³ ở khu vực tắm rửa của công nhân.

- Bên cạnh đó, Chủ dự án khuyến khích nhà thầu thi công ưu tiên tuyển dụng công nhân trong khu vực, có điều kiện tự túc ăn ở. Tổ chức hợp lý nhân lực trong giai đoạn thi công. Ngoài ra còn tiến hành quản lý, nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm nước, không cho chảy tràn ra khu vực xây dựng, bảo vệ môi trường.

*** Nước thải xây dựng, xịt rửa**

- Không tập trung nguyên vật liệu, vật tư gần các tuyến thoát nước.

- Lót đáy bằng các vật liệu như các tấm kim loại hay bạt lót nếu có các quá trình trộn vữa bê tông không sử dụng máy trộn.

- Sử dụng các loại máy trộn tại các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng để hạn chế nước trộn thấm vào đất, gây ảnh hưởng môi trường.

- Đối với nước làm sạch dụng cụ xây dựng, đây nguồn thải không đáng kể có thể tái sử dụng cho việc vệ sinh dụng cụ. Do đó, bố trí khu vực rửa dẫn nước vệ sinh dụng cụ về hố lắng có lót bạt kích thước 1,5x1,5x1m. Sau quá trình xây dựng sẽ hoàn trả mặt bằng. Lượng cặn lắng sẽ được thu gom cùng phế thải xây dựng.

- Xây dựng 01 hố lắng kích thước khoảng 2m³ ở khu vực xịt rửa bánh xe để lắng đất, cát của nước xịt rửa trước khi thoát ra môi trường.

*** Nước mưa chảy tràn**

- Áp dụng phương thức thi công đào, đắp thi công các tuyến đường theo hình thức cuốn chiều bắt đầu từ Tây sang Đông và từ Nam lên Bắc. Việc thi công theo phương thức như trên sẽ hạn chế khối lượng đất đá bờ rời do đào nền thi công đường, đồng thời hạn chế khối lượng đất vận chuyển về đắp đường vào cùng một thời điểm nên hạn chế đất, đá bị nước mưa chảy tràn cuốn trôi vào một thời điểm.

- Tạo 3 rãnh thoát nước tạm có kích thước rộng đáy 0,7m, sâu 0,5m, miệng 1m, tổng chiều dài khoảng 130m. Cứ 40m bố trí 01 hố để lắng cặn, kích thước hố (1x1x1)m, cuối hệ thống thoát nước (trước khi thoát trước khi thoát ra mương nước hiện trạng ở góc phía Tây Nam khu vực dự án) bố trí hố lắng cặn (rộng 2m, dài 2m, sâu 1,5m) nhằm hạn chế nước mưa cuốn theo chất bẩn bề mặt, đất cát vào các ruộng lúa phía Nam, phía Tây, kênh mương làm gia tăng độ đục, bồi lấp và ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực xung quanh.

- Với tuyến kênh Mai An (hói Miêu) đoạn qua khu vực dự án đã được kè đứng bằng bê tông xi măng. Tuyến kênh cách ranh giới dự án khoảng 10m, đồng thời hướng thoát nước chính của dự án sau khi hoàn thành sẽ thoát về tuyến đường Nguyễn Trãi phía Bắc dự án và tuyến đường quy hoạch phía Tây dự án nên hoạt động thi công của dự án sẽ không làm ảnh hưởng đến tuyến kênh Mai An phía Đông dự án.

- Đồng thời, để hạn chế công tác đào nền đường để thi công hệ thống thoát nước sau này, do đó hệ thống thoát nước thi công đồng bộ cùng giai đoạn san nền để đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực dự án, không gây hiện tượng ngập úng ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng của dự án.

- Đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành san lấp mặt bằng trong mùa khô nhằm hạn chế tác động của nước mưa chảy tràn rửa trôi đất cát ra khu vực xung quanh. Hơn nữa, đây là khu vực thấp nên thường xuyên bị ngập lụt, do vậy việc tính toán đẩy nhanh tốc độ san lấp mặt bằng trước mùa mưa lũ sẽ hạn chế rất nhiều khả năng ngập úng cũng như rửa trôi đất cát san lấp nền của Dự án.

- Thu dọn nạo vét các mương thoát nước trong quá trình thi công.

- Các điểm tập kết vật liệu, nhà xe, nhà chứa thiết bị thi công sẽ được che chắn cẩn thận để tránh nước mưa cuốn theo dầu mỡ, chất rắn lơ lửng.

3.2.2.3. Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

*** Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

Chất thải sinh hoạt của công nhân như đã trình bày có khối lượng không đáng kể. Tuy nhiên để đảm bảo vệ sinh môi trường, yêu cầu đơn vị thi công bố trí 02 thùng rác di động 100l có nắp đậy tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom chất thải vô cơ và hợp đồng với đơn vị thu gom rác thị trấn Kiến Giang để vận chuyển trong ngày theo đúng quy định.

- Đối với rác thải hữu cơ như thức ăn dư thừa, hoa quả hư hỏng,...: bố trí 01 thùng rác 100 lít để thu gom và cho các hộ chăn nuôi ở khu vực lân cận có nhu cầu; trường hợp không tận dụng được thì thu gom và xử lý như chất thải sinh hoạt vô cơ khác;

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân

xây dựng, không vứt rác bừa bãi mà tự thu gom vào các thùng chứa rác.

*** Biện pháp giảm thiểu đối với chất thải xây dựng**

+ Rác thải vật liệu xây dựng sẽ vận chuyển về bãi đổ thải theo quy định của khu vực;

+ Đối với các dạng sắt thép loại, vỏ bao xi măng,... được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua tái chế;

+ Các loại không tận dụng được như bao bì rách nát có thể thu gom và xử lý chung theo phương thức xử lý rác thải sinh hoạt;

+ Chất thải xây dựng được thu gom, dọn dẹp hoàn toàn sau khi thi công xong bất kỳ hạng mục nào của dự án để trả lại hiện trạng ban đầu của khu vực, tránh vứt bừa bãi, lãng phí, gây mất mỹ quan;

+ Đối với chất thải là đất đá rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển, Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công cất cử người dọn vệ sinh trên đoạn đường qua khu vực dân cư (đặc biệt đối với đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C đi qua TDP Thượng Giang);

+ Tuyệt đối không để chất thải rắn bên ngoài khu vực dự án, vừa chiếm dụng đất, gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan khu vực;

+ Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án và tư vấn giám sát thi công giám sát việc thực hiện vệ sinh khu vực công trình và xung quanh dự án;

+ Đối với các nguyên vật liệu dư thừa như đất, cát, xi măng,...: Thu dọn toàn bộ nguyên vật liệu dư thừa trả lại mặt bằng sạch cho Dự án. Thực tế, nguyên vật liệu dư thừa liên quan đến vấn đề kinh tế của nhà thầu thi công nên thông thường nhà thầu thi công sẽ tính toán kỹ để không xảy ra tình trạng dư thừa, trường hợp dư thừa thì sẽ chủ động tận dụng cho hoạt động xây dựng của dự án khác.

*** Biện pháp giảm thiểu đối với lượng đất phong hóa, đất đào hữu cơ**

*** Biện pháp giảm thiểu đối với lượng đất phong hóa, đất đào hữu cơ**

- Đất bùn hữu cơ tại khu vực là đất phù sa tự nhiên đã đầy đủ các chất hữu cơ, chất khoáng, vô cơ, vi lượng, đa lượng, vi sinh vật, các hạt keo liên kết đất,... rất thích hợp cho công tác cải tạo đất trồng cây nên cần phải có phương án tận dụng, không gây lãng phí tài nguyên. Các lớp đất chuyên trồng lúa nước có tác động đến tầng đất mặt thì phải bóc riêng tầng đất mặt để sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

+ Với khối lượng đất phong hóa từ dự án là $310,8m^3$ (trong đó: có $264 m^3$ là tầng đất mặt ruộng lúa và $46,8m^3$ đất phong hóa). Với khối lượng đất phong hóa khoảng $46,8m^3$ sẽ được sử dụng để trồng cây trong khuôn viên dự án. Phần tầng đất mặt ruộng lúa với khối lượng $264 m^3$ được vận chuyển đến trang trại của Hộ ông Đỗ Trung Tài, tại thôn Thái Xá, xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy để tận dụng trồng cây nông nghiệp. Đảm bảo tầng đất mặt chuyên trồng lúa nước được sử dụng hiệu quả và theo đúng quy định tại Khoản 1,2, Điều 57, Luật Trồng trọt 2018 và Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

+ Đất bùn hữu cơ đổ đến đâu sẽ tiến hành san gạt đến đó để tránh việc chất đọng gây bụi khi thời tiết khô, gây trượt lở, bồi lấp ra môi trường xung quanh khi có mưa đồng thời tạo mặt bằng phù hợp cho trồng cây. Cam kết đổ trộn trong phạm vi khu đất dưới sự

chỉ dẫn của đơn vị quản lý, không gây tác động đến các đối tượng xung quanh. Nếu trong quá trình tập kết gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, chủ dự án phải dừng thi công để khắc phục rồi mới được tiếp tục thi công tiếp.

+ Với bùn đất ướt ở khu vực dự án: Do thời điểm thực hiện hoạt động bốc đất bùn hữu cơ dự kiến diễn ra trong mùa khô nên lớp đất bùn sẽ được cào thành đồng rồi phơi ráo nước trước khi bốc bỏ đi đổ ở vị trí đổ đất.

+ Thi công, san lấp tạo mặt bằng theo hình thức cuốn chiếu để giảm tải lượng đất hữu cơ cần bốc bỏ.

+ Không được đổ đất đào hữu cơ bừa bãi trên bề mặt khu vực thi công để hạn chế các tác động do mùi, bụi khi thời tiết khu vực khô hanh, có gió hoặc bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn khi thời tiết có mưa;

+ Không đổ đất hữu cơ ra môi trường xung quanh ở bên ngoài khu đất Dự án để tránh sự trượt lở, rửa trôi theo nước mưa chảy tràn ra ruộng lúa, ao nuôi của người dân.

+ Sử dụng bạt che phủ thùng xe để hạn chế khả năng bụi cuốn, bụi rơi vãi gây ô nhiễm môi trường sống của dân cư trên tuyến đường vận chuyển, đồng thời làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành;

*** Đối với bùn, đất dính bám theo phương tiện vận chuyển**

Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị tư vấn quản lý dự án và tư vấn giám sát giám sát đơn vị thi công thực hiện:

- Bố trí vòi nước xịt rửa sạch bánh xe từ công trường, bãi thải đi ra để giảm thiểu lượng bùn đất bám theo bánh xe gây dính bám trên đường, rải đá dăm từ điểm xịt rửa phương tiện vận chuyển đi ra khỏi khu vực Dự án cũng với mục đích tránh đất dính bám lại phương tiện vận chuyển sau khi đã rửa sạch;

- Không chở quá tải trọng, quá khổ và có bạt che phủ thùng xe, đảm bảo thùng xe kín khi chở đất, cát san lấp cũng như đất hữu cơ đi đổ bỏ;

- Thu dọn vệ sinh nếu để xảy ra tình trạng bùn, đất rơi vãi do hoạt động vận chuyển của mình gây ra.

*** Biện pháp giảm thiểu đối với rác thải từ quá trình thi công đường dây điện, trạm biến áp**

Sẽ thu gom và bán cho đơn vị thu mua đối với các loại như bao bì, những đoạn dây điện bị thừa..., còn những loại không tận dụng được thì thu gom và xử lý như rác thải sinh hoạt.

*** Yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường theo quy định, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thực hiện dự án nhằm tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh, đáp ứng các yêu cầu tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.2.2.4. Đối với chất thải nguy hại

- Lượng chất thải nguy hại chủ yếu là dầu thải, giẻ lau dính dầu, mỡ từ quá trình bảo dưỡng thay dầu, sửa chữa xe, thiết bị. Như đã đánh giá ở mục 3.2.1.3 về tác động do chất thải rắn, các hoạt động này được thực hiện trực tiếp tại các cơ sở dịch vụ sửa chữa nên ít phát sinh tại khu vực thi công Dự án, do đó Chủ dự án phối hợp với đơn vị tư vấn QLDA và tư vấn giám sát giám sát Nhà thầu thi công làm việc với các cơ sở sửa chữa, gara đã đăng ký chủ nguồn thải nguy hại và thực hiện lưu giữ, xử lý CTNH theo đúng quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trong trường hợp khi có sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công mà cần sửa chữa tại công trường thì phải bố trí vật lót đáy (bạt hoặc tôn) để không cho dầu mỡ rơi vãi xuống nền đất sau đó thu gom vào thùng chứa 100 lít có nắp đậy, không rò rỉ, có nhãn giám CTNH, vị trí lưu giữ phải có che chắn hạn chế tác động của gió, nước mưa chảy tràn rồi hợp đồng thuê các đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kiểm tra, nhắc nhở công nhân thu gom chất thải nguy hại đúng nơi quy định.

- Cam kết thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.2.2.5. Biện pháp giảm thiểu đến giao thông khu vực

• Giao thông khu vực

Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí các xe vận chuyển đất, vật liệu ra vào khu vực thi công với mật độ hợp lý, không tập trung quá nhiều cùng một lúc để tránh gây ùn tắc, mất an toàn giao thông, đặc biệt vào giờ cao điểm. Đặc biệt đoạn giao giữa Quốc lộ 9C và đường Nguyễn Trãi phía Bắc dự án. Đoạn đường này có mật độ giao thông tương đối lớn.

- Yêu cầu công nhân lái xe chạy đúng tốc độ cho phép để đảm bảo an toàn giao thông;

- Có chế tài xử phạt đối với các xe hợp đồng vận chuyển nếu xảy ra vi phạm trong quá trình thương thảo hợp đồng;

- Tăng cường giáo dục, tuyên truyền cho lái xe ý thức chấp hành các quy định an toàn giao thông, không uống rượu, chở quá tải trọng, lấn đường,...;

- Đặt biển cảnh báo công trường thi công tại hai đầu dự án trên tuyến đường Nguyễn Trãi và đoạn giao với Quốc lộ 9C, có đèn báo hiệu vào ban đêm để cảnh báo cho người dân, học sinh tham gia giao thông, quy định tốc độ lưu thông ra vào công trường <5km/h;

- Thường xuyên cử cán bộ kiểm tra các hạ tầng kỹ thuật giao thông, nhanh chóng khắc phục những điểm hư hỏng dẫn đến tai nạn giao thông.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển và máy móc thi công đã được đăng kiểm theo quy định nhằm hạn chế sự cố hỏng các chi tiết máy móc gây tai nạn giao thông.

• Hư hỏng tuyến đường

- Yêu cầu chở đúng tải trọng quy định của phương tiện;

- Sử dụng xe vận tải ≤ 10 tấn để đảm bảo hạn chế hư hỏng các tuyến đường;

- Trong trường hợp gây ra sự cố hư hỏng, nhanh chóng đặt các biển báo hiệu, đèn cảnh báo cho người tham gia giao thông, báo cáo với cơ quan quản lý tuyến đường để thực hiện phân luồng giao thông, tiến hành công tác hoàn trả nền đường.

- Cam kết khắc phục, sửa chữa, hoàn trả nền đường theo hiện trạng ban đầu nếu để xảy ra các sự cố trên tuyến đường vận chuyển.

• **Bảo vệ mương nước nội đồng**

- Chủ dự án sẽ đảm bảo hoạt động thi công của dự án không làm ảnh hưởng đến hiện trạng tuyến kênh Mai An (hói Miệu).

- Khôi thông và thu dọn nếu để vật liệu vận chuyển như đất, cát rơi vãi làm ảnh hưởng đến dòng chảy của mương nước.

3.2.2.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động đến sức khỏe công nhân trên công trường, đời sống hàng ngày của người dân, Chủ dự án sẽ thực hiện một số biện pháp giảm thiểu sau:

- Sử dụng các máy móc, phương tiện đã được đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép;

- Chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc bảo đảm các yêu cầu về cân bằng thiết bị nhằm hạn chế khả năng gây ồn do thiết bị thi công và vận chuyển sinh ra;

- Bố trí lịch thi công hợp lý cho các đơn vị, tổ, nhóm công nhân thi công, nhất là ở các vị trí gây ồn lớn nhằm hạn chế các tác động đến sức khỏe người công nhân;

- Công nhân làm việc ở những vị trí có độ ồn lớn sẽ trang bị mũ hoặc nút tai chống ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân làm việc;

- Không tập trung phương tiện vận chuyển vào cùng một thời gian, nhất là thời gian nhạy cảm (từ 21h đến 6h sáng hôm sau) để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến môi trường sống của cư dân hai bên tuyến đường vận chuyển;

- Đối với các xe vận chuyển: Yêu cầu các lái xe phải chạy đúng tốc độ quy định khi vận chuyển nguyên vật liệu nhất là tại đoạn giao giữa tuyến đường Quốc lộ 9C và đường Nguyễn Trãi, giảm tốc độ khi đi qua các khu vực tập trung đông dân cư và không sử dụng còi hơi khi đi qua các khu vực này.

b. Giảm thiểu tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội

- Tổ chức các cuộc họp phổ biến, tham vấn ý kiến cộng đồng về Dự án, nhằm nâng cao sự hiểu biết của người dân về Dự án, sự cần thiết và lợi ích của Dự án,...;

- Giữ mối liên hệ tốt với chính quyền địa phương và dân cư trong vùng để được thông báo và kết hợp giải quyết các vấn đề phát sinh, xung đột trong quá trình thực hiện Dự án;

- Chấp hành đúng các luật và quy định của Nhà nước trong việc thuê nhân công lao động nghiệp vụ và lao động phổ thông;

- Tiến hành đo đạc, cắm mốc trước khi thi công và cam kết thực hiện đúng thiết kế, đúng phạm vi dự án cho phép để không xảy ra các tình trạng lấn chiếm đất ruộng gây ảnh hưởng đến người dân dẫn đến các mâu thuẫn không đáng có;

- Hỗ trợ chính quyền địa phương trong công tác phúc lợi nhằm tránh gây xung đột

giữa chủ dự án với người dân và chính quyền địa phương;

- Chủ dự án sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để quản lý chặt công nhân nhằm không để xảy ra mâu thuẫn với người dân địa phương cũng như ngăn chặn các tệ nạn xã hội như trộm cắp, rượu bia,...;

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trong quá trình thực hiện dự án.

c. Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái

Việc thực hiện quản lý, xử lý tốt các nguồn chất thải phát sinh và tác động của nước mưa chảy tràn như đã trình bày ở các mục trên sẽ giúp tránh hay hạn chế tác động của các nguồn thải này đến hệ sinh thái ở khu vực Dự án cũng như hệ sinh thái lân cận khu vực đồ đất hữu cơ thải. Trong đó, đáng chú ý là việc quản lý để tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo dầu mỡ xâm nhập ruộng lúa khu vực phía Đông, phía Nam dự án với công việc chính là che chắn không để nước mưa chảy tràn xâm nhập khu vực chứa dầu mỡ, máy móc thi công và thu dọn không để dầu mỡ rơi vãi trên nền công trường.

Hoàn trả tuyến mương nội đồng, đầu nối cấp nước tưới tiêu cho bà con canh tác ruộng lúa phía Tây và phía Nam trước khi tháo dỡ mương bê tông và thực hiện theo đúng phương án thiết kế.

e. Giảm thiểu các sự cố liên quan đến hoạt động của dự án

• Sự cố bom mìn

- Trước khi thi công chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn, thực hiện việc rà phá bom mìn trên toàn bộ diện tích dự án.

- Việc rà phá bom mìn phải được thực hiện kỹ lưỡng, đúng quy định tránh tình trạng bom mìn nằm sâu trong lòng đất gây nguy hiểm cho công tác đào đất sau này.

- Bom mìn khi phát hiện cần phải xử lý theo quy định, không tự ý xử lý khi không được sự cho phép của cơ quan chức năng.

• Tai nạn lao động

Các biện pháp hạn chế tai nạn lao động trong quá trình thi công như sau:

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong tổ chức thi công (bố trí các thiết bị, máy móc thi công, hệ thống điện,...) để phòng ngừa tai nạn.

- Các công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị được đào tạo có chứng chỉ, thực hành theo nguyên tắc vận hành và bảo trì kỹ thuật.

- Các công nhân trong quá trình thi công có đầy đủ các thiết bị an toàn, dụng cụ cứu trợ và quần áo bảo hộ lao động cần thiết cho công trình: kính bảo hộ và các trang thiết bị bảo vệ tai, dây da và đai, thiết bị cấp cứu, cứu hoả, thiết bị sơ cứu, dây buộc, mũ cứng,....

- Công nhân phải tuyệt đối chấp hành kỷ luật lao động và nội quy an toàn làm việc trên cao.

- Khi tiếng ồn nơi làm việc > 85dBA, bắt buộc công nhân sẽ sử dụng dụng cụ bảo vệ tai. Công nhân được định kỳ kiểm tra sức khỏe.

- Biện pháp đảm bảo an toàn khi sử dụng cần cẩu tháp: tuân thủ đúng các yêu cầu kỹ thuật an toàn cần trực tháp, kiểm tra định kỳ; tính toán lắp dựng, neo giằng cần trực tháp; lập và phê duyệt biện pháp đảm bảo an toàn cần trực tháp trong quá trình lắp đặt, sử dụng và khi có gió bão, tính toán vị trí lắp đặt đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động

sinh sống của người dân quanh khu vực công trường;...

** Trách nhiệm của nhà thầu xây dựng:*

- Khi tuyển dụng công nhân làm việc cho công trình phải đảm bảo từ 18 tuổi trở lên. Có giấy chứng nhận đảm bảo sức khỏe làm việc trên cao do cơ quan y tế cấp. Định kỳ 6 tháng phải được kiểm tra sức khỏe một lần. Phụ nữ có thai, người có bệnh tim, huyết áp, tai điếc, mắt kém không được làm việc trên cao.

- Phải trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường.

- Tuân thủ đúng quy trình thi công theo quy hoạch, thiết kế.

- Đôn đốc, nhắc nhở công nhân thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp an toàn lao động trong quá trình thi công.

- Nhà thầu cam kết và tuân thủ đúng theo các văn bản kỹ thuật đính kèm trong báo cáo của Nhà nước đã ban hành.

- Lập phương án xử lý, ứng cứu khẩn cấp khi xảy ra sự cố mất an toàn trong quá trình thi công xây dựng.

** Đối với chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng*

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn của nhà thầu thi công xây dựng;

- Kiên quyết dừng thi công và yêu cầu nhà thi công khắc phục khi phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định về an toàn trong thi công xây dựng.

• Sự cố cháy nổ

- Tuân thủ các quy định nghiêm ngặt trong việc sử dụng lửa tại những nơi dễ cháy nổ.

- Tuyên truyền cho toàn bộ công nhân làm việc chấp hành mọi nội quy về cháy nổ trong xây dựng cũng như trong sinh hoạt.

- Trong xây dựng, phải sử dụng các bình chứa nhiên liệu như bình ga, bình nén khí đạt tiêu chuẩn, các máy móc thiết bị trong thi công sử dụng đúng công suất.

- Trong lán trại, hệ thống dây điện cần phải bố trí thích hợp, chất lượng tốt tránh tình trạng chập nổ do quá tải.

- Nên sử dụng các loại vật liệu khó cháy làm lán trại như sắt thép, tôn, vệ sinh bếp nấu sạch sẽ, sử dụng nhiên liệu để nấu nướng an toàn.

- Lắp đặt các cầu giao ngắt điện, khóa ga và các bình chữa cháy trong lán trại.

- Phối hợp với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy cho dự án khi đi vào xây dựng.

• Sự cố thiên tai, ngập lụt: Thiết kế của Dự án đã tính đến cao độ ngập lụt lớn nhất của khu vực. Tuy nhiên, với sự biến đổi thất thường của thời tiết hoặc quá trình tổ chức thi công chưa hợp lý có thể gây ngập lụt cục bộ làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình. Do đó, một số biện pháp sau sẽ giúp giảm thiểu tác động do thời tiết:

- Tính toán thời điểm thi công thích hợp, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện san nền trước mùa mưa bão;

- Thực hiện phương án hệ thống thoát nước tạm thời thu thoát nước mưa khu vực phía Bắc đổ về và khu vực dự án như đã trình bày trong quá trình thi công;

- Tránh sự cố trượt lở đất lấp các mương thoát nước mưa tạm bằng việc không tập kết hay đổ đống nguyên vật liệu xây dựng gần các mương này; thực hiện nạo vét ngay nếu để xảy ra tình trạng đất, cát hay vật liệu xây dựng khác xâm nhập mương;

- Xây dựng phương án di chuyển thiết bị, máy móc thi công và nguyên vật liệu xây dựng khi có sự bất thường về thời tiết như bão, mưa lớn gây ngập lụt khu vực;

- Dùng giằng, dây neo để gia cố mái cho khu nhà tập kết vật liệu xây dựng, lán trại của công nhân khi có áp thấp nhiệt đới, bão đổ bộ để hạn chế sự cố tốc mái, đổ tường;

- Không tiến hành thi công trong những ngày mưa lớn, gió bão, giông sét;

- Lắp đặt cột thu sét tạm ở khu vực lán trại.

• **Đối với sự cố sạt lở đất**

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau:

- Khảo sát, đánh giá địa tầng địa chất khu vực để đưa ra các phương án nền móng, gia cố tối ưu trong quá trình thi công, đào đắp, vận tải. Tuyệt đối thi công theo đúng phương án thiết kế đưa ra;

- Không thi công san gạt nền vào những ngày mưa;

- Thi công san gạt nền đến đâu thì lu lèn chặt đến đó;

- Xây dựng kè đá học ở các vị trí ranh giới khu đất Dự án đoạn tiếp giáp phía Nam và phía Tây để hạn chế sạt lở;

- Thường xuyên giám sát các lái xe đổ đất, cát thực hiện đổ đúng vị trí;

- Ưu tiên thi công hệ thống thoát nước tại các khu vực đã san nền để đảm bảo khả năng thoát nước hết cho khu vực khi có mưa.

3.2.2.7. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tại bãi đổ đất

Trong quá trình đổ đất để giảm thiểu các tác động tiêu cực tại khu vực đổ, đại diện chủ đầu tư sẽ thực hiện một số biện pháp sau:

- Vận chuyển đất bóc hữu cơ khi phần đất này có độ ẩm phù hợp để không làm khả năng phát sinh bụi hoặc rò rỉ nước bùn thải trên tuyến đường cũng như tại bãi đổ.

- Đất được vận chuyển đến đổ trọn trong khuôn viên, không đổ tràn ra ngoài khu vực bãi. Nếu khi đổ đất tràn ra ngoài khu vực sẽ bố trí công nhân đến thu gom đất ngoài khu vực đưa đến đổ trong khu vực bãi đất;

- Bố trí người thu dọn lượng đất phong hóa rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển. Đặc biệt là tuyến đường ra vào trang trại.

- Tưới nước phun ẩm trên các tuyến đường đoạn qua khu dân cư. Ngày thường phun ẩm 2 lần/ngày, khi thời tiết khô nóng có gió Tây Nam hoạt động mạnh tiến hành phun ẩm với tần suất 4 lần/ngày (6h; 11h – 13h; 17h).

- Quá trình đổ đất đến đâu sẽ tiến hành san gạt tạo mặt bằng cho khu vực đến đó.

- Vào những ngày nắng nóng, khô hanh có gió Tây Nam hoạt động Chủ đầu tư sẽ tiến hành phun ẩm tại bãi đổ đất này nhằm hạn chế bụi cuốn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Ngày thường sẽ phun ẩm 2 lần/ ngày, khi thời tiết khô nóng có gió Tây Nam

hoạt động sẽ tiến hành phun 4 lần/ngày (6h, 11h – 13h, 17h).

3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh đi vào hoạt động sẽ là nơi phục vụ ăn uống, vui chơi, ghé thăm của cộng đồng dân cư và du khách. Các hoạt động này không mang nhiều tác động tiêu cực cũng như không phát sinh khối lượng lớn khí thải, nước thải, chất thải nguy hại có tác động lớn đến môi trường nếu có các chương trình quản lý và thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh môi trường.

3.3.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.3.1.1. Tác động do bụi, khí thải và mùi hôi

a. Nguồn phát sinh:

Nguồn gây ô nhiễm không khí trong giai đoạn này chủ yếu là:

- Bụi cuốn ở khu vực Dự án;
- Khí thải động cơ phát sinh từ các phương tiện giao thông như: xe máy, ô tô con,...;
- Khí, mùi hôi phát sinh từ các cống thoát nước, thùng rác, khu tập kết rác, khu nhà vệ sinh,...;
- Mùi từ hoạt động nấu nướng.

b. Tải lượng, dự báo và mức độ tác động

*** Đối với bụi cuốn, khí thải từ phương tiện giao thông ra vào**

- Toàn bộ các tuyến đường nội bộ đều được lát gạch và luôn được chủ dự án lưu tâm thường xuyên quét dọn đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động, cùng với đó, với tính chất là một nhà hàng tiệc cưới và giải trí nên khi đi vào hoạt động, hoạt động giao thông chủ yếu dừng ở ngoài, tại bãi đỗ xe, mật độ xe cộ ít và tốc độ di chuyển chậm nên bụi cuốn và lượng khí thải phát sinh không đáng kể. Thực tế cho thấy tại các dự án có quy mô và tính chất tương tự trên địa bàn huyện, thành phố Đồng Hới chưa có dấu hiệu ô nhiễm hoặc có vấn đề tác động lớn gây ảnh hưởng đến môi trường không khí trong khuôn viên và các khu vực xung quanh từ hoạt động của các phương tiện ra vào.

- Khả năng ảnh hưởng của bụi cuốn khu vực dự báo ở mức độ thấp.

*** Đối với khí, mùi hôi phát sinh từ các cống thoát nước, thùng rác, khu trung chuyển rác**

Các chất khí thải, mùi hôi phát sinh từ các khu vực vệ sinh dự báo là không đáng kể, do đặc điểm nước mưa là nguồn nước sạch chủ yếu chứa các chất vô cơ, các cống thoát nước mưa và nước thải được bố trí ngầm, các khu nhà vệ sinh được vệ sinh thường xuyên nên khả năng ảnh hưởng của mùi hôi, khí thải từ các nguồn này đến môi trường trong khu vực là không lớn. Mùi hôi chỉ phát sinh khi công tác vệ sinh môi trường thực hiện không đảm bảo, không thường xuyên làm chất bẩn, rác thải cuốn theo nước mưa tích tụ, tắc nghẽn, ú đọng phân hủy phát sinh mùi hôi và các sự cố liên quan như rò rỉ, hư hỏng đường ống và công trình xử lý nước thải. Quy mô tác động chỉ diễn ra ở quy mô nhỏ.

Đối với các khu vực đặt thùng rác: do rác thải được thu gom trong ngày và theo giờ cố định nên mùi hôi do rác thải gây ra tại các khu vực này chỉ xảy ra trong thời gian

ngăn, ở không gian hẹp và không gây tác động đáng kể đến môi trường chung của khu vực.

3.3.1.2. Tác động do nước thải và nước mưa chảy tràn

a. Nước thải trong quá trình hoạt động

Trong giai đoạn hoạt động của dự án, hoạt động vệ sinh của nhân viên, khách hàng sẽ phát sinh lượng nước thải. Theo tính toán tại phần nhu cầu cấp nước tại mục 1.3.1.2. trong giai đoạn hoạt động, trong thời điểm lớn nhất, lượng nước cấp phục vụ cho quá trình hoạt động của dự án là 35 m³/ngày. Lượng nước thải phát sinh cần được thu gom và xử lý ước tính bằng 100% nước cấp là 35 m³/ngày xác định theo nghị định 80/2014NĐ-CP quy định về thoát nước và xử lý nước thải. Trong đó khối lượng các loại nước thải được ước tính như sau:

Nước thải sinh hoạt tại các khu vệ sinh: Lượng nước thải từ khu vệ sinh của nhân viên và khách hàng phát sinh khoảng 3,0m³/ngày đêm trong đó nước thải xám chiếm 80% (2,4m³/ngày đêm) và nước thải đen chiếm 20% (0,6m³/ngày đêm).

Nước thải từ khu vực nhà hàng tiệc cưới, khu vực rửa dụng cụ: Lượng nước thải trong quá trình chế biến thực phẩm, vệ sinh chén bát, dụng cụ ước tính khoảng 22m³/ngày đêm.

+ Nước thải chứa phân từ các khu vệ sinh còn gọi là “nước đen”. Trong nước thải loại này thường chứa các loại vi khuẩn gây bệnh và gây mùi hôi thối. Hàm lượng các chất hữu cơ (BOD₅, COD) và các chất dinh dưỡng như Nitơ (N), Photpho (P) cao. Loại nước thải này thường gây nguy hại đến sức khỏe và dễ gây nhiễm bẩn nguồn nước tiếp nhận.

+ Nước thải xám Đặc điểm của nước thải xám là thường chứa các chất tẩy rửa, coliform, chất rắn lơ lửng, BOD₅, NH₃, các vi khuẩn gây bệnh. Đặc biệt với tính chất của dự án, thành phần nước thải chủ yếu là dầu mỡ động thực vật (; cặn lơ lửng và các chất hữu cơ dễ phân hủy (như các hydrocarbon, protein, chất béo dầu mỡ); chất dinh dưỡng N, P; các chất rắn huyền phù và các vi sinh vật... Nước thải này cần được phải xử lý trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

Để đánh giá nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của dự án, chúng tôi dựa vào các số liệu đề cập trong giáo trình Xử lý nước thải đô thị - PGS.TS Trần Đức Hạ, hàm lượng chất ô nhiễm sinh ra từ nước thải sinh hoạt và nước thải từ một số dự án trên địa bàn thành phố Đồng Hới được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3.23: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	Chất rắn lơ lửng	100-350	100
2	BOD ₅	110-400	50
3	Amoni(Tính theo N)	12-50	10
4	Phốt phát	8	10
5	Coliforms	10 ⁶ – 10 ⁹ MNP/100ml	5000

(Nguồn: Bảng 1.3 – giáo trình xử lý nước thải đô thị - PGS.TS Trần Đức Hạ)
(Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B quy định giá trị nồng độ của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt)

Bảng 3.24: Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải nhà bếp

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nồng độ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2
1	pH	-	6 - 7,5	5 - 9
2	TSS	mg/L	350 - 400	120
3	BOD ₅	mg/L	300 - 350	60
4	Photpho	mg/L	8,5 - 10	12
5	Nitrat	mg/L	150 - 180	60
6	Dầu mỡ	mg/L	60 - 80	24
7	Coliform	MPN/100ml	1,1*10 ⁶ - 1,3*10 ⁶	5.000

Nguồn: Tham khảo và tổng hợp số liệu tính chất nước thải khu bếp từ các khách sạn trên địa bàn phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Khách sạn Vĩnh Hoàng, Khách sạn Riverside).

Từ kết quả phân tích ở bảng trên cho thấy, các chất ô nhiễm có trong thành phần nước thải có mức độ gây ô nhiễm cao. Nếu nguồn thải này không được thu gom và xử lý mà thải trực tiếp ra môi trường thì sẽ gây ô nhiễm đất, có thể gây ô nhiễm nước ngầm nhờ quá trình thấm qua đất, cát. Chảy vào kênh mương dẫn nước vào ruộng lúa xung quanh gây ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái. Gây mùi hôi thối khó chịu do sự phân huỷ các hợp chất hữu cơ có trong nước thải, hình thành các váng mỡ từ đó ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại điểm xả thải và các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, nguồn thải này còn làm phát tán vi khuẩn gây bệnh như: thương hàn, tả, lỵ và vi trùng gan làm ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng dân cư, gây mất vệ sinh môi trường khu vực. Vì vậy trong quá trình hoạt động phải thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý nhằm hạn chế tác động của nguồn thải này đến môi trường.

Hiện nay, khu vực thực hiện dự án chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung vì vậy, nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động phải được xử lý cục bộ, tại chỗ đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

b. Nước mưa chảy tràn

Theo GS.TS Trần Đức Hạ tác giả sách Quản lý môi trường nước, NXB khoa học kỹ thuật, 2006, lưu lượng nước mưa lớn nhất chảy tràn từ khu vực dự án được xác định theo công thức thực nghiệm sau:

$$Q = 2,78 \times 10^{-7} \times \psi \times F \times h \text{ (m}^3\text{/s)}$$

Trong đó:

+ $2,78 \times 10^{-7}$: Hệ số quy đổi đơn vị.

+ ψ - Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào đặc điểm mặt phủ, độ dốc;

+ h - Cường độ mưa trung bình tại trận mưa tính toán, chọn lượng mưa lớn nhất tới nay tại Lệ Thủy là 686,6mm (trạm đo Lệ Thủy);

+ F - Diện tích khu vực khu đất, $F=3.162,4 \text{ m}^2$:

Cao độ san nền dự án có cao ngang bằng hoặc cao hơn so với các khu vực xung quanh nên không tiếp nhận nước mưa chảy tràn bề mặt từ các khu vực xung quanh đó

vào.

Bảng 3.25. Hệ số dòng chảy theo đặc điểm mặt phủ

TT	Loại mặt phủ	Hệ số (ψ)
1	Mái nhà, đường bê tông	0,80 - 0,90
2	Đường nhựa	0,60 - 0,70
3	Đường lát đá hộc	0,45 - 0,50
4	Đường rải sỏi	0,30 - 0,35
5	Mặt đất san	0,20 - 0,30
6	Bãi cỏ	0,10 - 0,15

(Nguồn: TCXDVN 51:2006)

Căn cứ vào đặc điểm bề mặt khu vực dự án sau khi hoàn thành chọn hệ số dòng chảy $\psi = 0,8$ đối với diện tích nhà, đường bê tông và $\psi = 0,15$ đối với diện tích khuôn viên cây xanh, bãi cỏ.... Thay các giá trị trên vào công thức, xác định được lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực dự án vào khoảng $0,3 \text{ (m}^3/\text{s)}$.

Bản chất nước mưa không làm ô nhiễm môi trường và là loại nước thải có tính ô nhiễm nhẹ nhưng khi dự án hoàn thành với các công trình đường bê tông, nhà có mái che làm giảm khả năng tự thấm của đất, hình thành dòng chảy bề mặt lớn sẽ cuốn lớp chất bẩn bề mặt, dầu mỡ, đất, cát, rác thải, bao bì... làm tắc nghẽn hoặc đi theo các tuyến thoát nước mưa của dự án ra tuyến cống thoát nước mưa dọc đường phía Bắc dự án. Ngoài ra, qua tính toán ở trên cho thấy lượng nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích khu vực dự án phát sinh trong ngày mưa lớn nhất là rất lớn, vì vậy nếu quá trình thiết kế, thi công hệ thống thoát nước mặt không đảm bảo thu gom, tiêu thoát toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn này sẽ dẫn đến ngập úng cục bộ trong mùa mưa gây ảnh hưởng đến môi trường, công trình và hoạt động của dự án.

Trong quá trình hoạt động, chủ dự án luôn chú tâm và nhắc nhở nhân viên thực hiện công tác vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhằm tạo cảnh quan và môi trường trong lành cho các thực khách do đó, dự báo hàm lượng chất bẩn trong nước mưa chảy tràn không đáng kể và không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường tiếp nhận.

c. Nước cứu hỏa

Nước cứu hỏa lấy từ các trụ cứu hỏa bố trí trên các đường ống $\Phi 110$. Nước cứu hỏa chỉ có thải ra môi trường khi có sự cố hỏa hoạn. Khi đó, nước có thể chứa các chất cặn lơ lửng, tro mùn,... từ các đám cháy và theo đường ống thoát nước mưa thoát ra môi trường. Sự cố hỏa hoạn cùng với nước thải ra môi trường của nó là sự cố bất khả kháng và hiếm khi xảy ra. Mức độ tác động của nước cứu hỏa tùy thuộc vào quy mô cháy, nhưng nhìn chung với đặc điểm các công trình ở khu vực dự án thì nguồn nước không chứa các chất độc hại nên nếu có phát sinh thì cũng không gây tác động đáng kể đến môi trường.

3.3.1.3. Tác động do chất thải rắn

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Theo ước tính số lượng nhân viên và khách hàng tại dự án khoảng 1.030 người/ngày (30 nhân viên và 1.000 lượt khách), lượng rác sinh hoạt thải ra khoảng 302,7 kg/ngđ (trong đó hệ số phát thải của nhân viên là 0,9kg/ngày và khách hàng là

0,3kg/ngày).

Thành phần chủ yếu là rác thải sinh hoạt thông thường như: giấy các loại, bao bì, túi nilông, nhựa, gỗ, vải, cao su, kim loại màu, sành sứ, đồ hộp - vỏ - chai lọ, thực phẩm thừa....

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của Dự án khá lớn và là nguồn thải có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao nếu công tác quản lý, thu gom và xử lý không đảm bảo. Một số tác động tiêu cực chính ở đây nếu chất thải không được quản lý tốt là làm mất mỹ quan của một khu giải trí, ẩm thực, sự phân hủy các thành phần hữu cơ gây mùi hôi thối là môi trường cho các sinh vật gây bệnh trung gian như ruồi, chuột,... phát triển, chất thải có thể bị nước mưa chảy tràn cuốn trôi gây tắc nghẽn hệ thống cống thoát nước chung của khu vực.

Tuy nhiên, với tính chất là một nhà hàng tiệc cưới và giải trí thì công tác quản lý, thu gom chất thải rắn và vệ sinh môi trường sẽ được thực hiện thường xuyên, lâu dài nên khả năng gây ô nhiễm môi trường khi Dự án đi vào hoạt động là ít có khả năng xảy ra.

b. Các nguồn chất thải rắn khác

- Lá cây: ở các khu vực trồng cây sẽ phát sinh lá cây già rơi rụng, nhất là vào mùa thay lá. Nguồn thải này tuy không độc hại nhưng nếu không được thu dọn cũng góp phần làm ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực, cuốn theo nước mưa làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước, ứ đọng phân hủy làm phát sinh mùi hôi.

- Chất thải rắn từ thực phẩm dư thừa: Quá trình pha chế và quá trình ăn uống của nhân viên sẽ phát sinh lượng chất thải rắn bao gồm thực phẩm loại bỏ, thực phẩm dư thừa từ hoạt động ăn uống, bã cặn trong các quá trình pha chế,... Các chất thải này chủ yếu là chất thải hữu cơ dễ phân hủy sinh học làm phát sinh mùi và tạo điều kiện cho vi khuẩn sinh trưởng và phát triển. Khối lượng chất thải rắn này khó có thể xác định vì tùy thuộc vào lượng khách mỗi ngày, nhu cầu sử dụng thực phẩm của du khách, ước tính khối lượng thực phẩm dư thừa khoảng 10kg/ngày.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: “Theo giáo trình Tính Toán Thiết Kế Các Công Trình Xử lý Nước Thải – Trịnh Xuân Lai”, khối lượng bùn phát sinh ước tính như sau:

+ Hệ số tạo cặn từ BOD₅ :

$$Y_{bùn} = \frac{Y}{1 + K_d \cdot \theta_C} = \frac{0,5}{1 + 0,05 \cdot 10} = 0,33$$

+ Lượng bùn hoạt tính sinh ra do khử BOD:

$$P_X (VSS) = Q_{ngày}^{tb} \cdot Y_{bùn} \cdot (C_o - C) \cdot 10^{-3} = 15 \times 0,33 \times (255 - 38,25) \cdot 10^{-3} = 1,07 \text{ kg VSS / ngày}$$

+ Lượng bùn dư sinh ra mỗi ngày:

$$Q_b = \frac{P}{0,75 \cdot C_{ss}} = \frac{1,07}{0,75 \cdot 30} = 0,047 \text{ m}^3 / \text{ngày}$$

Trong đó:

+ 0,75: tỷ lệ MLVS:MLSS.

+ C_{ss}: lượng bùn nuôi cấy ban đầu trong bể, C_{ss} = 30 (kgSS/m³).

=> Lượng bùn dư sinh ra mỗi ngày của hệ thống xử lý nước thải khoảng 0,047m³.

c. Chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của dự án chủ yếu là pin, bóng đèn huỳnh quang hỏng. Khối lượng CTNH trung bình ngày dự báo rất ít theo thực tế hoạt động vì bóng huỳnh quang có tuổi thọ trung bình theo mức độ sử dụng ít nhất là 3 năm. Hơn nữa, xu thế sử dụng bóng đèn led đang ngày càng phổ biến, mà tuổi thọ bóng đèn led ít nhất là 5 năm. Tuy khả năng phát sinh và khối lượng phát sinh ít nhưng các chất thải này mang nhiều đặc tính nguy hại như dễ cháy, ăn mòn, gây nổ,... hoặc tương tác với các chất khác hình thành chất nguy hại gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người nên cần được thu gom và xử lý đúng quy định.

Ước tính khối lượng và chủng loại chất thải nguy hại có thể phát sinh của Dự án:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	4
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	3
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	3
Tổng khối lượng			10

3.3.1.4. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện ra vào dự án. Từ các thiết bị nấu nướng, máy móc pha chế như máy xay,... và từ quá trình vui chơi, giải trí, trò chuyện của thực khách trong khu vực dự án.

Tác động của tiếng ồn trong quá trình hoạt động của Dự án không đáng kể, chủ yếu chỉ tác động qua lại giữa các đối tượng trong phạm vi Dự án. Tuy nhiên, chủ dự án cũng cần thực hiện các biện pháp giảm thiểu để có môi trường ăn uống, giải trí lành mạnh và văn hóa nơi công cộng.

3.3.1.5. Tác động đến kinh tế - xã hội

* Tác động tiêu cực

Tác động tiêu cực trong hoạt động của dự án chỉ xảy ra khi không thực hiện tốt việc quản lý như:

+ Các vấn đề liên quan về an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường làm mất trật tự an ninh xã hội, mỹ quan khu vực.

+ Không thực hiện tốt các chương trình quản lý tiết kiệm điện, năng lượng gây lãng phí nguồn tài nguyên quốc gia và chi phí của nhà đầu tư.

* Tác động tích cực

Loại trừ yếu tố tiêu cực chủ quan trên, hoạt động của dự án đem lại nhiều tác động tích cực về kinh tế - xã hội, cụ thể:

+ Góp phần nâng cao dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người dân và du khách đến thị trấn cũng như huyện Lệ Thủy.

+ Là công trình kiến trúc có điểm nhấn, tạo dựng không gian kiến trúc đô thị khang trang, hiện đại, góp phần quảng bá hình ảnh du lịch trong mắt du khách thập phương mỗi khi đến thị trấn góp phần thúc đẩy ngành du lịch nói riêng và kinh tế tỉnh nhà nói chung

phát triển.

+ Kéo theo sự phát triển các hoạt động vui chơi, giải trí, kinh doanh dịch vụ của người dân trong khu vực, góp phần đẩy nhanh quá trình phát triển theo quy hoạch chung của thị trấn Kiến Giang.

+ Tạo thêm công ăn việc làm part time cũng như full time cho người dân địa phương.

3.3.1.6. Tác động do các rủi ro và sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động

a. Sự cố gây cháy, nổ

Khi dự án đi vào hoạt động, sự cố cháy nổ có thể xảy ra do sơ suất trong quá trình đun nấu, do chập điện, hỏng thiết bị điện... hoặc một số nguyên nhân chủ quan khác do con người gây ra.

Khi sự cố cháy nổ xảy ra hậu quả thường mang tính rủi ro cao, không những gây thiệt hại về tài sản của chủ dự án mà còn có thể gây nguy hiểm cho con người, nếu nặng có thể gây thiệt mạng. Phạm vi ảnh hưởng của sự cố cháy nổ không chỉ trong khu vực dự án mà còn ảnh hưởng đến vùng lân cận, tùy theo mức độ của sự cố mà phạm vi ảnh hưởng sẽ khác nhau.

Sự cố cháy nổ xảy ra sẽ sinh ra bụi và các loại khí thải như: CO, SO₂, NO_x, VOC... làm gia tăng thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm trong môi trường không khí. Nước chữa cháy cuốn theo các sản phẩm cháy nên có độ đục cao, gây ô nhiễm nguồn nước mặt.

b. Sự cố đối với hệ thống thoát nước thải

- Sự cố đối với đường ống thoát nước thải xảy ra khi đường ống đấu nối từ hố thu nước thải của dự án đến hố thu nước thải của toàn dự án bị tắc hoặc sự cố vỡ đường ống thoát nước thải. Khi sự cố này xảy ra thì khả năng thoát nước thải cho dự án sẽ tạm thời không còn, nước thải sẽ bị ứ đọng không thoát được, sẽ gây nên mùi hôi thối, nhiễm bẩn môi trường ở khu vực dự án, đặc biệt tại các khu vực có đường ống bị vỡ.

- Kích thước các bể lưu chứa không đúng dẫn đến thời gian lưu chứa không đủ để đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Các bơm nước, sục khí hoạt động không đúng theo công suất thiết kế gây tắc nghẽn hệ thống dẫn đến nước thải đầu ra không đạt Quy chuẩn hiện hành.

- Do quá trình vận hành hệ thống xử lý không theo đúng quy định sử dụng;

- Do hỏng hóc các thiết bị của hệ thống.

c. Sự cố do vệ sinh an toàn thực phẩm

Sự cố ngộ độc thực phẩm do một số nguyên nhân sau:

- Do nguồn thực phẩm đưa về chế biến có hàm lượng chất hóa học cao hoặc bị nhiễm các vi sinh vật gây bệnh tiêu chảy,...

- Do sử dụng các loại thực phẩm có sẵn chất độc như các loại nấm thể bị hư hỏng, khoai tây mọc mầm, nấm mốc, nấm men,...

- Do việc chế biến tại nhà bếp không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, một số sản phẩm bị biến chất, ôi thiu,...

- Do các mặt hàng quá hạn sử dụng,...

Đối với hoạt động phục vụ giải khát khách với tần suất cao, vấn đề đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm là một trong những vấn đề hết sức quan trọng. Khi sử dụng phải những chất không đảm bảo chất lượng và vệ sinh thì sẽ gây nên các bệnh đường ruột, ngộ độc thực phẩm, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của con người và toàn xã hội, ảnh hưởng đến uy tín và kinh doanh của dự án. Vì vậy, việc bảo đảm an toàn thực phẩm sẽ được chủ dự án tuân thủ theo quy định.

d. Sự cố do thiên tai, thời tiết

- Sự cố do bão, áp thấp nhiệt đới gây nên những thiệt hại đối với công trình xây dựng, cây xanh, tượng đài, hệ thống điện của dự án.

- Sự cố sét: Sự cố sét có thể xảy ra ở khu vực Dự án gây ảnh hưởng đến hệ thống và các trang thiết bị điện của toàn Dự án, ngoài ra có thể ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng người dân, vận động viên và khách du lịch ở trong khu vực vào thời điểm có sét.

g. Sự cố ngập lụt

- Sự cố ngập lụt có thể xảy ra khi hệ thống thoát nước của khu vực bị sự cố tắc nghẽn, tuy nhiên, khả năng ngập cục bộ lâu dài cũng khó xảy ra vì với đặc điểm địa hình khu vực Dự án và lân cận thì nước mưa sẽ chảy tràn ra khu vực xung quanh để thoát về mương thoát nước mưa.

- Sự cố ngập cục bộ do thời tiết cực đoan: Khu vực thực hiện dự án nằm tại thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy nằm cạnh dòng sông Kiến Giang nên là một trong các khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề vào mùa lũ lụt hằng năm. Do đó, cần xây dựng phương án đối phó, phòng chống, bảo vệ tài sản của trung tâm vào các mùa mưa lũ.

h. Sự cố lây lan dịch bệnh

Tập trung nhiều người từ nhiều nơi khác đến cũng là nguyên nhân xuất hiện các ổ dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, đặc biệt trong điều kiện dịch bệnh bởi vì rút corona 2019 (covid 19, sars cov 2) đang diễn biến rất phức tạp, lây lan nhanh và khó kiểm soát như hiện nay.

3.3.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

Để giảm thiểu những tác động tiêu cực trong giai đoạn này như đã dự báo ở trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cơ bản sau:

3.3.2.1. Giảm thiểu tác động đến môi trường không khí

a. Đối với bụi cuốn, khí thải ở khu vực

Đơn vị quản lý Trung tâm thể dục thể thao có trách nhiệm thực hiện:

- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn các tuyến đường trong khuôn viên dự án;
- Bố trí các làn đường dẫn vào bãi đỗ xe hợp lý. Bãi đỗ xe được bố trí phù hợp, hạn chế phương tiện giao thông đi lại trong khuôn viên;
- Chăm sóc, duy trì hệ thống cây xanh, thảm cỏ.

b. Đối với khí, mùi hôi phát sinh từ các cống thoát nước, thùng rác, khu trung chuyển rác

- Các thùng chứa rác phải sử dụng loại có nắp đậy để hạn chế mùi hôi phát sinh làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí.

- Công ty hợp đồng và thống nhất giờ thu gom rác với đơn vị thu gom rác thị trấn

Kiến Giang hạn chế tối đa mùi hôi tác động đến môi trường, tránh thu gom rác vào ban ngày và không để tồn lưu rác qua ngày;

- Thường xuyên vệ sinh các khu nhà vệ sinh và nhắc nhở nhân viên, thực khách có ý thức giữ gìn vệ sinh chung.

- Thiết kế và xây dựng hệ thống thoát nước hợp lý, khoa học, đảm bảo thu và thoát hết nước trên toàn bộ diện tích khuôn viên khu vực. Cao độ của hệ thống thoát nước phải hợp lý, tránh ứ đọng cục bộ gây bốc mùi.

- Lắp đặt hệ thống quạt hút đẩy tại khu WC, cử công nhân thay phiên nhau vệ sinh khu nhà vệ sinh định kỳ.

- Thường xuyên giám sát để kịp thời thông báo với cơ quan chức năng xử lý trường hợp phát hiện sự cố mùi hôi từ hệ thống cống thoát nước trong khu vực.

3.3.2.2. Giảm thiểu tác động do nước thải, nước mưa chảy tràn và nước tưới cây

a. Đối với nước mưa chảy tràn

Phương án thu gom và thoát nước mưa của trung tâm trong giai đoạn hoạt động như sau :

+ Nước mưa từ mái sẽ được thu bằng hệ thống thu sau đó theo ống nhựa PVC D110 chảy về hệ thống mương bê tông thoát nước bề mặt.

+ Nước mưa chảy tràn bề mặt theo địa hình về các mương bê tông thoát nước mưa B400 bố trí xung quanh các công trình và khuôn viên dự án sau đó chảy vào hố ga thoát nước trên tuyến đường Nguyễn Trãi . *(Chi tiết đính kèm tại phụ lục bản vẽ tổng mặt bằng thoát nước).*

Để nước mưa chảy tràn dự án được thu gom và tiêu thoát tốt, không gây tác động đến môi trường khu vực thì hệ thống thoát nước mưa phải được tính toán kỹ lưỡng, thẩm tra trong giai đoạn thiết kế, đảm bảo một số nội dung sau:

- Hệ thống thiết kế phải tính toán đảm bảo thu gom và thoát nước mưa trong toàn bộ khu vực Dự án, không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước mưa của khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa phải được thiết kế dựa trên các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, cụ thể:

+ QCVN 07-2:2016/BXD Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước.

+ TCVN 7957-2008: Tiêu chuẩn thiết kế về thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài.

+ QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng.

- Nguyên tắc thiết kế cho khu vực dự án:

+ Hệ thống thoát nước cho khu vực lập dự án được định hướng theo quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, độc lập với hệ thống thoát nước thải.

+ Nước mưa được xả thẳng vào mương nước gần nhất bằng cách tự chảy. Không xả nước vào những chỗ trũng không có khả năng tự thoát nước, vào các ao tù nước đọng và vào các vùng dễ bị xói mòn.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa đồng bộ, khớp nối với quy hoạch chung của khu vực.

+ Tuân thủ hiện trạng tiêu thoát nước hiện có, tận dụng hệ thống các khe tụ thủy, cống hộp hiện có của khu vực để thoát nước, hạn chế phải cải tạo thay đổi dòng chảy nằm ngoài khu vực quy hoạch. Các dòng chảy hiện trạng được tôn trọng và đầu nối.

+ Vạch tuyến thoát nước theo hướng san nền và độ dốc đường giao thông để hạn chế độ sâu chôn cống.

- Trong giai đoạn thi công :

+ Chủ dự án sẽ thực hiện giám sát và phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện giám sát đảm bảo nghiệm thu hệ thống được thi công theo đúng thiết kế đã được thẩm định, thẩm tra.

+ Tuân thủ các nguyên tắc trong xây dựng hệ thống thoát nước.

- Trong quá trình đi vào hoạt động :

+ Phải thực hiện duy tu, bảo dưỡng theo đúng quy định của nghị định 06/2021 NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng vào bảo trì công trình xây dựng.

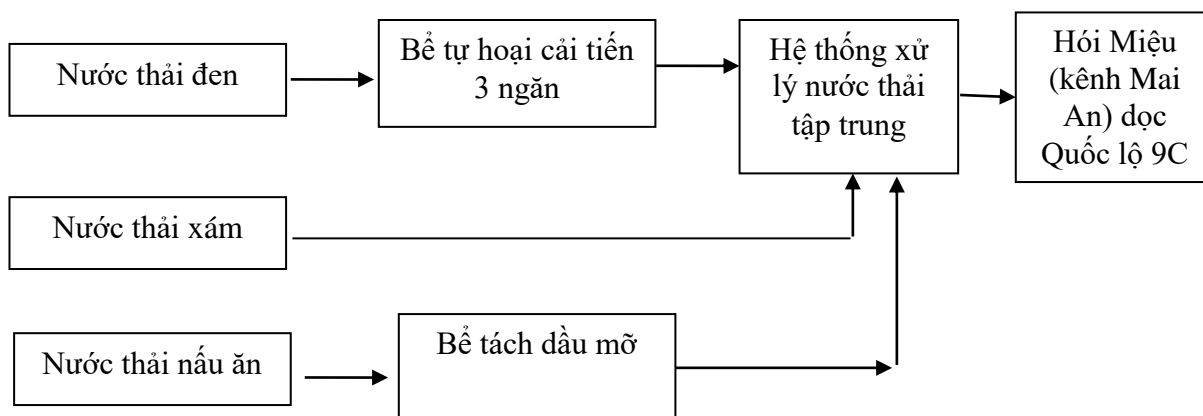
+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân trong công tác bảo vệ môi trường để không làm rác thải tắc nghẽn, hư hỏng đường ống thoát nước của dự án.

+ Thường xuyên thực hiện công tác vệ sinh môi trường để hạn chế nguồn chất bẩn bề mặt theo nước mưa theo hệ thống thu gom và thoát ra các mương làm ảnh hưởng chất lượng môi trường nước mặt.

b. Đối với nước thải sinh hoạt

Hiện nay trên địa bàn huyện Lê Thủy và khu vực dự án chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung vì vậy dự án phải xử lý nước thải cục bộ, tại chỗ đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra mương thoát nước hiện trạng mục đích tiêu thoát lũ và phục vụ tưới tiêu nông nghiệp.

Phương án xử lý nước thải sinh hoạt của dự án như sau:



Thuyết minh sơ đồ xử lý nước thải

* **Đối với nước thải đen:** Nước thải từ các nhà vệ sinh sẽ theo ống dẫn chảy vào bể chứa (bể 1), tại đây diễn ra quá trình lắng và tách các tạp chất lơ lửng, không tan có kích thước lớn. Nước thải đã được phân hủy một phần sẽ theo ống dẫn chảy qua bể lắng (bể 2), tại đây tiếp tục diễn ra quá trình phân hủy chất hữu cơ trong điều kiện kỵ khí. Sau bể 2, nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí, các hợp chất hữu cơ gần như đã được phân hủy hoàn toàn. Bùn được sinh ra sau quá trình phân hủy chất hữu cơ sẽ lắng xuống đáy

nhờ trọng lực, phân nước trên bề mặt tiếp tục chảy vào bể lọc (bể 3). Tại bể này, nước sẽ tiếp tục được phân hủy, lắng lọc các chất rắn lơ lửng còn lại trong nước thải. Nước thải sau bể 3 sẽ theo ống dẫn ra hệ thống xử lý nước thải tập trung.

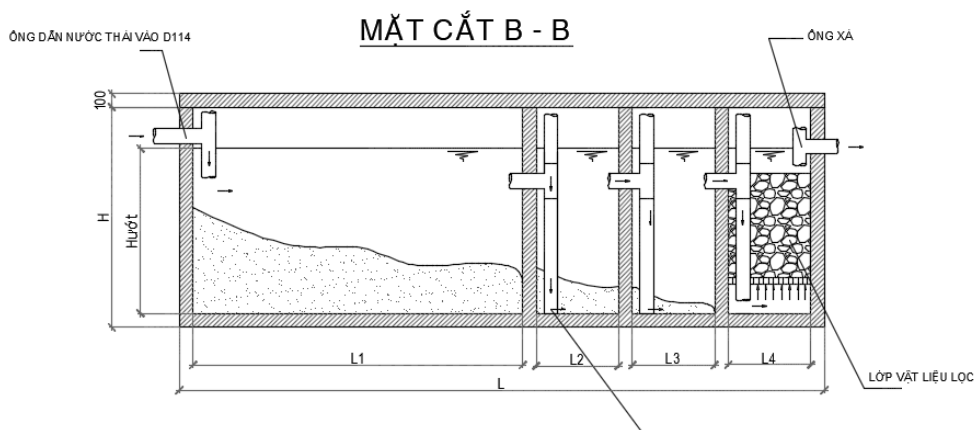
Bùn thải từ bể được định kỳ (2-3 năm) nạo hút/lần để tăng tính năng bể xử lý.

Theo T/C Xây dựng, số 1/2006, nồng độ các chất bẩn trong dòng nước thải ra khỏi bể tự hoại thông thường nằm ở trong giới hạn: BOD₅: 120- 140 mg/l; Tổng các chất rắn: 50-100 mg/l; Nitơ amôn N-NH₃: 20-50 mg/l; Nitơ nitorat N-NO₃: <1 mg/l; Tổng Nitơ: 25-80 mg/l; Tổng phốt pho: 10-20 mg/l; Tổng coliorm: 103-106 MPN/100ml. Để tăng hiệu quả xử lý của bể tự hoại, sử dụng bể tự hoại cải tiến Bastaf để xử lý cho phép đạt hiệu suất tốt, ổn định (hiệu suất xử lý trung bình theo hàm lượng cặn lơ lửng đạt 90,8%, theo COD đạt 86,3% và BOD đạt 74,4% cao hơn 2-3 lần so với bể tự hoại thông thường.

Theo tài liệu Bể tự hoại và bể tự hoại cải tiến, Nhà xuất bản Xây dựng, 9/2007 của PGS.TS Nguyễn Việt Anh). Thông số xây dựng được đề xuất ở bảng sau:

N	H _{uốt}	B, m	L ₁ , m	L ₂ , m	L ₃ , m	L ₄ , m	L ₅ , m	V _{uốt} , m ³
5	1,2	0,8	1,9	0,6	0,6	-	-	3,0
10	1,2	1,0	1,9	0,6	0,6	-	-	3,7
15	1,2	1,2	2,4	0,6	0,6	-	-	5,1
20	1,4	1,2	2,3	0,6	0,6	0,6	-	6,8
25	1,4	1,4	2,6	0,6	0,6	0,6	-	8,6
30	1,4	1,4	3,4	0,6	0,6	0,6	-	10,3
35	1,4	1,8	3,0	0,6	0,6	0,6	-	12,0
40	1,6	1,8	3,0	0,6	0,6	0,6	-	13,7
45	1,6	1,8	3,4	0,6	0,6	0,6	-	15,1
50	1,6	1,8	3,3	0,6	0,6	0,7	0,7	17,1
75	1,8	2,0	3,5	0,6	0,6	0,7	0,7	22,0
100	2,0	2,0	4,5	0,6	0,6	0,7	0,7	28,2

(Nguồn: tài liệu Bể tự hoại và bể tự hoại cải tiến, Nhà xuất bản Xây dựng, 9/2007 của PGS.TS Nguyễn Việt Anh)



Với quy mô dự án: Bố trí 02 bể tự hoại (01 phục vụ cho cửa nhà hàng tiệc cưới và 01 phục vụ cho khu văn phòng).

Khối lượng nước thải sinh hoạt tại các khu vệ sinh của nhân viên và khách hàng phát sinh khoảng 3,0m³/ngày đêm trong đó nước thải xám chiếm 80% (2,4m³/ngày đêm) và nước thải đen chiếm 20% (0,6m³/ngày đêm). Thời gian lưu nước tối thiểu tại mỗi bể tự hoại là 5 ngày, thể tích mỗi bể tự hoại khoảng 5m³. Vậy kích thước bể tự hoại của Dự án theo tài liệu Bể tự hoại và bể tự hoại cải tiến, Nhà xuất bản Xây dựng, 9/2007 của

PGS.TS Nguyễn Việt Anh như sau:


H _{ướt} (m)	B(m)	L1(m)	L2(m)	L3(m)	V (m ³)
1,2	1,2	2,4	0,6	0,6	5,1

Tuy nhiên, nồng độ các chất ô nhiễm sau bể tự hoại không thể đảm bảo yêu cầu xả ra nguồn nước mặt theo quy định. Nếu để chảy, không có phương án thu gom về lâu dài sẽ ảnh hưởng đến môi trường khu vực, nguồn tiếp nhận, cần phải có các công trình xử lý cục bộ đạt quy chuẩn xả thải trước khi đưa ra nguồn tiếp nhận để hạn chế các tác động này.

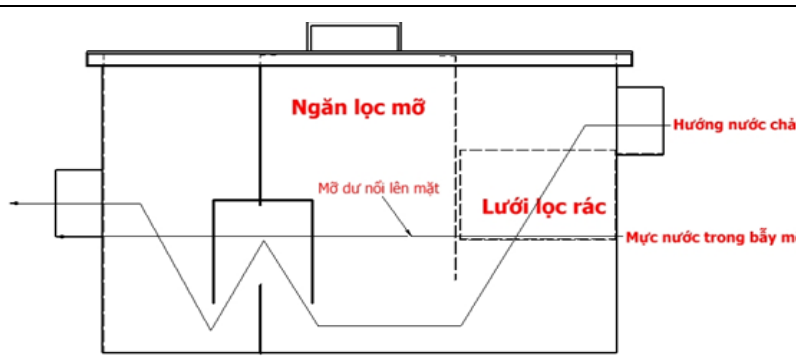
* **Đối với nước thải xám:** Nước thải từ bồn rửa tay, sàn được thu gom qua tấm chắn rác sau đó theo đường ống dẫn về bể lắng lọc 2 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung của dự án để tiếp tục xử lý.

* **Nước thải từ nhà bếp:** Nước thải nhà ăn, nhà bếp ước tính khoảng 5,6m³/ngày đêm chủ yếu chứa nhiều dầu mỡ do hoạt động nấu nướng và vệ sinh các dụng cụ nhà bếp và khu vực nấu. Ngoài ra, trong nước thải nhà ăn còn chứa nhiều chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng như nito, photpho. Do đó, lựa chọn phương án xử lý bằng bể tách dầu mỡ inox có thể tích 2,0m³ trước khi thoát vào bể thu gom và xử lý nước thải chung của dự án.

Các thông số thiết kế bể thu dầu mỡ inox:

<ul style="list-style-type: none"> + Xuất xứ: Inox Việt Nam – Việt Nam. + Thân làm bằng Inox 304, dày 1.0 mm. Lọc mỡ bằng phương pháp đảo chiều dòng chảy của nước. + Bể tách mỡ cấu tạo bao gồm 03 ngăn: Ngăn Rác, Ngăn mỡ và ngăn nước sạch. + Các ngăn trong bể tách mỡ có thể dễ dàng tháo rời để vệ sinh. + Ống cấp và thoát ren ngoài D110. + Chiều dài bể: 2m + Chiều rộng bể: 1 m + Chiều sâu bể: 1m 	
--	--

Nguyên lý hoạt động:

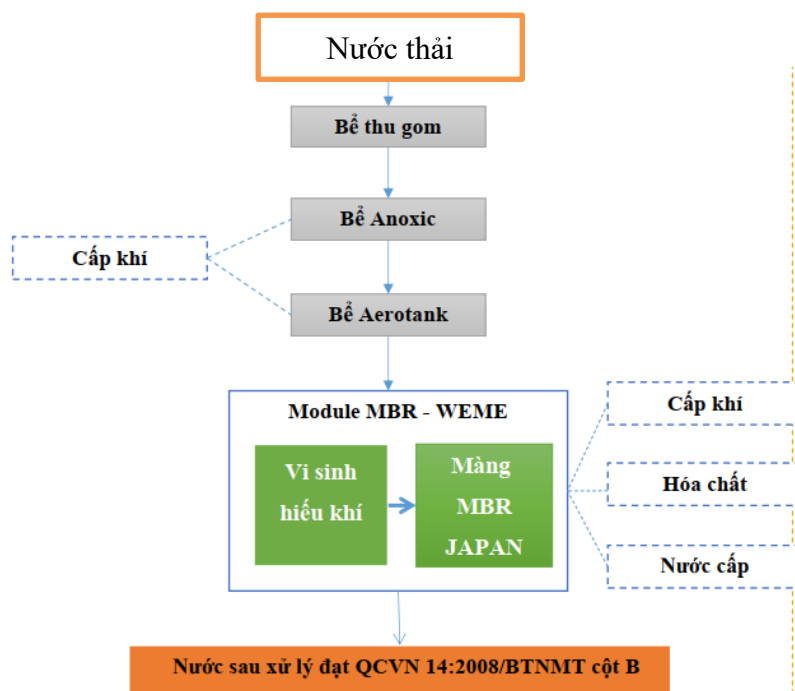
	<p>Bể tách mỡ làm nhiệm vụ lắng cặn và tách một phần dầu mỡ ra khỏi nước thải. Theo nguyên lý trọng lực, dầu mỡ có trọng lượng nhỏ hơn nước sẽ nổi lên phía trên, nước sẽ được thu ở phía dưới. Dầu mỡ sẽ đóng váng nổi lên trên bề mặt bể, định kỳ mở nắp thăm</p>
--	---

	và vớt ra ngoài.
--	------------------

Với số liệu thiết kế bể thu dầu mỡ như trên, lượng dầu mỡ nổi trên bề mặt bể sẽ được bố trí công nhân vệ sinh hằng ngày thu gom bằng cần gạt, để khô và xử lý như chất thải rắn sinh hoạt. Sau khi qua bể tách dầu mỡ, nước thải nhà bếp dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung của dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Với điều kiện kinh tế khu vực, quy mô dự án, tính chất nước thải và yêu cầu của nguồn tiếp nhận (kênh Mai An (hố Miếu) dọc tuyến đường Quốc lộ 9C cách dự án khoảng 7m về phía Đông, nguồn tiếp nhận không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt), tư vấn đề xuất phương án xử lý nước thải với công suất 40m³/ngày đêm như sau:

Dây chuyền công nghệ xử lý nước thải như sau:

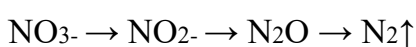


Hình 3.1. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải

Thuyết minh dây chuyền công nghệ

Nước thải đen sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và nước thải xám phát sinh tại các nhà vệ sinh được thu gom về hố ga thu gom trước khi vào hệ thống xử lý nước thải theo nguyên tắc tự chảy. Từ hố ga này, nước thải chảy được bơm lên bể anoxic bằng 02 bơm chìm, bắt đầu quy trình xử lý.

+ Bể anoxic: Tại bể anoxic 01 bơm chìm khuấy trộn nhằm cung cấp oxi cho vi sinh vật thiếu khí hoạt động xử lý chất ô nhiễm trong nước. Trong môi trường thiếu ôxy các loại vi khuẩn khử nitrit và nitrat Denitrificans (dạng kị khí tùy tiện) sẽ tách ôxy của nitrat (NO₃⁻) và nitrit (NO₂⁻) để ôxy hoá chất hữu cơ. Nitơ phân tử N₂ tạo thành trong quá trình này sẽ thoát ra khỏi nước.



Quá trình này xử lý >80% chất dinh dưỡng (N, P). Nước thải sau bể anoxic sẽ tự chảy qua bể hiếu khí kết hợp màng MBR. Lựa chọn bồn Tân Á Đại Thành với dung tích như sau:

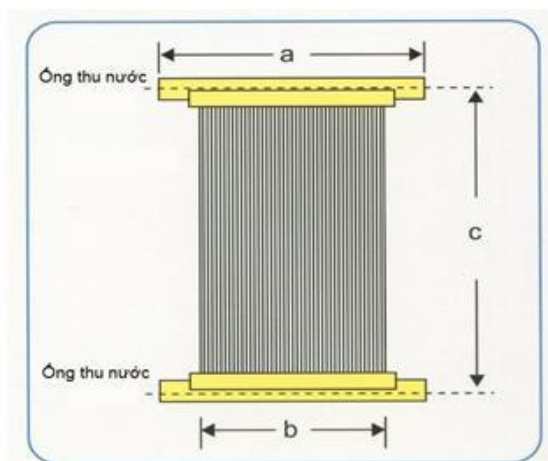
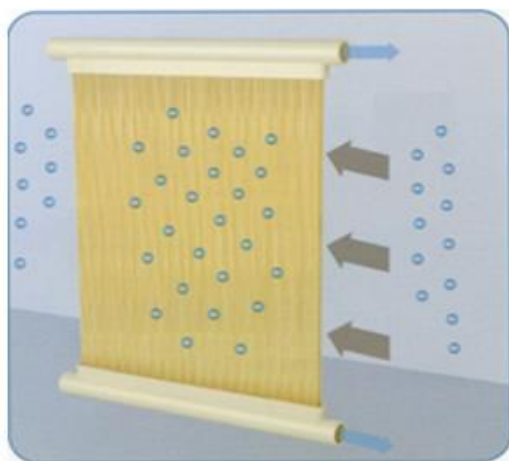
Thể tích bồn Tân Á	Thời gian lưu	H (m)	D (m)	Vật liệu
--------------------	---------------	-------	-------	----------

5m ³	40h	2,105	1,840	Nhựa LLDPE
-----------------	-----	-------	-------	------------

+ Bể hiếu khí : Sau đó, nước thải chảy tự động qua bể hiếu khí, nhiệm vụ của bể này là xử lý hiếu khí. Ở đây ôxy được cung cấp nhờ máy thổi khí hoạt động luân phiên 24/24h, đảm bảo việc phân phối khí đều trong bể thực hiện quá trình phản ứng vi sinh. Các vi sinh vật này sẽ phân hủy các chất hữu cơ thành sản phẩm cuối cùng là CO₂ và H₂O là giảm nồng độ bẩn trong nước thải. Trong bể thiếu khí có bố trí 1 bơm nước thải nhúng chìm để bơm nước lên Module MBR. Sử dụng bồn Tân Á Đại Thành với dung tích như sau:

Thể tích bồn Tân Á	Thời gian lưu	H (m)	D (m)	Vật liệu
5m ³	40h	2,105	1,840	Nhựa LLDPE

+ MODULE MBR: ta sẽ cung cấp một lượng vi sinh vật cần thiết để để khử BOD, COD, N, P,... có trong nước. Các vi sinh vật này sử dụng các chất hữu cơ có trong nước thải và một số khoáng chất làm nguồn dinh dưỡng cho hoạt động của chúng và đồng thời các chất hữu cơ này sẽ được phân giải thành hợp chất vô cùng đơn giản. Sau đó nước thải sẽ được bơm qua màng lọc MBR, tại đây vi sinh vật, chất ô nhiễm, bùn hoàn toàn bị giữ lại tại bề mặt màng. Đồng thời chỉ có nước sạch mới qua được màng. Phần nước trong được bơm hút ra ngoài, phần bùn sẽ được hồi lưu 1 phần về bể thiếu khí, phần còn lại nằm lại trong bể bị khoáng hóa và định kỳ hút bỏ. Vì kích thước lỗ màng MBR rất nhỏ (0.01 ~ 0.4 μm) nên bùn sinh học sẽ được giữ lại trong bể, mật độ vi sinh cao và hiệu suất xử lý tăng. Điều này tạo nên ưu điểm vượt trội giúp giảm thể tích bể và diện tích sử dụng. Nước sạch sẽ bơm hút ra ngoài mà không cần qua bể lắng, lọc và khử trùng. Máy thổi khí ngoài cung cấp khí cho vi sinh hoạt động còn làm nhiệm vụ thổi bung các màng này để hạn chế bị nghẹt màng.



Để màng hoạt động hiệu quả thì ta nên vệ sinh màng MBR theo chu kì bằng cách bơm hóa chất và nước cất vào ngược lại màng MBR để vệ sinh bên trong màng lọc. Quá trình này được MODULE MBR thực hiện toàn toàn tự động.

*** Hiệu quả xử lý qua từng giai đoạn**

Căn cứ vào chất lượng nước thải đầu vào (lấy giá trị trung bình tại Bảng 1.3 – giáo trình xử lý nước thải đô thị - PGS.TS Trần Đức Hạ), đây chuyên hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở và các tài liệu, tiêu chuẩn liên quan về xử lý nước thải, hiệu quả xử lý của hệ thống ước tính dự kiến cho một vài thông số đặc trưng như sau:

Công trình	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nồng độ	Hiệu	Nồng độ	Căn cứ xác
------------	----------	--------	---------	------	---------	------------

			đầu vào	suất xử lý	sau xử lý	định hiệu suất
Lọc rác thô + tinh + Hồ gom	BOD ₅	mg/L	255	0%	255	Sách xử lý nước thải đô thị và công nghiệp Lâm Minh Triết
	TSS	mg/L	225	5%	213,75	
	N-NH ₄ ⁺	mg/L	31	-	31	
	Tổng P	mg/L	8	-	8	
	Coliform	MPN/100ml	10 ⁷	0%	10⁷	
Bể Anoxic + Hiếu khí màng MBR	BOD ₅	mg/L	255	> 85%	38,25	Sách xử lý nước thải Trần Đức Hạ, các tài liệu liên quan về hệ thống XLNT MBR
	TSS	mg/L	213,75	> 90%	21,375	
	N-NH ₄ ⁺	mg/L	31	> 80%	6,2	
	Tổng P	mg/L	8	> 80%	1,6	
	Coliform	MPN/100ml	10⁶	> 99%	< 5.000	

- Chất lượng nước thải sau xử lý có thể đạt thấp hơn Cột B - QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

*** Vị trí bố trí hệ thống xử lý nước thải và vị trí xả thải**

Nước thải sau xử lý được dẫn bằng ống HPDE D90, chiều dài khoảng 30m để dẫn nước thải sau xử lý về kênh Mai An (hói Miệu) dọc theo tuyến đường Quốc lộ 9C (Tọa độ điểm xả thải: X(m): 1904205,467; Y(m):583793,480, hệ VN-2000 múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 106⁰). Nước thải sau đó theo kênh Mai An (hói Miệu) thoát về sông Kiến Giang cách đó khoảng 500m.

*** Đối với hệ thống thu gom nước thải trong nhà**

- Hệ thống thoát nước thải chung của dự án phải đảm bảo thực hiện theo đúng thiết kế đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- Hệ thống thoát nước thải phải được tính toán thiết kế dựa trên các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, cụ thể:

+ QCVN 07-2:2016/BXD Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước.

+ Quy chuẩn hệ thống cấp thoát nước trong nhà và công trình;

+ TCVN 7957-2008: Tiêu chuẩn thiết kế về thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, vận động viên trong công tác bảo vệ môi trường để không làm rác thải tắc nghẽn, hư hỏng đường ống thoát nước của dự án.

c. Đối với nước tưới cây:

Nước tưới cây là nguồn nước sạch không gây tác động xấu đến môi trường, tuy nhiên, đơn vị quản lý cần giám sát người lao động thực hiện tưới đúng kỹ thuật, lượng nước vừa đủ để không làm chảy tràn ra môi trường cũng như tiết kiệm nước.

d. Đối với nước cứu hỏa

- Thực hiện tốt các phương án, biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ để không phát sinh lượng nước thải phục vụ cho công tác cứu hỏa.

- Trường hợp xảy ra sự cố cháy thì do sự cố khẩn cấp nên không tránh khỏi nước chữa cháy cuốn theo chất bẩn từ đám cháy xuống mương thoát nước mưa trên đường. Ở

đây biện pháp giảm thiểu chủ yếu là dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ khu vực cháy, khu vực dòng nước cuốn qua đến cửa thoát.

3.3.2.3. Giảm thiểu tác động do chất thải rắn

Các biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải sinh hoạt và các loại rác thải khác phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án như sau:

• Chất thải rắn thông thường

- Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể được phân loại theo nguyên tắc như sau:

- + Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: như bìa carton, giấy loại, vỏ lon..;
- + Chất thải thực phẩm (nếu có);
- + Chất thải rắn sinh hoạt khác: như bao bì, vỏ bánh kẹo,....

- Bố trí sọt rác mini 10 - 50 lít bên dưới các bàn làm việc văn phòng, dọc hành lang, có ký hiệu để lưu chứa chất thải sinh hoạt theo phân loại trên, sau đó định kỳ thu gom và tập kết vào thùng rác cỡ lớn 240 lít (khoảng 2 thùng) được đặt tại vị trí công của Dự án và hợp đồng với đơn vị thu gom rác của xã để thu gom vận chuyển rác hằng ngày theo giờ quy định.

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc tổ đội thu gom xã vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt khác sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom rác của xã để thu gom vận chuyển rác hằng ngày.

- Chất thải thực phẩm (nếu có) được đựng trong thùng phi 100l, có nắp đậy và liên hệ các hộ gia đình định kỳ vận chuyển sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

- Các loại thùng chứa rác này đều có nắp đậy nhằm tránh ruồi, muỗi phát triển và phát tán mùi hôi ra khu vực xung quanh.

- Ngoài ra, sọt rác của Dự án được thiết kế bằng các dạng hình thù vui mắt khác nhau để thu hút sự chú ý của mọi người. Đây cũng là một hướng nhằm giáo dục ý thức Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh cho mọi người.

- Chủ dự án cam kết không đặt thùng rác trên vỉa hè và lòng đường.

Ngoài ra, cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp quản lý như:

- Ban hành quy chế về vệ sinh môi trường trong khu vực công ty;
- Tiến hành phân loại rác tại nguồn;
- Tuyên truyền, nhắc nhở nhân viên, khách hàng có ý thức về việc bảo vệ môi trường, không vứt rác bừa bãi.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn thông thường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT để xác định biện pháp thu gom, xử lý theo đúng quy định.

• Bùn thải từ bể phốt và hệ thống xử lý nước thải:

- Bùn thải từ hoạt động xử lý nước thải phải được lấy mẫu phân tích để xác định ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước; quản lý và xử lý theo loại chất thải tương ứng theo đúng quy định. Thông thường bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung không thuộc chất thải nguy hại. Vì vậy, chủ dự án sẽ định kỳ 3 - 6 tháng thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Bùn bể phốt: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 01 năm/lần đến hút và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

• Chất thải rắn nguy hại

- Bố trí 02 thùng chứa 100l lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định, cụ thể:

+ Có nắp đậy, dán nhãn CTNH, mã CTNH theo đúng quy định.

+ Vỏ có khả năng chống được ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với chất thải nguy hại chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thẩm thấu, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.

- Khu vực lưu chứa Chất thải nguy hại phải kín, có mái che, không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý CTNH theo đúng quy định với tần suất đảm bảo (ít nhất 06 tháng/lần). Cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại, vận chuyển theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2022.

3.3.2.4. Giảm thiểu tác động của tiếng ồn

Để hạn chế các tác động tiêu cực của tiếng ồn đối với môi trường dự án, ảnh hưởng đến thực khách và các đơn vị lân cận, một số biện pháp sau cần phải được thực hiện:

- Bố trí bãi đỗ xe hợp lý, hạn chế quá trình lưu thông của phương tiện trong khuôn viên dự án.

- Bố trí nhân viên giữ xe, hướng dẫn khách dừng xe và di chuyển xe của khách đến bãi đỗ xe của dự án.

- Đặt các biển báo và nhắc nhở các thực khách thiếu ý thức trong quá trình di chuyển bằng phương tiện giao thông như rồ ga, bóp còi,...

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án hạn chế sự lan truyền tiếng ồn sang các khu vực lân cận.

3.3.2.5. Hạn chế tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội

Với việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã trình bày theo báo cáo trong suốt thời gian hoạt động của dự án sẽ giúp giảm thiểu, tránh các tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội, ngược lại tăng cường hiệu quả kinh tế - xã hội như đánh giá ở trên.

3.3.2.6. Thực hiện tiết kiệm điện, nước

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh Quảng Bình, đồng thời đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia gắn với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, thực thi theo Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 07/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện và Công văn số 1657/UBND-KTN về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg

ngày 07/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện, Chủ dự án sẽ thực thi các biện pháp như sau đối với hệ thống chiếu sáng công cộng mà Chủ dự án thực hiện đầu tư xây dựng để chuyển giao cho đơn vị chức năng quản lý:

- Áp dụng các giải pháp quản lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành trong chiếu sáng công cộng; sử dụng các đèn chiếu sáng bằng đèn tiết kiệm điện; hoàn thành lắp đặt trung tâm điều khiển hệ thống chiếu sáng công cộng sử dụng công nghệ điều khiển tự động.

- Triển khai các giải pháp công nghệ tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện cho 100% công trình chiếu sáng công cộng của Dự án.

- Thực hiện tự động hóa các tuyến chiếu sáng công cộng để giảm lượng ánh sáng theo khung thời gian đảm bảo giảm cường độ chiếu sáng khi không cần thiết.

- Sử dụng các thiết bị vệ sinh tiết kiệm nước.

- Thực hiện hướng dẫn người vận hành hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện thực hiện theo đúng các giải pháp kỹ thuật tiết kiệm điện.

- Xây dựng quy định về sử dụng điện, nước trong dự án, nhằm đảm bảo việc tiết kiệm điện, nước đi vào nề nếp và lâu dài, tắt khi không sử dụng.

- Thường xuyên giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân viên về tiết kiệm điện, nước.

- Có chế tài xử lý nghiêm khắc đối với những cán bộ, nhân viên lãng phí điện, nước; đồng thời khuyến khích, khen thưởng những cán bộ, nhân viên có thành tích trong tiết kiệm.

3.3.2.7. Giảm thiểu rủi ro, sự cố trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Những biện pháp phòng chống sự cố và rủi ro trong giai đoạn hoạt động được đề xuất như sau:

a. Sự cố hỏa hoạn

- Phối hợp với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy huyện Lê Thủy, thị trấn Kiến Giang xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy cho dự án; trang bị các thiết bị cứu hỏa, bố trí các họng nước hợp lý đúng thiết kế, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống và thực hành các phương án phòng cháy, chữa cháy cho các cán bộ quản lý dự án.

- Phải có ý thức giữ gìn và bảo quản các thiết bị gây cháy nổ. Ngoài ra bộ phận điều hành quản lý trực tiếp công trình phải thường xuyên nhắc nhở, tập huấn về công tác PCCC - chữa cháy và thoát nạn (có sự hướng dẫn của Công an PCCC) cho mọi đối tượng nhân viên của dự án.

- Trang bị hệ thống báo cháy tự động dạng thường, báo theo khu vực. Trong toàn bộ dự án được lắp đặt các đầu báo cháy tự động loại báo khói và báo nhiệt.

- Bố trí các bình chữa cháy bằng khí CO₂ loại cầm tay 3 – 10 kg tại những nơi thiết yếu khác, tối thiểu mỗi vị trí 2 bình nhằm đảm bảo việc chữa cháy cục bộ được kịp thời và an toàn.

- Phải kiểm tra định kỳ các thiết bị chữa cháy và báo cháy, các thiết bị và dây dẫn chống sét công trình để đảm bảo khi có sự cố xảy ra thì vẫn hoạt động tốt.

- Định kỳ liên hệ với công an PCCC để thẩm định và xin giấy phép mới về công tác phòng cháy, chữa cháy.

b. Sự cố chập điện

- Sự cố đối với hệ thống điện công cộng chủ yếu liên quan đến vấn đề chất lượng thiết bị, chất lượng đầu nối và các vấn đề kỹ thuật khác trước khi đi vào vận hành. Do đó, Chủ đầu tư sẽ phối hợp cùng với đơn vị giám sát thực hiện giám sát và nghiệm thu đảm bảo thiết bị và hoạt động lắp đặt thiết bị được thực hiện theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Khi đi vào hoạt động phải có nội quy sử dụng điện và hướng dẫn quy trình kỹ thuật sử dụng điện cho nhân viên trong quá trình hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng các thiết bị điện để có phương án khắc phục, xử lý kịp thời tránh tình trạng đứt, cháy, chập dẫn đến sự cố.

c. Sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm

Chủ đầu tư sẽ thực hiện đúng các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm như sau:

- Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11 thông qua ngày 26-7-2003 và được Chủ tịch nước ký lệnh công bố ngày 7-8-2003.

- Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05/12/2012 của Bộ Y Tế về Quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố, cụ thể như sau:

+ Có khu nhà bếp, chế biến nấu nướng thực phẩm và khu ăn uống của khách riêng biệt.

+ Mọi nguồn cung cấp thực phẩm có xuất xứ cụ thể và an toàn.

+ Nơi chế biến, thiết bị dụng cụ phải bảo đảm các yêu cầu vệ sinh theo quy định chung.

+ Nhân viên phục vụ được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một năm một lần, có Giấy chứng nhận đã được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo đảm thực hành tốt vệ sinh cá nhân.

+ Phòng ăn, bàn ghế được thường xuyên giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, có đủ nhà vệ sinh và bồn rửa tay.

+ Có đủ sổ sách ghi chép thực hiện chế độ kiểm thực 3 bước theo hướng dẫn của Bộ Y tế; có đủ dụng cụ lưu mẫu thức ăn, tủ bảo quản mẫu thức ăn lưu và bảo đảm chế độ lưu mẫu thực phẩm tại cơ sở ít nhất là 24 giờ kể từ khi thức ăn được chế biến xong.

+ Có đủ dụng cụ chứa đựng chất thải, rác thải và bảo đảm kín, có nắp đậy; chất thải, rác thải được thu dọn, xử lý hàng ngày theo quy định; nước thải được thu gom trong hệ thống kín, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.

d. Sự cố đối với hệ thống thoát nước thải

Để phòng chống và ứng cứu sự cố này, Chủ đầu tư và đơn vị quản lý sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Giám sát đảm bảo đơn vị thi công lắp đặt, vận hành hệ thống nước thải theo đúng thiết kế đã phê duyệt, lựa chọn vật liệu làm đường ống thoát nước thải có độ bền cao, chống chịu với thời tiết tốt để hạn chế rò rỉ, vỡ đường ống trong quá trình hoạt động.

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra và vận hành hệ thống theo đúng kỹ thuật quy trình để hạn chế hư hỏng, kịp thời phát hiện hư hỏng và đạt hiệu quả xử lý cao nhất.

- Thực hiện công tác vận hành thử nghiệm nộ về Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi đưa vào hoạt động theo đúng quy định.

- Thực hiện các chương trình quan trắc, giám sát chất lượng nước thải định kỳ để đánh giá và khắc phục hiệu quả xử lý của hệ thống.

- Khi có sự cố hư hỏng, vỡ đường ống, rò rỉ xảy ra chủ dự án báo cáo với phòng TNMT huyện Lệ Thủy và phối hợp với đơn vị có chức năng nhanh chóng khắc phục, xử lý. Tạm dừng hoạt động của dự án trong quá trình sửa chữa.

e. Sự cố do thời tiết

- Sự cố do bão: Khi có thông tin về bão sắp vào thì dự án đơn đốc nhanh viên tiến hành gia cố, giằng néo các công trình, cây xanh, túc trực 24/24 để kịp thời xử lý sự cố hoặc báo cáo đơn vị chuyên môn nếu sự cố ngoài khả năng xử lý.

- Sự cố do sét: Lắp đặt theo đúng thiết kế và kiểm tra định kỳ hệ thống chống sét ở các khu nhà, dịch vụ để người dân hoặc du khách có thể kịp thời trú ẩn an toàn khi có giông sét.

g. Sự cố ngập lụt

**** Ngập lụt do sự cố tắc nghẽn hệ thống***

- Trước khi nghiệm thu, Chủ đầu tư cùng đơn vị giám sát có trách nhiệm giám sát đảm bảo hệ thống thoát nước được thi công theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

- Trong quá trình vận hành, thường xuyên kiểm tra, nạo vét đảm bảo khả năng thoát nước của hệ thống đặc biệt trong mùa mưa lũ cũng như thường xuyên vệ sinh, không để rác thải, đất đá hay bất cứ vật cản nào gây tắc các điểm thu nước của hệ thống thoát nước.

**** Ngập lụt do thời tiết cực đoan***

- Xây dựng cos nền tầng 1 cao hơn mốc lũ lịch sử năm 2020.

- Xây dựng trung tâm theo quy hoạch phòng chống thiên tai, trở thành một điểm phục vụ phòng chống thiên tai trong mùa mưa lũ, bão.

- Xây dựng phương án phòng chống, ứng phó, bảo vệ tài sản trung tâm trước các mùa mưa lũ.

- Thành lập đội phòng chống thiên tai, liên tục theo dõi, cập nhật tình hình để có phương án triển khai phương án kịp thời.

h. Biện pháp giảm thiểu sự cố dịch bệnh

- Không tổ chức các sự kiện tụ tập đông người trong điều kiện tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và thực hiện đúng mức độ theo quy định cho phép của tỉnh, nhà nước.

- Xây dựng nội quy, quy định, phương án phòng chống dịch tại trung tâm trong suốt giai đoạn hoạt động.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho cán bộ, nhân viên, vận động viên, người dân.

i. Sự cố mất an ninh, trật tự xã hội

Một số kiến nghị được đề xuất để ngăn ngừa, giảm thiểu tác động đến an ninh, trật

tự xã hội trong giai đoạn hoạt động của Dự án như sau:

- Chủ dự án thực hiện thường xuyên công tác bảo vệ tài sản chung ở dự án, tuyên truyền ý thức cảnh giác và tự bảo vệ tài sản của khách;

- Phối hợp với chính quyền địa phương và công an tổ dân phố Thượng Giang trong quá trình hoạt động.

k Sự cố an toàn giao thông

- Yêu cầu các phương tiện giao thông khi vào dự án phải bố trí sát lề đường, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông dọc tuyến đường Nguyễn Trãi . Đặc biệt không được đậu xe dọc tuyến Quốc lộ 9C vì tuyến đường này không có giải phân cách và có mật độ giao thông lớn.

- Các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải được đăng kiểm theo quy định nhằm hạn chế sự cố hỏng phương tiện gây tai nạn giao thông.

- Yêu cầu lái xe chạy đúng tốc độ, chú ý quan sát đoạn ra vào khu vực dự án vì đoạn đường này tập trung nhiều phương tiện lưu thông. Đặc biệt là đoạn giao giữa đường Nguyễn Trãi và Quốc lộ 9C.

3.4. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Tác động môi trường lớn nhất của dự án chủ yếu xảy ra trong giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình. Các vấn đề về môi trường và các biện pháp giảm thiểu liên quan sẽ được quản lý và theo dõi chặt chẽ.

Trong giai đoạn thi công dự án, Chủ đầu tư sẽ thực thi các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã đề ra trong phần chương 4 của báo cáo đánh giá tác động môi trường này.

Trong giai đoạn hoạt động, UBND thị trấn Kiến Giang (hoặc UBND ủy quyền lại cho tổ dân phố trực tiếp quản lý dự án) sẽ quản lý cộng đồng dân cư, trung tâm, giám sát công tác bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn của dự án.

Dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường được tóm tắt như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Kinh phí (1.000VNĐ)
1	Trang bị bảo hộ lao động	Từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình của dự án	10.000
2	Nhà vệ sinh lưu động		5.000
3	Thùng chứa rác thải sinh hoạt		500
4	Hệ thống biển báo		1.500
5	Hợp đồng thu gom rác thải với đơn vị thu gom rác thị trấn		5.000
6	Chi phí giám sát môi trường		15.000
7	Chi phí nhân lực quản lý môi trường		10.000

3.5. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Trong báo cáo ĐTM này, nhóm thực hiện đã kết hợp nhiều phương pháp đánh giá khác nhau như khảo sát thực tế, tổng hợp phân tích số liệu và dựa trên các thống kê thực

tế từ các dự án tương tự. Các tác động có thể xảy ra đã được phân tích, đánh giá dự báo khá đầy đủ, rõ ràng với mức độ chính xác và tin cậy cao. Tuy nhiên, việc dự báo về nồng độ ô nhiễm của các chất trong giai đoạn thi công xây dựng và công trình đi vào hoạt động chỉ là tương đối, vì số liệu thực tế sẽ phụ thuộc nhiều yếu tố khác nhau như thời tiết, khối lượng xây dựng phát sinh, khối lượng vận chuyển, khả năng quản lý,...

TT	Phương pháp	Mức độ tin cậy
1	Phương pháp làm việc nhóm	Nhóm gồm những kỹ sư, cử nhân môi trường, địa lý, cán bộ đo đạc có trình độ và kinh nghiệm. Nhiệm vụ được phân công rõ ràng tùy theo trình độ và kinh nghiệm của từng cá nhân phù hợp với thực tế. Trong quá trình thực hiện, nhóm thường xuyên trao đổi và góp ý xây dựng báo cáo.
2	Phương pháp thu thập thông tin	- Các tài liệu đảm bảo nguồn gốc xuất xứ, nội dung có độ tin cậy cao và đã được công nhận rộng rãi. - Đảm bảo điều kiện để cộng đồng dân cư, chính quyền, đoàn thể tại địa phương - nơi thực hiện dự án tham gia họp, lấy ý kiến góp ý cho Báo cáo.
3	Phương pháp khảo sát	Với sự hướng dẫn của cán bộ thông thạo địa hình, nhóm ĐTM đã tiến hành khảo sát hiện trạng khu vực công trình để có cái nhìn tổng quan về vị trí, đặc điểm địa chất, địa hình khu vực tương quan với bản vẽ, thuyết minh dự án.
4	Phương pháp tính toán	Phương pháp sử dụng các lập luận lý thuyết và công thức thực nghiệm mang tính chính xác và thực tiễn cao.
5	Phương pháp đo đạc	Các chỉ số môi trường được đo, phân tích đảm bảo độ chính xác vì được đo bằng các thiết bị hiện đại, có độ chính xác cao. Các vị trí lấy mẫu đảm bảo thể hiện đầy đủ đặc điểm tính đại diện môi trường khu vực. Người tham gia lấy mẫu có kinh nghiệm trong công tác thu thập và phân tích.
6	Phương pháp đánh giá nhanh, dự báo	Dựa vào trình độ và kinh nghiệm, nhiệm vụ được phân công rõ ràng, phương pháp này đưa ra các đánh giá và dự báo căn cứ vào điều kiện thực tế và các thông số môi trường thu thập được. Do vậy tính chính xác của phương pháp phụ thuộc vào khả năng và kinh nghiệm của cán bộ thực hiện ĐTM.

Chương 4

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Để đảm bảo hoạt động bảo vệ môi trường được xuyên suốt và thống nhất trong suốt quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư thực hiện lập Chương trình quản lý môi trường, trong đó thực hiện lập kế hoạch và chương trình hành động bảo vệ môi trường tại khu vực dự án, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh tra, kiểm tra, quan trắc và giám sát môi trường, phối hợp thẩm định, kiểm tra các công trình hạng mục, các hệ thống kỹ thuật xử lý môi trường, phòng chống sự cố nhằm đảm bảo các quy định tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường Việt Nam.

Bảng 4.1: Chương trình quản lý môi trường

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (Đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
Chuẩn bị	Đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng	Có thể xảy ra mâu thuẫn xã hội nếu việc áp giá đền bù không thỏa đáng hay thực hiện đền bù không đúng quy trình	Chủ dự án thực hiện kiểm đếm, áp giá và thỏa thuận đền bù theo đúng quy định của Nhà nước.	Chủ yếu là các phương án quản lý và tuyên truyền	Trước khi tiến hành thi công	Cá nhân, đơn vị tham gia đền bù	Chủ đầu tư và chính quyền địa phương
Thi công xây dựng	Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động đến môi trường không khí bởi tiếng ồn, bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển - Ảnh hưởng đến giao thông, sự cố tai nạn giao thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu dọn nền đường có đất đá rơi vãi. - Phương tiện vận chuyển được đăng kiểm an toàn kỹ thuật môi trường. - Che phủ bạt thùng xe. - Tuyên truyền, giáo dục ý thức an toàn giao thông cho các lái xe. 	Thuộc các biện pháp quản lý	Trong suốt thời gian thi công xây dựng	Nhà thầu thi công	Đơn vị tư vấn giám sát do Chủ đầu tư thuê

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (Đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
	Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động đến môi trường không khí do tiếng ồn bụi và khí thải phương tiện thi công - Chất thải rắn ảnh hưởng đến môi trường và mỹ quan - Các tác động do chất thải nguy hại 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện vệ sinh môi trường, che chắn nguyên vật liệu. - Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng thiết bị thi công nhằm tăng hiệu suất, giảm phát thải. - Tận dụng tất cả các phế liệu xây dựng vào các mục đích khác nhau; - Hợp đồng xử lý rác thải không tái sử dụng được với đơn vị thu gom rác thị trấn Kiến Giang - Lựa chọn vị trí đổ bỏ đất hữu cơ dư hợp lý; - Quản lý không để chất thải xâm nhập khu vực xung quanh - Bảo dưỡng, thay dầu cho phương tiện vận chuyển tại các cơ sở sửa chữa có đăng ký chủ nguồn thải nguy hại; - Thu gom dầu mỡ thải và giặt lau dính dầu mỡ ở công 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí giám sát môi trường: 15 triệu/đợt. - Hợp đồng xử lý rác: 5 triệu - Trang bị bảo hộ lao động: 10 triệu; - Hệ thống biển báo: 1,5 triệu; - Thùng rác: 0,5 triệu; - Nhà vệ sinh lưu động: 5 triệu; - Chi phí nhân lực quản lý môi trường: 10 triệu. 	Trong suốt thời gian thi công xây dựng	Nhà thầu thi công	Đơn vị tư vấn giám sát do Chủ đầu tư thuê và chính quyền thị trấn Kiến Giang

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (Đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
			<p>trường vào thùng phuy kín và hợp đồng với đơn vị chức năng trong vận chuyển và xử lý.</p>				
		- Các sự cố môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, công nhân thi công. - Giáo dục, tuyên truyền ý thức chấp hành quy tắc an toàn trong lao động. - Phối hợp và chuẩn bị các phương án ứng cứu sự cố an toàn giao thông, cháy nổ. - Quản lý không để các nguồn thải xâm nhập khu vực ngoài phạm vi dự án. - Không tiến hành thi công vào ngày mưa lớn. 				
		- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, chấp hành đúng quy định an toàn giao thông. - Tăng cường quản lý cán bộ, công nhân thi công để tránh va chạm với người dân địa phương. - Giáo dục ý thức bảo vệ môi 				

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (Đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
			trường cho lao động.				
	Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân	- Phát sinh nước thải; - Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh.	- Xây dựng nhà vệ sinh lưu động trên công trường; - Hợp đồng xử lý rác thải sinh hoạt với đơn vị thu gom rác thị trấn Kiến Giang;				
Hoạt động của dự án	Hoạt động ăn uống, café của khách hàng	- Khí thải, bụi do hoạt động của phương tiện vận chuyển; - Chất thải vệ sinh; - Rác thải sinh hoạt; - Tiếng ồn.	- Thường xuyên thực hiện vệ sinh môi trường dự án; - Hợp đồng thu gom rác thải với đơn vị thu gom rác thị trấn Kiến Giang - Quy định giới hạn thời gian cho hoạt động có sử dụng loa công suất lớn ở khu vực Dịch vụ - phụ trợ và ở các sự kiện thể dục thể thao.	Kinh phí nằm trong chi phí vận hành của các đơn vị quản lý các hạng mục công trình liên quan	Trong suốt thời gian hoạt động của dự án	Chủ dự án và bộ phận quản lý	Thị trấn Kiến Giang cùng với các cơ quan quản lý môi trường của thành phố và tỉnh
	Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng hệ thống công trình, cây xanh	- Bụi, khí thải, tiếng ồn; - Lá cây; - Nước tưới.	- Thực hiện các biện pháp vệ sinh cụ thể cho từng hoạt động; - Tưới lượng nước vừa đủ để không để nước dư chảy tràn.				
	Các sự cố đối với hạ	Các sự cố đối với: - Hệ thống thoát	Các đơn vị quản lý các hạng mục công trình cụ thể thực				

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (Đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
	tầng kỹ thuật	nước thải; - Hệ thống thoát nước mưa; - Hệ thống điện.	hiện hoạt động giám sát, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa khắc phục sự cố đột xuất				

4.2. Chương trình giám sát môi trường

Công tác giám sát môi trường nhằm đảm bảo các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất ở trên được thực hiện một cách đầy đủ và có hiệu quả nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động bất lợi do Dự án mang lại.

4.2.1. Chương trình giám sát trong giai đoạn thi công

4.2.1.1. Giám sát chất lượng không khí

- *Chỉ tiêu giám sát:* Tổng bụi lơ lửng, độ ồn, Nhiệt độ, CO, NO₂, SO₂.

- *Vị trí giám sát:*

+ KK₁: vị trí trung tâm khu vực dự án;

+ KK₂: Vị trí khu vực ra vào dự án trên tuyến đường Nguyễn Trãi .

- *Tần suất giám sát:* 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- *Quy chuẩn đánh giá:*

QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

4.2.1.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, TSS, COD, NH₄⁺, BOD₅, Nitrat, Nitrit, Crom, Sắt, Coliform.

- *Vị trí giám sát:*

+ NM₁: Mẫu nước tại mương nước đoạn phía Đông khu vực dự án;

- *Tần suất giám sát:* 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- *Quy chuẩn đánh giá:* QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. (Cột B₁- Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂).

4.2.1.3. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí lưu chứa chất thải tạm trên công trường thi công.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.1.5. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Chỉ tiêu giám sát và căn cứ giám sát: Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng các nội dung trong bản ĐTM đã được phê duyệt.

- Vị trí giám sát: Trên toàn bộ khu vực Dự án.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần, hoặc khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường trong giai đoạn xây dựng

4.2.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Chương trình giám sát chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày đêm:

+ Thông số giám sát: các thông số theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Vị trí giám sát, số lượng mẫu và tần suất giám sát: theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

4.2.3. Chương trình giám sát trong quá trình hoạt động

4.2.3.1. Giám sát chất lượng nước mặt

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, COD, NH₄⁺, BOD₅, Nitrat, Nitrit, Crom, Sắt, Coliform.

- Vị trí giám sát:

+ NM: Mẫu nước tại vị trí xả thải;

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. (Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2).

4.2.3.2. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, Coliform.

- Vị trí giám sát:

+ NT: Mẫu nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 14:2008 /BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

4.2.3.3. Giám sát công tác quản lý, thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Vị trí giám sát: các vị trí thu gom chất thải sinh hoạt; vị trí lưu chứa chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.
- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.3.4. Giám sát công tác thực hiện các biện pháp bảo đảm sức khỏe an toàn và các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố

- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.
- Vị trí giám sát: Trên toàn bộ khuôn viên Dự án.

Chương 5

KẾT QUẢ THAM VẤN

Chủ dự án đang thực hiện công tác tham vấn cộng đồng và các đối tượng chịu tác động

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Trên cơ sở tham khảo các tài liệu kinh tế - kỹ thuật, kết hợp phân tích, đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của dự án đối với môi trường tự nhiên, kinh tế và xã hội khu vực, một số kết luận được rút ra như sau:

- Tất cả các tác động tiêu cực đến môi trường sẽ được kiểm soát chặt chẽ và khắc phục bằng các biện pháp quản lý, biện pháp kỹ thuật như đã đề xuất trong báo cáo. Các biện pháp được đề xuất đơn giản, phù hợp với điều kiện của Dự án và đặc điểm tự nhiên tại khu vực thực hiện Dự án, đảm bảo các nguồn thải được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành cho phép.

Giai đoạn hoạt động của Dự án trong tương lai nhìn chung không gây ảnh hưởng lớn cho môi trường xung quanh nếu thực hiện tốt việc vệ sinh, thu dọn rác thải hàng ngày.

Hoạt động của Dự án phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn Kiến Giang, góp phần vào sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội chung của huyện, của tỉnh.

Chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

2. Kiến nghị

Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ tổng hợp Hưng Thịnh kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường sớm thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: “Nhà hàng tiệc cưới và dịch vụ giải trí Hưng Thịnh” để trình UBND tỉnh phê duyệt nhằm tạo điều kiện cho Dự án triển khai, mang lại lợi ích kinh tế - xã hội to lớn cho người dân địa phương nói riêng và tỉnh Quảng Bình nói chung.

3. Cam kết

- Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ tổng hợp Hưng Thịnh sẽ yêu cầu nhà thầu cam kết rõ trong hợp đồng thuê đơn vị thực hiện thi công dự án là sẽ thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam về môi trường.

- Cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng, cũng như khi dự án đi vào vận hành chính thức như đã nêu trong báo cáo.

- Bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

- Cam kết trong quá trình thi công, nếu xảy ra sự cố hư hỏng các công trình do quá trình thi công gây nên, Chủ đầu tư sẽ bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Cam kết đổ thải theo đúng vị trí đã được quy định trong thống nhất của các phòng, ban, đơn vị liên quan. Nếu đổ không đúng vị trí thì chủ dự án sẽ chịu trách nhiệm theo đúng quy định.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

- (1). TS. Nguyễn Đức Lý, KS Ngô Hải Dương, KS Nguyễn Đại (đồng chủ biên). *Khí hậu và Thủy văn tỉnh Quảng Bình (2013)*. NXB KHKT.
- (2). Số liệu về điều kiện tự nhiên, địa hình, địa chất, khí hậu, thủy văn của khu vực thực hiện dự án;
- (3). Phạm Ngọc Đăng. *Môi trường không khí (2003)*. NXB KHKT.
- (4). Một số báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư tương tự đã được thực hiện trên địa bàn tỉnh để tham khảo.
- (5). TS. Lê Đình Thành. *Kiến thức cơ bản về đánh giá tác động môi trường các Dự án phát triển*, Hà Nội 2/2000.
- (6). Lê Thạc Cán và cộng sự. *Đánh giá tác động môi trường. Phương pháp luận và kinh nghiệm thực tiễn (1993)*. NXB KHKT.
- (7). GS.TS. Trần Ngọc Chấn. *Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải*. NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.